

Bộ Sách thu góp những tinh hoa của nền Văn Học Việt Nam. Suu tầm và tuyển chọn công phu đã hơn một năm trời. Nay sắp xuất bản:

TINH HOA TUYỂN TẬP

do TRẦN-QUỐC-BẢO biên tập

精
華
選
輯

TRÍCH TỰA

..... Lịch sử văn học bắt đầu ghi lại sự phát triển tốt đẹp này. Đó là một bước tiến dài, quá dài khiến cho con cháu chúng ta sau này chắc sẽ phải ngạc nhiên khi ngó lại quá trình Văn học của những thế hệ cũ. Cho nên khu vườn văn chương Việt-Nam đến nay đã có thêm nhiều đóa hoa thơm ngát mới lạ bên những đóa hoa cò điển cố bửu. Mỗi khi bước vào khu vườn đầy hương sắc này những người yêu mến văn chương không thể không cảm thấy lòng mình xôn xao vì bao niềm rung động, bao nỗi xúc cảm.

Chúng tôi cũng là kẻ sung sướng và tự hào mỗi khi vào du ngoạn trong khu vườn đó.

Giữa ngàn hoa tươi thắm mịn màng, chúng tôi sẽ lần lượt lựa chọn rồi thu góp những đóa hoa kiều diễm, khả ái và thơm tho hơn cả; thành từng bó để gửi đến các bạn bốn phương.

Phải chăng đây là những kỷ niệm của một thời đại văn học chừng 60 năm nay mà chúng ta có thể gọi một cách tự hào là thời đại hoàng kim của tu-tướng.

.....

PHỔ-THÔNG

TAP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa soạn : 227, Đường Phạm-ngũ-Lão - Saigon - Đ. T. Saigon 558

BỘ MỜI SỐ 2 * 15-11-1958

Số trang

1— Thân chào Bạn đọc	P.T.	11
2— Đi tìm một bộ tự điển Việt-Nam	Nguyễn Vỹ	13—15
3— Văn hào Đức GOETHE	Phạm Công Thiện	16—20
4— Nước Cộng Hòa « Con Ong »	Huỳnh Bội Hoàng	21—26
5— Ngữ Học	Lê Ngọc Trụ	27—29
6— Thành phố Saigon 100 năm về trước	Đặng Văn Nhâm	30—36
7— Nghệ thuật làm nghề	Từ Trần Lệ	37—39
8— Công-Chúa Bô-Câu	Lê Hương	40—45
9— Hoa nở về thu	Thanh-Nhung	46
10— Cuộc đời Vũ trọng Phụng	Trần Đổ	47—56
11— Nguyên Tử là gì ?	Thân Văn và cô Diệu Huyền }	57—60
12— Chiếc xe máy của tôi	Cô Bạch-Yến	61—64
13— Phụ nữ thế tục	Cô Tuyết Anh	65—67
14— Gia chánh	Bà Thường Lạc	68

	Số trang
15— <i>Mình ơi!</i> (vệ-tinh nhân tạo)	cô Diệu Huyền 69— 77
16— <i>Luật Lao động V.N.</i>	Huỳnh khắc Dụng 78— 79
17— <i>Chuyện vui Lịch sử</i>	Diệu Huyền 80— 81
18— <i>Giải Nobel văn chương 1958 với văn sĩ Nga-sô</i> <i>BORIS PASTERNAK.</i>	Tô Thùy Yên 82— 85
19— <i>Những người đời trước.</i>	Nguyễn Thủ Minh 86— 89
20— <i>Tôi làm phim</i>	Thái Thúc Diện 90— 94
21— <i>Cải lương đã được 41 tuổi</i>	Nguyễn Ang Ca 95— 98
22— <i>Ánh Đèn</i> (tiểu thuyết).	Vi Huyền Đắc 99—105
23— <i>Shakespeare.</i>	Tạ-Kỳ 106—108
24— <i>Văn nghệ sĩ thanh niên hiện đại</i>	Lâm Vị Thủy 109—111
25— <i>Kiên trình</i> (tiểu thuyết)	Cô Vân Nga 112—116
26— <i>Nhờ các bạn trả lời giùm</i>	Ba-Tèo 117
27— <i>Sách mới xuất bản</i>	Hồ thị Lý 118
28— <i>Hồ Biểu Chánh</i>	119
30— <i>Buồn ơi, Chào mi!</i> (tiểu thuyết)	Diệu Huyền 120—126
31— <i>4.000 năm ca dao</i>	Ba Tèo 127—129

- ★ Sắp-xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu cô Diệu.Huyền
- ★ Tranh-vẽ. cô Xuân-Mai
- Duy.Liêm
- Đặng-Nhâm
- ★ Bản kẽm Nguyễn-Diêu
- ★ In offset Bìa Đông-Nam-Á

• Các Báo Sách Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.



THÂN CHẠO BAN ĐỌC

BAN thân-mến, lời đầu của chúng tôi khi cho ra PHỔ-THÔNG số 2 này, là một lời chân-thật cảm ơn Bạn. Cảm ơn vì Bạn đã đón tiếp số 1 với một cảm-tình nồng-nhiệt vô cùng. Từ Trung vào Nam, PHỔ-THÔNG đã gọi dậy một tiếng vang rộng lớn: đó là một an-ủi quý-báu mà Bạn đã dành cho chúng tôi sau bao nhiêu khó-khăn trở ngại lúc bước đầu.

là một khuyến-khích lớn-lao và quý-báu vô cùng để cho chúng tôi càng cố gắng sắp-xếp và trình bày số 2 được hoàn-mỹ hơn.

Bước đầu bao giờ cũng khó-khăn, chắc Bạn đã biết cho như thế, nên mặc dầu PHỔ-THÔNG số 1 còn một vài khuyết-điểm về kỹ-thuật ấn-loát, về cách trình-bày, chúng tôi cũng tin rằng Bạn đã thông-cảm và sẵn-sàng miễn-thứ. Chúng tôi không phải là Thánh hay là Tiên, cho nên đã cố gắng về mọi mặt để cống-hiến Đồng Bào một tạp-chí văn-hóa toàn thiến toàn-mỹ nhưng vẫn chưa tránh được nhiều khuyết-điểm về kỹ-thuật trong lúc sơ-khai, mà chính chúng tôi cũng không hoàn-toàn thỏa-mãn.

Tuy ấn-loát rất tốn kém, chúng tôi vẫn bán giá rẻ để toàn-thề Đồng Bào các giới đều có thể mua được. Sự hy-sinh của chúng tôi có mục-dích phổ-biến Văn-hóa sâu rộng trong nhân-dân, một Văn-hóa lành-mạnh, ích lợi thiết-thực cho sự học-hỏi, nâng cao trình-độ trí-thức của Dân ta. Đẹp chính-trị qua một bên, chúng tôi quyết tiếp-tục góp phần xây-dựng một nền tiến-bộ mạnh-mẽ cho nhân-dân bằng Văn-Hóa.

Chúng tôi vui mừng nhận thấy Bạn đọc thân-mến sốt-sắng ủng-hộ chúng tôi làm tròn nhiệm vụ ấy. Xin thành thật cảm ơn các Bạn.

PHỔ-THÔNG số 1, được Đồng-Bào nhiệt-liệt hoan nghênh, quá sự ước-muốn của chúng tôi. Đó

Chào thông cảm.





... Tôi đã được đọc *Phở-Thông* bộ mới số 1.
Xin trân trọng cảm ơn ông và bà *Hồ-thị-Lý* đã giới thiệu cuốn «*Thuyền Thơ*» của tôi lên báo một cách đặc biệt.
Những lời phê bình của quý báo, tuy vẫn tắt, nhưng đầy đủ, có thể coi là một đảm bảo chắc chắn cho giá trị cuốn sách nhỏ của tôi và một hướng dẫn sáng suốt, trong việc chọn sách, cho các bạn đọc giả.

ĐÔNG-XUYÊN

(Tòa soạn «*Quan thuế nguyệt san*» Sài-gòn)

... Nhận thấy *Nguyệt-San Phở-Thông* bộ cũ rất hợp ý của em, từ bài vở, truyện ngắn, truyện dài, mục xã thuyết, chuyện vui, sưu tầm tài liệu... v... v... thấy thấy em đều thích.

Nhưng bằng đi từ mấy năm nay không thấy tờ ấy xuất hiện trên văn đàn, em buồn quá, không biết tìm đâu ra tờ ấy nữa để thưởng thức và nghiên cứu những văn chương của các văn gia có tiếng trên văn đàn *Thế-giới* và cũng để học hỏi thêm. Thì hôm nay đọc khắp các báo thấy quảng cáo về *Tạp-chí Phở-Thông* cũng do ông chủ-trương sắp ra đời, chả nói ông cũng hiểu lòng em như thế nào rồi.

.. Hiện giờ em đang đếm từng ngày từng giờ để mong *Tạp-chí Phở-Thông* xuất hiện trên các sạp báo sớm sớm. Em cũng rất lo ngại cho *tạp báo* này không ra đời vì điều kiện riêng, thì lúc ấy chắc em buồn không thể tả được.

MẠC QUÂN HUYỀN

(Tân-Châu)

... Xin thưa anh biết là trước kia tôi đã thưởng thức *Phở-Thông* bộ cũ. Giờ đây, tôi lấy làm vui mà đón nhận *Phở-Thông* bộ mới. Và tôi tin chắc rằng độc-giả «*Khỏe*» cũng như bạn đọc, nói chung, sẽ rất hoan-nghinh một *tạp-chí* mà nội-dung có một giá trị thời-dại và quốc-tế.

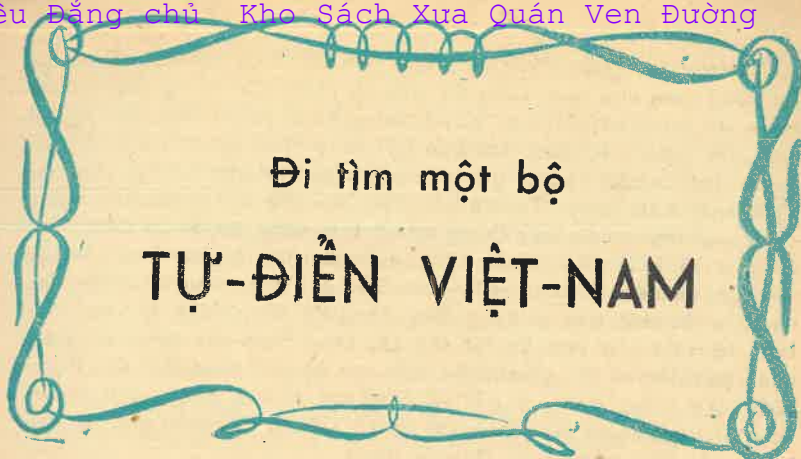
TRẦN-QUANG HUỆ

(Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút Tuần báo «*KHỎE*»)

... Tôi yêu mến *Phở-Thông* lắm, và những số cũ tôi đều đóng thành tập rất giá trị để trong tủ sách gia-đình của tôi.

LÊ-VĂN-THƯƠNG

(Nhàbru-diện Sài-gòn)



Đi tìm một bộ

TỰ-ĐIỂN VIỆT-NAM



MỘT *Tự-Điển* phải là một bộ sách góp đủ tất cả những tiếng nói của một Dân tộc. Và Tiếng nói của một Dân tộc là gồm tất cả những tiếng thông thường và những danh-từ văn-hoa, kỹ-thuật, những tiếng lóng, những tên người, tên đất, thuộc về Lịch-sử, Văn-nghệ, Địa-dư, Khoa-học, triết-học, v. v... , và cả những thổ-ngữ của các địa-phương, những tiếng cũ, tiếng mới, tiếng tục, tiếng thanh, không thiếu sót một chữ nào.

Tiếc thay, và nhục-nhờ thay, nước *Việt-Nam* ta từ trước đến nay vẫn chưa có một bộ *Tự-Điển* như thế !

Hiện cũng đã có một vài Nhà-văn hoặc Giáo-sư, tuy học-lực chưa có gì gọi là thông-thái lắm, nhưng có thì giờ nhàn rỗi, và kiên-nhẫn, đã chịu khó dựa theo các bộ *Từ-điển* s-s-sài Việt - Pháp léc ban sơ của vài bậc tiền bối, mà biên chép thêm vào chút ít, rồi in ra bán gọi là *Tự-điển*.

Hiện nay, nhiều quyền «*tự-điển*» ấy vẫn tiếp-tục xuất bản hoặc tái bản, quyền nào cũng gần giống như quyền nào, và cả : bạn học-sinh buộc lòng phải dùng tạm, không cần lựa chọn nhiều vì không có quyền *tự-điển* nào đầy đủ hơn, và thích-ứng hơn.

Người dày công sưu-tầm soạn ra quyền *Tự-Điển Việt-Nam* trước nhất chính là một người Nam-Việt cộng sự với một vị Cố-đạo, Paulus Cua và Genibrel. Gần hai mươi năm sau, Đào-Duy-Anh, noi theo quyền *Tự-điển* đầu tiên ấy mà chép ra thành một *tự-điển Việt-Pháp* mới, không thêm gì bao nhiêu. Rồi đến mấy người sau, Đào-đăng-Vỹ, Đào-văn-Tập, Thanh-Nghị, v. v... cũng chép theo Đào-Duy-Anh, kẻ thêm người bớt một ít danh từ không quan-trọng mấy, rồi cũng thành

quyền Tự-điền. Thạm-chí, có vài cậu sinh-viên thất nghiệp, thi rớt tú-tài trong năm vừa qua, cũng đã khởi-sự « làm một bộ Tự-điền » Việt-Nam, và chính kẻ viết bài này hân-hạnh được họ đến giải bày ý-kiến. Tôi hỏi : « Tại sao hai bạn lại có ý định viết Tự-điền ? » Họ thành thật trả lời : « Bây giờ chương-trình Việt thịnh-hành, tự-điền Việt-Nam bán chạy. Tôi đã bắt đầu làm chữ A. Bạn tôi làm chữ B. Chắc nội trong năm nay chúng tôi sẽ làm xong quyền Tự-điền Việt-Nam. » Tôi hỏi : « Đã có bốn năm quyền như thế rồi, hai bạn còn làm thêm chi nữa ? » Họ bảo : « Tự-điền Đào duy-Anh thiếu sót nhiều quá và có nhiều chữ nho vô dụng. Đào-đặng-Vỹ cũng thiếu và các ví-dụ toàn là rút trong năm ba tập thơ cũ, chưa Pháp-văn cũng sai. Đào-văn-Tập thiên về từ-ngữ chuyên môn, mà cũng không đầy đủ, Thanh Nghị cho thêm danh từ mới về triết học, nhưng giảng giải sơ-sài. Tóm lại, quyền nào cũng thiếu sót nhiều. Chúng tôi muốn góp lại mấy quyền đó, làm một quyền đầy-đủ hơn ».

Tôi cười : « Thế gọi là đầy-đủ ư ? Làm tự - điền như thế thì thật dễ quá ! »

Hiện nay, tôi cũng biết còn bốn năm tư-nhân khác, trong số đó có một vài nhà buôn triệu phú bỏ vốn ra thầu trước việc xuất bản để kiếm lời, hoặc thuê vài người « làm tự-điền » theo kiểu nói trên, cũng để... kiểm danh và kềm lợi — các tư nhân ấy đang hi - hục biên chép tự-điền, người đã đến chữ M, kẻ mới xong chữ E, kẻ khác đã bắt đầu vào chữ S ! Lại có vài ba anh em ký-giả dự-định phỏng dịch bộ « Dictionnaire Encyclopédique » của Pháp, thành bộ « Tự-điền Bách khoa » !

Xem chừng như các bạn đang âm-thầm tranh-thủ thời-gian làm một việc cạnh tranh dịch và sản-xuất Tự-điền !

Trong lúc đó, một bộ Tự-điền Việt-Nam chân-chính, vẫn chưa ai làm !

Tôi đã nói : một Bộ Tự-điền Việt-Nam chân chính phải là một bộ Tự-điền chứa đựng đầy đủ tiếng nói của Dân-tộc Việt-Nam, gồm cả các tên người, tên đất, các danh-từ kỹ-thuật, văn-hóa, tiếng lóng, tiếng thổ-ngữ các địa-phương, v.v... nghĩa là phải bao quát đủ cả các bộ-môn văn-hóa của dân tộc từ 4000 năm : văn-học, sử-ký, địa-dư, y-học, triết-học, và cả các tiếng nói thông-dụng từ đồng-ruộng đến thành-thị, từ xưa đến nay.

Tôi biết rằng, theo hoàn-cảnh sinh-hoạt hiện-tại của nước ta, một pho Tự-điền hoàn-toàn như thế không phải là dễ làm. Tôi biết rằng không thể một tư nhân nào, hay một nhóm trí - thức nào, đảm-đương nổi, vì thiếu tất cả các phương-tiện.

Vì lẽ đó, tôi mới đề-nghị với Chính-phủ, việc lập một HÀN-LÂM-VIỆN.

Chỉ có một Cơ-quan Quốc-gia có uy-tín, xử-dụng được các phương-liện đầy-đủ, mới có thể đảm-nhiệm được công-trình vĩ-đại ấy !

Chúng ta thành-thật khen ngợi những tác-giả đã dày công phiên-dịch và biên-chép các từ-điền Việt-Pháp hiện đang lưu-hành trong dân-chúng. Chúng ta không nên phiền trách những khuyết- điểm lớn-lao của họ, vì mặc dù họ sẵn có thiện-chí bao nhiêu chăng nữa, với hai bàn tay trắng, trong những điều-kiện thiếu thốn có thể gọi là nan-giải, họ cũng không sao tự sức mình mà thu góp được hết tất cả tài-liệu lịch-sử, địa-dư và nhân-sinh từ mác từ 4.000 năm, trong một Quốc-Gia gồm 25 triệu người.

Nhưng chúng ta mong rằng các tác-giả ấy sẽ được mời tham-dự vào một Hàn-Lâm-Viện gồm các nhà Học-giả và Trí-thức có chân-tài, có Tây-học và Nho-học thâm-thứ Bắc-Trung-Nam, với sự hợp-tác của tất cả các cơ-quan chuyên môn của tất cả các ngành hoạt-động, của toàn-thể Nhân-dân Việt-Nam từ Thành-thị đến thôn-quê, gom-góp với nhau tất cả những hiểu-biết để cùng nhau soạn-thảo một bộ Tự-Điền Việt-Nam xứng đáng với cái tên ấy.

Một quyền Tự-điền như thế rất cần-thiết trong giai-đoạn này. CẦN-THIỆT cho sự học-hỏi của Nhân-dân, cho tất cả mọi người Công-dân Việt-nam từ Lao-động đến Trí-thức, CẦN-THIỆT cho sự thống-nhất ngôn-ngữ và đề-cao văn-tự, CẦN-THIỆT cho việc kiểm-điểm toàn-diện các khả-năng của Dân-tộc Việt-Nam bị tiềm-tàng bấy lâu nay, CẦN-THIỆT cho sự xúc-tiến phong-trào phát-huy Văn-hóa.

Nước chưa có một Hàn-Lâm-Viện, Dân chưa có một pho Tự-Điền toàn-biên, thì trình-độ Văn-hóa của Quốc-gia không biết bao giờ mới vượt qua khỏi thời-kỳ ấu-trì !



★ ĐÀO !

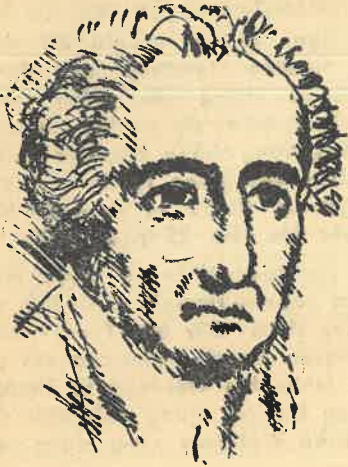
Cậu học-sinh Nguyễn-văn-Mit hỏi cậu học-sinh Lê-văn-Xoài :

— Tui đố cậu tại sao ở nước mình những ông làm tự-điền đều là họ Đào hết : Đào-duy-Anh, Đào-đặng-Vỹ, Đào-văn-Tập ?

Lê-văn-Xoài hỉ mũi rồi nói :

— Xi ! Vậy mà cũng hỏi ! Tại mấy ông chỉ đào các-Tự-điền cũ ra làm tự-điền mới, chớ khó gì đâu nè !

VĂN-THƠ NGOẠI-QUỐC ★ VĂN-THƠ NGOẠI-QUỐC



GOETHE (1749-1832)

VĂN-HÀO ĐỨC,
GOETHE
ÔNG GIÀ TRÊN
80 TUỔI MÀ CÒN
YÊU, CÒN HỌC,
CÒN VIẾT !

Ich bin ein Mensch, und das heisst ein Kämpfer sein.
GOETHE

(Tôi là người, nghĩa là kẻ chiến đấu).



M R O N G vài quyển
tiểu-thuyết xuất-
bản hồi khoảng
năm 1937-39, nhà
văn **VŨ TRỌNG-**

PHỤNG có phân-tích ái-tình và
định-ninh cho rằng nó có nghĩa
là « dâm ».

Ông đã lầm vì ông tin ở chủ-
nghĩa tính-dục của **FREUD** một
cách quá-đá. Trên thực-tế có
nhiều người yêu mỹ-nhân vì cái
mỹ, chứ ngoài ra không có mục-
đích gì khác. Ái-tình còn có một
ý-nghĩa cao hơn, rộng hơn cái
ý-nghĩa ấy của nhà văn họ **Vũ**

nữ chứ. Người ta có thể tìm
nhiều chứng-cớ rõ-rệt ở những
tâm-hồn nghệ-sĩ.

Chắc bạn biết một đại Thi-hào
Đức « già các » rồi mà còn mê
gái ơ?

GOETHE, chớ ai? Người Việt
ta đã chỉ lý khi nói « già rồi thì
hay siah tạt ». **GOETHE** già
chừng nào thì lại mê gái chừng
ấy, và toàn là những cô gái còn
trẻ tuổi cả !

Lúc ông già trên bảy mươi
tuổi rồi mà còn say mê một cô
gái hơ-hớ đào-tơ với đôi tám cái

xuân ! Nhưng tốt cái là ông chỉ
yêu mê cái đẹp ấy thôi, chứ
không phải vì mục - đích nào
khác. Alexandre Dumas cũng thế.
Stendhal cũng thế ! Và nhiều
nữa !

Người ta đã nói nhiều đến
GOETHE rồi, người ta đã viết
nhiều về **GOETHE** rồi. **GOETHE**
là ai? **GOETHE** là gì? Một
người đa-tinh đa-cảm? Không.
Một thi-hào vĩ-đại nhất của Đức?
Không. Một tiểu-thuyết gia vĩ-
đại nhất của Đức? Không. Một
kịch tác-gia vĩ-đại nhất của
Đức? Cũng không. Một tư-tưởng
gia vĩ-đại nhất của Đức? Cũng
không nốt. Cái định-nghĩa đúng
nhất là câu của Hoàng - đế
NAPOLEON nói với **GOETHE**:
« Ông là người » (*Vous êtes un
homme*).

Ở thời-kỳ chiến - tranh hồi
trước, có dân-tộc nào thù ghét
dân Đức cho bằng dân Pháp, thế
mà thi-sĩ Pháp **Jean MORÉAS** đã
nói: « **GOETHE** là người Đức duy
nhất mà chúng ta có thể mến
được ». (*Le seul Allemand que
nous puissions aimer*).

Ông sinh hai trăm lẻ chín năm
trước trong một tỉnh-thành cũ-
kỹ, thiêm thiếp bên bờ sông
MAIN. Và cũng như dòng sông
MAIN hồn-hậu, đời ông chảy dài
bình-thản, bằng phẳng êm-ru,
không một phong - ba đến xáo,
không một giông-tố đến động.

Ấy đâu phải bao nhiêu bạc
thiên tài ở thế - giới đều có
những cuộc đời ly-kỳ đặc-biệt.

TRẦN - THANH - MAI rất đúng
khi nói: « Người ta vẫn có thể
vừa kéo dài một cuộc đời bằng-
phẳng êm-ru, vừa vẫn là một
bạc thiên-tài ». Có nhiều người
dở-dần quan - niệm rằng muốn
thành những bạc thiên-tài, phải
có một cuộc đời khác thường,
một cuộc đời bệ-rạc, bông-lông,
bê-tha, kèn-kệu. Ôi sao lại khờ
đến thế à ! Nhà văn **ĐỖ ĐỨC-**
THU đã rất tài-tinh khi chỉ-trích
mĩa-mai mấy anh chàng văn-sĩ
dorm trong truyện « *Gác cho thuê* ».

Hồi còn bé tí-tẹo, **GOETHE** đã
được song-thân cho học nhiều
ngoại-ngữ như tiếng Anh, tiếng
Pháp, Hy-lạp và La-tinh.

Năm 16 tuổi, ông theo học tại
đại - học - đường Leipzig. Ông
thường đi học không đều-đặn.
Thay vì đến trường, ông ở nhà
hí-hoáy đọc cả ngày. Ông đọc tất
cả danh-phẩm cổ và cận-đại. Bạn
có chú-ý một điều này không?
Những vĩ-nhân hầu hết, hồi còn
nhỏ, đều ham đọc sách, nói ham
chưa đúng, phải nói say mê.
Người ta thường nói rằng tuổi
trẻ là một tuổi sẵn-sàng để yêu-
đương. Ông hàn - lâm Pháp
ANDRÉ MAUROIS nói : « Tuổi
trẻ là thứ thuốc mê mạnh nhất ».
Và **GOETHE** bảo : « Với thuốc mê
đó, anh sẽ thấy người con gái
nào cũng là ý trung nhân ». Phải,
hèn chi hồi nhỏ ông không nhiều
ý-trung-nhân sao được? Hồi còn
ở Leipzig, ông yêu mê cô gái của
một ông chủ lữ-quán. Rồi khi
xuống Strasbourg học Luật, ông
lại say mê cô gái của ông mục-

sur. Rồi khi lên Wetzlar tập-sự ở tòa-án, ông mê vị hôn-thê của một bạn đồng - nghiệp, và còn nhiều nữa... Thi-nhân mà ly ! Tốt hơn là mấy cô đưng bao giờ yêu Thi-sĩ.

Nhờ đọc SHAKESPEARE, ông thấy ham-mê kịch và viết vở « Götze von Berlichigen ». Năm 1773, ông cho diễn vở kịch đầu tay này và thành-công rực-rỡ.

Năm sau, ông cho xuất - bản tiếp một quyển tiểu-thuyết nhan là « WERTHER ». Đến quyển này, ông thành - công quá sức tưởng - trọng. *Nã-phá-luán* đã đọc quyển này đến bảy lần ! Và sau, tác-phẩm này được dịch ra

của PHẠM - CÔNG - THIÊN

khắp các thứ tiếng ở thế-giới. Chúng ta thấy ông thành-công như vậy, đưng tưởng ông thành-công quá dễ-dàng đâu nhè. Khi thấy ông thành công, có ai còn nhớ lại ông đã phải còm - còm ngời viết suốt đêm, bóp đầu hàng giờ để phó-diễn tư-trởng cho mạch-lạc, rồi kiên-nhẫn sửa đi sửa lại, chép đi chép lại bản thảo cho đến 3-4 lần !

Bạn có ngờ chẳng ? Ông đã để non sáu mươi năm mới viết xong danh-tác « FAUST » ! Ông bắt đầu viết hồi mới hai mươi lăm tuổi cho đến năm tám mươi ba tuổi ông mới viết xong những dòng chữ cuối-cùng ! Chúng ta

đã ngán cái kiên-nhẫn của BỒ-TÙNG-LINH khi dám bỏ ra 24 năm tư-công-phu để hoàn thành bộ « Liều-Trai Chi-di ». Nhưng khi đem so cái kiên-nhẫn ấy với cái kiên-nhẫn của GOETHE, ta phải sợ GOETHE biết ngần nào. Thiên-tài là gì ? Người Pháp đã chỉ-lý khi định-nghĩa : « Thiên-tài là một sự kiên-nhẫn lâu-dài » (Le Génie est une longue patience).

GOETHE còn một « cái » nữa mà tôi phục ông sát vắn. Đây là cái ông biết già. LA ROCHEFOUCAULD bảo : « ít người biết già ». Phải, đúng đấy, ít có người biết già. Ngoài năm mươi tuổi, người ta bắt đầu thấy cõi lòng và thể-

xác khô-khan, lạnh-lùng, luôn thấy vây quanh một ý-tưởng đen tối : chết. STENDHAL, lúc sắp đến năm mươi tuổi, không còn tích-cực sáng-tác và cho rằng câu sau đây của HIPPOCRATE đầy ý-nghĩa : « Cuộc đời thì ngắn mà nghệ - thuật lại dài » (nguyên văn : Ho bios brachus, hê de tekhuê makra). Còn GOETHE càng già-nua lại càng già-giặn. Ông già-giặn chứ không già-nua. Ông càng già càng xuất chúng, lỗi-lạc. Người ta khen VOLTAIRE ngoài ngũ-tuần rồi mà còn viết quyển « Candide », người ta nào dè GOETHE ngoài bát-tuần rồi mà còn viết danh-

phẩm « FAUST ». Ngoài ra, ông còn cặm-cui nghiên-cứu tất cả các khoa-học để mở-mang kiến-thức — đã sâu-rộng — cho sâu rộng thêm. Ông khảo-cứu địa-chất-học, thực-vật-học, quang-học, văn-văn... Ông đọc tất cả và hiểu tri tất cả. Ông thật rất xứng-đáng được gọi là « người thông tài bác thức ».

Đầu xuân năm 1832, ông lia đời, thọ tám mươi ba tuổi. Cũng trong năm ấy, nước Anh mất một đại văn-hào lãng mạn : WALTER SCOTT.

Trước khi tắt thở, GOETHE nói ít tiếng bất hủ sau đây : « Mehr Licht » (Cho thêm ánh sáng nữa !) để bảo người ta mở cửa sổ tung ra cho ánh sáng tràn vào vây phủ thân mình ông trong những giây phút cuối cùng.

Dưới đây tôi xin chép lại một trong những bài thơ tuyệt tác của GOETHE về chúng ta đồng lăm :

Der Erlönig.

Wer reitet so spät durch Nacht und Wind ?
Es ist der Vater mit seinem Kind ;
Er hat den Knaben wohl in dem Arm,
Er fasst ihn sicher, er hält ihn warm.
» Mein Sohn, was birgst du so bang dein Gesicht ? » —
» Siehst, Vater, du den Erlkönig nicht ?
Den Erlkönig mit Kron' und Schweif ? » —
» Mein Sohn, es ist ein Nebel-treif ».
» Du liebes Kind, komm, geh mit mir !

Gar schöne Spiele spiel' ich mit dir ;
Manch' bunte Blumen sind an dem Strand,
Meine Mutter hat manch' gülden Gewand ».
» Mein Vater, mein Vater, und hörest du nicht,
Was Erlenkönig mir leise verspricht ? » —
» Sei ruhig, bleibe ruhig, mein Kind ;
In dürren Blättern säuselt der Wind. —
» Willst, feiner Knabe, du mit mir gehen ?
Meine Töchter sollen dich warten schön ;
Meine Töchter führen den nächtlichen Reihn
Und wiegen und tanzen und singen dich ein »
» Mein Vater, mein Vater, und siehst du nicht dort
Erlkönigs Töchter am düstern Ort ? »
» Mein Sohn, mein Sohn, ich seh' es genau :
Es scheinen die alten Weiden so grau » —
» Ich liebe dich, mich reizt deine schöne Gestalt ;
Und bist du nicht willig, so brauch' ich Gewalt » —
» Mein Vater, mein Vater, jetzt fasst er mich an !
Erlkönig hat mir ein Leids getan !
Dem Vater grauset's, er reitet geschwind,
Er hält in den Armen das ächzende Kind,
Erreicht den Hof mit Müh' und Not ;
In seinen Armen das Kind war tot.
(GOETHE)

Thơ của GOETHE có tiếng là khó dịch, nhưng tôi cũng ráng dịch ra văn xuôi như dưới đây :

VUA CÂY TRẦN

Ai đi ngựa muộn thế giữa đêm
và gió ?

Đấy là người cha với đứa con
hắn ;

Hắn ôm chặt con trong tay,
Hắn ôm riết con và giữ con cho
ấm.

— « Con của cha ơi, tại sao con
lại giấu mặt một cách sợ hãi thế ?

— « Cha ơi, cha không thấy ông
vua cây trần sao ?

Vua cây trần với vương-miền và
áo choàng đấy ? »

— « Con ạ, đó là một vạch sương
mù mà ! »

« Em bé thân mến ơi, hãy, hãy
đến ta !

Chúng ta sẽ chơi chung những
trò chơi cực kỳ tốt đẹp ;

Bao nhiêu hoa tạp-sắc ở hải tân
Thì mẹ ta có bấy nhiêu áo vàng »

— « Cha ơi, cha, cha không nghe
những gì

Mà ông vua cây trần đã hứa nọ
nhỏ cùng con đấy cha ? »

— « Hãy yên lặng, hãy yên lặng,
con của cha,

Đó là tiếng gió thì thầm trong lá
khô »

« Em bé xinh-xinh ơi, em có
muốn đi với ta hẵng ?

Con gái ta sẽ chăm sóc em lắm
đấy

Con gái ta đang khai vũ ban đêm
Chúng nó sẽ ru em ngủ, sẽ khiêu
vũ và sẽ hát em nghe »

— « Cha ơi, cha ơi, cha không
thấy đằng kia, ở chỗ tối đó,

Mấy đứa con gái của vua cây
trần sao ?

— « Con của cha, con ạ, ở... Cha
thấy rõ lắm :

Đó là những cây liễu già xám
thế, con ạ »

« Ta mến em, ta thích dung mạo
xinh-xắn của em

Và nếu em cưỡng lại, ta dùng
bạo lực »

« Cha ơi, cha ơi, kìa ông ta tóm
lấy con kia !

Ông ấy làm đau con cha ơi ! »

Người cha rùng mình, giục ngựa
chạy nhanh

Hắn ôm riết đứa con rên siết
trong tay

Về được đến nhà — rất mệt khó
khăn,

Trong tay hắn đứa nhỏ đã chết.
GOETHE

Làm thơ như thế này là đã đạt đến chỗ tận thiện tận mỹ. Ông miêu tả rất linh động và cảm kích sự sợ hãi thái quá của một đứa trẻ nhỏ trước một ảo giác (hallucination). Bài thơ này đã được khúc-phổ-gia trừ danh SCHUBERT phổ nhạc. Tưởng khởi cần phải nghe nhạc của SCHUBERT mới cảm kích thâm thúy được bài này, chỉ đọc thơ thôi, nguyên văn chữ Đức ai cũng phải nhận là tuyệt vời rồi.



NƯỚC CỘNG-HÒA

« CON ONG »

DO MỘT NỮ-HOÀNG CAI TRỊ

Dân số 20.000

(Tiếp theo P. T. số 1)

★ MỘT Ồ NHÂN-TÀI



RONG khi một tổp Ong - thợ đang đào lỗ, xây tầng, thì một bọn Ong-gia (các Ong-cụ !) tuy cánh đã rách vì đã từng-trải việc đi sương về gió, « ném mặt nằm gai », nhưng vẫn hăng-hái kéo nhau đi kiếm mật. Đoàn Ong này chính là cán-bộ tiếp-vận của Đoàn-thể. Nhiều khi chúng bay đi rất xa có thể hai ba cây số, gặp chỗ có nhiều hoa thì ngừng lại hút mật.

Ong có tài nhớ dai, hôm nay lấy mật ở vườn hoa nào dù cách xa tổ hàng mấy ngàn thước, nhưng hôm sau vẫn nhớ tới ngay chỗ đó, mà còn rủ thêm

nhều bạn nữa đến cho mau việc. Hèn chi Thi-sĩ Nguyễn Du đã viết : « Con Ong đã thuộc đường đi lối về » ! Chúng thường lấy mật ở một thứ hoa cho dễ làm mật. Khi nào thứ hoa đó tàn hết, chúng mới chịu đi kiếm mật ở thứ hoa khác, nhờ có cái lưỡi rất tinh vi, nên Ong đậu trên một đóa hoa nào là mút ngay được mật một cách dễ dàng. Mật hút ở hoa sẽ đi qua thực quản mà vào trong một cái túi riêng gọi là bin. Bin Ong có ống thông sang dạ dày, nhưng khi Ong đang làm việc thì mật đó không chảy sang dạ dày được. Ở bin Ong có các thứ nước toan (acide) làm cho mật hoa biến chất thành ra mật loãng, nghĩa là một



thứ mật trong có chứa nhiều nước.

Ong đem bầu mật loãng về tổ, trút vào các lỗ đựng mật đầy độ 3/4, rồi một số Ong rất đông xếp thành hàng từ trong ra tới ngoài cửa tổ, đuôi cong chân bám chặt lấy tổ mà vung cánh tít mù hàng giờ, hàng ngày. Ta gọi là Ong ấp mật.

Ong vũ cánh như thế là để làm cho trong tổ thoáng khí, và nhiệt độ tăng lên, nước trong mật sẽ bốc thành hơi mà bay đi. Không khác nào một xưởng chế tạo các chất hóa học vậy!

Khi trong mật chỉ còn chừng 25 phần 100 nước, thì mật mới thành nguyên chất. Mật ấy làm xong thì một đàn Ong khác đến bơm ít « acide formique » ở ngoài vào để cho mật khỏi chua rồi lấy sáp làm nắp mà đậy lại.

Xem đây, các Bạn thấy rằng Ong làm việc rất là khoa-học, chứ không phải làm bừa-bãi đâu. Mỗi một con Ong là một nhà bác-học, một nhà bảo-chế-sư, một nhà kiến-trúc. Xứ Cộng-hòa Ong là một ổ Nhân-tài, gồm toàn những công-dân thông thái có đủ khả-năng khoa-học và toán-học mà âm-thầm làm việc trong kỷ-luật chung của đoàn-thể.

Giờ phút nghiêm trọng: Nữ Hoàng đẻ!...

Trong khi đàn Ong thợ (già và trẻ có đến mấy nghìn mạng) làm mật và lấy nhị hoa đem về đặt trong tổ, thì Nữ-Hoàng Ong, (Ong-Chúa) cặm-cũi tìm các lỗ để đẻ. Hoàng-Hậu đi thăm viếng các phòng, thì có một đám Ong-già đi theo. Chẳng biết theo để dẫn đường, chỉ lối, hay để săn-sóc hậu hạ. Nhưng khi Hoàng-Hậu « lâm - bồn » thì bọn cận - thần này dương mắt đen nhánh mà nhìn, rồi xúm xít lại kể đỡ chân, kể vuốt cánh, kể lấy râu vuốt ve sản-phụ, như có ý khuyến-kích an - ủi, dục đã hay suy-tôn Ong-Chúa vậy... Một điều nên chú ý là không bao giờ bầy ong dám quay đuôi về trước mặt

Ong - Chúa, sợ mang tội phạm thượng! Đối với Hoàng-Hậu Ong, toàn-thể dân Ong đều kính-cần tôn-sùng. Khi Ong-Chúa cong mình đưa bụng xuống lỗ để đẻ, thì một con Ong già làm công việc của một bà mẹ, đến đỡ lấy hai chân trước của Nàng, rồi đáp cánh đáp miệng lại như thi-thầm gì với Chúa. Có lẽ đó là một phương-pháp đỡ đẻ để cho Ngài Hoàng-Hậu mang nặng mà đẻ không đau u



của HUỖNH - BỘI - HOÀNG



chăng! Cho nên Ong - Chúa đẻ liền - tiếp hàng mấy nghìn cái trứng mà không hề có một tiếng rên « Ối trời đất ôi! » như các bà sản-phụ của ta!

Đẻ xong một trứng, Hoàng-Hậu Ong chỉ yên-lặng ngẩn ngơ một vài giây như để thỏa một chút dục-tình thiên-nhiên, xong rồi, Nàng lại ung dung đứng dậy sang phòng bên cạnh, thò đầu xuống thăm lỗ rồi lại đưa bụng xuống mà đẻ. Mỗi khi Ong-Chúa đẻ xong, thì các cận thần Ong vội vàng đến chui đầu vào lỗ để xem-xét cẩn thận, nếu thấy trứng lệch thì đặt lại cho ngay-ngắn.

Hoàng-Hậu không bao giờ đẻ lắm hai trứng vào một lỗ, và Nàng đẻ rất nhiều, một ngày có đến ba bốn ngàn trứng, khiến cho đoàn Ong-thợ phải nỗ-lực công-tác xây phòng mới kịp đủ lỗ để chứa một số trứng không-lỡ như thế.

Một điều rất kỳ là Ong - Chúa có thể tự ý muốn đẻ ra trứng đực hay trứng cái cũng được. Tôi đổ các bà mẹ Việt-Nam, và tất cả các bà mẹ thế-giới, kể cả Nữ-Hoàng Elisabeth của Anh-Quốc hay Hoàng-Hậu Juliana của Hòa Lan, để được như Hoàng-Hậu của loài Ong, muốn sinh trai hay gái tùy theo ý mình! Thế mới biết Hoàng-Hậu Ong là một bậc tài hoa lỗi-lạc muôn đời! Phần nhiều thì Ong hay ham đẻ trứng cái để gây lấy nhiều Ong-thợ phụ



nữ có đủ cơ-quan làm việc. Bàn cùng lắm Ong Chúa mới chịu đẻ trứng đực, vì Ong đực sau này chỉ đóng vai ăn hại mà chẳng làm được việc gì có ích cả. Ở xã-hội loài Ong áp-dụng luật trọng Nữ khinh Nam, trái hẳn với loài người dã-man của chúng ta!

Khi Ong Chúa đã đẻ được rất nhiều trứng, thì Ong thợ đắp thêm sáu bảy cái « mũ thày ». Nhiều khi Ong đắp xong, mà không thấy Chúa đẻ, thì đem khiêng một cái trứng mới đẻ ở lỗ bên mà đặt vào trong « mũ thày », rồi chia nhau canh gác, săn sóc nuôi nấng rất cẩn thận.

Khi trứng nở ra một con sâu nhỏ, (một Công chúa?) thì Ong nuôi dưỡng bằng một thứ mật hoa nguyên chất thơm ngon. Thứ ăn bao giờ cũng dồi dào, lỗ ổ lại rộng rãi gấp 4 lỗ thường nên con Ong đó rất mau lớn, và về sau được tôn làm Công-Chúa chánh-thức, phòng nối ngôi Hoàng-Hậu để duy-trì giống Ong. Dĩ nhiên Công-Chúa cũng có đủ cơ quan sinh dục, và sống lâu đến bốn, năm năm, để cai quản đám dân-quân sắp nở một lứa với nàng!

Ong đẻ đàn

Thuận tiết giờ ngoài đồng nội thì hoa đua nở, trong tổ, ong nhỏ, ong lớn mỗi con một việc.



Ong Chúa thì mê man về việc sinh-sản.

Bọn Ong thợ thì ở lý trong đờ, đêm ngày sản sóc một đàn Ong con mới nở và một đàn nhộng còn nằm trong lỗ. Đoàn Ong già đã từng trải mọi việc, thì phụ trách việc trông nom nuôi hâu Ong Chúa. Bọn thì vũ cánh cho thoáng khí, bọn thì ấp mật, bọn làm sáp ; bọn thì đắp tổ cho Ong Chúa để, quét dọn tha những xác Ong chết vứt ra xa, bọn thì trông nom riêng về việc tuần phòng, canh gác các cửa đờ, các khe hở.

Một bọn khá đông khác kéo nhau đi kiếm mật hoa về làm mật, nhự, để nuôi Ong con, và nhự để hàn gắn tổ.

Cả đàn Ong, con nào cũng ham mê công việc, không hề nghỉ ngơi một giây, một phút, khiến cho xã hội Ong ngày càng phồn thịnh đông đảo tấp nập. Chánh-phủ « Quân-chủ Cộng-Hòa » Ong được tổ-chức rất chu-đáo, cần-mật, được toàn dân ủng-hộ triệt-đề.

Một ngày kia trứng Ong lần lượt nở. Hàng ngàn Ong non ở lỗ chui ra, đua nhau đi dạo khắp các tầng mật để ăn. Đờ Ong chật quá, đến nỗi những con đi xa kiếm mật, lúc về không còn chỗ mà đậu, tối đến phải ngủ bên ngoài, chết hại rất nhiều.

Cả đàn Ong đều có vẻ lo ngại vì thặng dư dân số, một vấn-đề

quan-trọng nan giải cho xã-hội. Ong con, Ong Chúa, đi lại nhón nhịp. Hoàng-Hậu trước kia lo về sinh nở gây dựng nòi giống, nay Ong con đã trưởng thành, thì Hoàng-Hậu lại sinh ra buồn bã vì dân số ngày một tăng lên nhiều quá. Nàng bán khoản lo ngại, tìm đầu ra cái mà nhà độc tài Đức Adolf Hitler gọi là « Espace Vital » — chỗ sống ? ?

Ong Chúa đứng trước một tình thế nguy khốn, nên phải tìm một giải pháp quyết liệt, nghĩa là đành phải bỏ ngay cái cơ-nghiệp lớn lao do đoàn thể đã xây dựng lên, mà đem đám Ong già đi nơi khác để gây một nghiệp Đệ vương khác, một tổ quốc khác, dù phải trăm ngàn nỗi khó khăn, gian nguy cũng đành lòng!

Một điều đáng chú ý là nếu lúc sắp ra đi mà lỡ ra trong đờ thiếu mật hay xảy ra việc gì có cơ nguy hiểm cho đàn Ong non, thì đàn Ong già nhất quyết chẳng nở ra đi. Ong Chúa phải hy sinh ở lại đến thêm mấy ngày nữa để lấy thêm mật vào kho, hay sửa chữa các tầng, rồi sau đó mới bịn rịn rời thành quách lâu dài mà ra đi không hẹn ngày về.

Ngày ra đi, đàn Ong đã định từ trước rồi.

Sáng sớm mặt trời vừa mọc, đã thấy trong đờ, ngoài đờ đều lộ vẻ nhộn nhịp khác thường. . .



giống ong vốn chăm chỉ làm việc, ghét sự rong chơi, đùa dỡn, vậy mà hôm đó cũng vui thú, say sưa, quên cả mệt hay, tinh tối, không giữ gìn trật tự gì cả. Con thì bò lẩn ra, con đậu vào chỗ này, bay chỗ nọ, bay bổng lên cao, chạm vào lá cây xào xạc. Trong đờ thì ồn ào, náo nhiệt lạ thường.

Một đàn ong khá đông, đậu chằng chịt từ trên xuống dưới, thì nhau vũ cánh tit mù như reo hò sung sướng. Nhiệt độ trong đờ càng tăng lên, khiến cho các tầng, ong đều mềm nhũn chỉ muốn rơi. Ong Chúa thấy thế lại càng lo ngại, vũ cánh kêu ve ve, chạy ngược, chạy xuôi trên trăm ngàn ong con (hiện trạng này, ta gọi là « ong xẻ quân ») Nghĩa là Hoàng-Hậu sắp nhường tổ cũ lại cho Công-Chúa cai trị, còn Nàng thì ra đi lập cơ đồ mới.

Hôm đó thực là một ngày đại hội, vì chỉ có hôm đó, ta mới thấy đàn ong lộ vẻ vui sướng, cử chỉ đến cuồng nhiệt, không còn nghĩ gì đến làm ăn cả.

Giờ khởi hành đã điểm. Các cửa đều mở toang. Mỗi cửa một đàn ong bay tung ra như nước phun, khói tỏa, rời tản ra bay lơ lửng ở trên không đến vài phút đồng hồ.

Khi ong khác bay ra đến đậu ở một cành cây nào gần đó (ong Chúa bụng mang nặng đầy trứng, và đã lâu không dùng đến cánh, nên không bay đi xa được) thì

cả đàn ong đua nhau bay chập lại che kín lấy Chúa, khác nào trăm ngàn mảnh lục học lấy một vật báu gì vậy. Được một lát, đàn ong đã đậu yên ổn thì ong Chúa mới vũ cánh kêu ve ve (tiếng kêu khác hẳn tiếng ong thường) rồi từ oai nghi, đồng dạc đi ra ngoài, đi quanh đám ong, theo đường vòng tròn.



Ong Chúa đi đến đâu, ong con đều kính cẩn rẽ ra hai bên. Ta gọi là « Ong Chúa điềm quân ». Nghĩa là Hoàng-Hậu điềm-binh trong ngày Đại hội Di cư.

Người nuôi ong nên thừa dịp lúc đó bắt lấy ong Chúa thì thực dễ dàng, chẳng mất công khó nhọc gì.

Khi đã bắt được ong Chúa, thì tự nhiên cả đàn ong cứ bay theo sau.

Nếu không có ai đem bắt đàn ong để đem về đờ nuôi thì ong



lại tìm một nơi lợi thế hơn mới bắt đầu làm tổ mới.

Ông vốn là giống lo xa. Trước khi đi - cư bao giờ cũng có một đoàn ong « thám thính » đã được phái đi, để rồi về báo cho cả đàn biết một hốc cây to, một khe tường đổ, hoặc một hang đá nào vững vàng. Sau khi nghe đoàn thám thính báo cáo, một ủy ban họp bàn, dưới quyền chủ tọa của Ông Chúa, thảo luận hồi lâu rồi mới quyết định đi theo một con hướng dẫn mà thẳng tới nơi định-cư mới.

Người nuôi ong, nhiều khi chỉ lợi dụng những ong « thám thính » đó mà dữ được cả đàn ong kéo về đổ. Thế rồi ông lại bắt đầu xây tổ, ông Chúa lại đẻ, thành lập một xã hội mới, một quốc-gia mới. Cho tới khi ong non nở, đổ chập, ông Chúa lại xê đàn, kéo đám cận thần già đi nơi khác. Cứ thế mãi, giống ong mãi miết lo công việc gây mật, nối giới tông đường, đời đời bất diệt!

(Kỳ sau tiếp)

★ Diên thiệt

Một nhà thương diên ghi vào sổ nhiều người chết vì « bệnh cây xoài ». Ông Thanh-tra lấy làm lạ đến xem thì ông Giám đốc dắt ra phía sau vườn chỉ lên trên cây xoài: Nhiều bệnh nhân ngồi im.lim trên nhánh, thỉnh thoảng vụt la lên:

— Tôi chín rồi!

Và buống tay rớt xuống, như trái xoài thiệt vậy!

★ Điện í

Bà khách vào nhà thấy ông chồng của bạn mình quì gối xây mặt vô vách, bèn hỏi:

— Ông nhà làm gì lạ vậy?

Bà vợ nói nhỏ:

— Nhà tôi học tiếng Anh theo lối hàm thụ, làm bài trật bị thầy bắt quì 5 phút đấy, bà ạ!

★ Điện vừa vừa

Một ông khách vào tiệm rượu ngồi vừa uống vừa cười một mình. Chốc chốc ông dơ tay và nín bật. Tên hầu bàn lấy làm lạ hỏi:

— Ông cười gì thế?

Khách đáp:

— O! Ta kể chuyện ta nghe. Chuyện hay quá nên ta cười.

— Thế sao ông dơ tay rồi nín?

— Ừ! Chuyện đó ta biết rồi nên không thèm cười.

L. H.

NGỮ-HỌC



(Tiếp theo P. T. số 1)



U ỉ thấy ngôn-ngữ bất đồng làm trở-ngại sự giao-hảo giữa các dân-tộc, nên có nhiều học'-giả bày ra thể-giới-ngữ, cốt để các dân-tộc dùng nó mà được hiểu nhau hơn, như tiếng *volapuk* của Linh mục Schleyer, tiếng *espéranto* của Bác-sĩ Zamenhof...

Xét về nội-dung, mỗi tiếng nói của dân-tộc nào, cũng đều có ba phần chánh: âm, nghĩa, mẹo.

Âm là những giọng-điệu ta nghe được khi phát ra lời nói; mỗi âm của lời nói có nghĩa của nó, âm với nghĩa hiệp lại thành một *tiếng*, nó tùy vị-tri trong câu mà chỉ-định rõ-ràng ý-nghĩa của tự-lượng người nói ra.

Khảo về âm, có *phát âm học*

(phonétique), chuyên khảo về cách phát-âm chung của các dân-tộc, xét về hệ-thống các bộ âm, vận, thanh trong tiếng nói, cách phát-âm và chỗ phát-âm, sự quan-hệ giữa các âm thanh với nhau và cách nói điều-hòa tiến-hóa như thế nào. Đồng thời, có *âm-vân-học* hoặc *phát-âm-học tác-dụng* (phonologie) khảo về sự *đối-nghịch* và sự tác-dụng các *âm-tổ* của mỗi tiếng riêng-biệt, bởi có tiếng có âm này mà không có âm khác, có tiếng dùng một giọng đều-đều, có tiếng có giọng bổng trầm cao thấp như tiếng Việt, tiếng Tàu. Phát-âm-học cũng khảo về các *tự mẫu*, là cách viết âm, thỉnh ra chữ và cách dùng chữ ghi lại các âm, thanh.

Ngữ-thê-học (morphologie) thì xét về các chữ *cái* (như chữ Hán thì gọi là « bộ »), các tiếng

c ú a
L Ê
NGỌC
T R Ụ
Giảng-viên
trường
Đại-học
Văn-khoa
★

gốc, và xét về hình-thể các tiếng, từ cách dùng mà biến-thiên như thế nào, như thêm bớt các tiếp-đầu-ngữ, các tiếp vĩ-ngữ, « chia » các động-từ ra « thi » hiện - tại, quá - khứ, vị - lai như tiếng Pháp.

Âm-thính kết-cấu thành một tiếng, chỉ một-ý-niệm. Nhiều tiếng hợp thành ngữ vị (lexique ou vocabulaire) quen-gọi là ngữ-vựng. Khảo về nghĩa có nghĩa nguyên-học (sémantique) chuyên xét về cội-rễ các tiếng (ngữ nguyên étymologie), và các nghĩa, từ nghĩa đen đến các nghĩa bóng, nghĩa rộng, nghĩa hẹp..., cách các nghĩa biến-thiên duyên-cách làm sao, triển-khai hoặc tiêu-tàn như thế nào.

Khoa khảo các tiếng sắp theo « họ » và cách dùng tiếng với nghĩa tinh-tường gọi là ngữ vị-học (lexicologie).

Tiếng nói với « nghĩa rõ-ràng » còn phải bó-buộc theo phép ghép tiếng thành từ-ngữ, theo cách xếp-đặt thành câu, đúng với điệu nói của mỗi dân-tộc; khoa khảo về mẹo-luật phép-tắc ngôn-ngữ gọi là ngữ pháp cũng gọi là văn-phạm (grammaire).

Các môn kể trên thuộc trong phạm-vi khoa ngữ-học tổng-quát (linguistique générale), chuyên xét về các hiện-trạng ngôn-ngữ

có thể làm đối-tượng cho sự nghiên-cứu có tánh-cách chung cho các tiếng nói trong thế-giới, không kể đến những mối quan-hệ về thân-tộc và điều-kiện lịch-sử. Với những tài-liệu thấu-thập, người ta khái-luận đặt được mấy phép-tắc chung, có thể là nhất định được. Như khi xét về âm-thính biến-đổi thì thấy cái luật chung là « các âm thể cùng một cách phát-âm và một chỗ phát-âm đi chung với nhau hoặc đổi lẫn với nhau ». Khi xét về các tiếng tăng-gia thay-đổi thì thấy đã theo ba nguyên-tắc căn bản là :

— Biến đổi tăng-gia theo luật ngôn-ngữ ;

— như chẳng giữ đúng được luật ngôn-ngữ, thì theo phép-suy-loại (loi d'analogie) thường là « thói quen »

— Hoặc tăng-gia bằng cách mượn thêm tiếng nước ngoài.



Khi xét tiếng-nói theo phương-diện bình-thường, trong một thời-kỳ, chẳng kể đến sự biến-đổi của nó, thì gọi là ngữ-học miêu-tả (linguistique descriptive) hoặc ngữ-học-tĩnh (linguistique statique ou synchronique). Nhưng tiếng nói biến-đổi từ miền này qua miền khác, từ đời nọ qua đời kia; vậy chẳng những xét tiếng-nói của một thời đại mà còn phải xét tiếng nói qua

các thời đại của một dân-tộc và của nhiều dân-tộc để hiểu then-chốt các cuộc biến-đổi. Công việc ấy thuộc về ngữ-học tiến-hóa hoặc ngữ học động (linguistique évolutive ou diachronique), dùng phương-pháp so-sánh, đối-chiếu các tiếng-nói theo quá-trình lịch-sử và theo quan-hệ thân-tộc, để tìm-hiểu cái hệ-thống ngôn ngữ, cái nghĩa sâu-xa cội nhất của mỗi từ-ngữ, hoặc phân-tâm lại thứ « tiếng gốc » (langue mère) đã tựa sanh ra các loại tiếng khác.

★

Tiếng-nói phát ra lời-nói và bay mất; người nghe hiểu mà không giữ lại được. Vì vậy, từ ngàn xưa người ta tìm cách ghi tiếng nói để lưu lại đời sau, ghi bằng lối dùng dấu-hiệu, hình vẽ, chữ viết, và ngày nay, với cơ-khi tối-tân bằng lối thu âm (dĩa-hát và điện-ký-âm (magnétophone), song lối thông-dụng nhất và được lưu-truyền đến ngày nay là chữ viết.

Chữ viết của các dân-tộc không giống nhau về lối ghi và về dạng-thể, nhưng xét đại-khái có hai loại lớn: loại biểu-ý (écriture idéographique), như tiếng cổ Ai-cập (hiéroglyphe) ban đầu dùng nét vẽ đơn-sơ trọng-trung ý-niệm, sau tiến-bộ văn-minh hơn, ghép các nét để « hội-ý » hoặc « hài-thanh » mới đủ chữ ghi lại tiếng nói, như lối

chữ Trung-Hoa; và loại tiêu-âm (écriture phonétique) dùng những dấu riêng để tiêu-biểu cho âm-thính. Chữ tiêu-âm thông dụng nhiều là chữ la-tinh; chữ này được chế-biến dung-hoà để ghi lại cách phát-âm đặc-biệt của dân-tộc đã mượn và dùng nó, như chữ Việt của chúng ta.

Tuy nhiên, các chữ tiêu-âm mượn gốc la-tinh không được hoàn-toàn, bởi không theo đúng nguyên-tắc ghi âm là: « mỗi âm mỗi dấu; mỗi dấu mỗi âm » nghĩa là mỗi âm chỉ được ghi lại bằng một dấu, và mỗi dấu chỉ tiêu-biểu cho một âm. Vì vậy, ngày nay để tiện việc khảo-cứu các âm-thính, các nhà ngữ-học Âu-châu đặt ra một lối chữ tiêu-âm quốc-tế (écriture phonétique internationale) do Paul Passy khởi xướng năm 1886, để « viết » lại cho đúng mỗi tiếng, ai nhìn chữ đó thì chỉ phát-âm có một cách mà thôi. Chớ chẳng phải như ta thấy, cùng một chữ U la-tinh người Pháp đọc Ừ, người Nhật đọc O ta đọc U.

Ngoài các lối chữ viết, người ta còn dùng dấu chấm và nét ngang chế-biến theo trật-lệ riêng thành lối chữ để đánh điện tín (chữ morse). Và muốn ghi âm mau lẹ cho kịp với lời nói, người ta bày ra lối chữ « tốc-ký » được thông-dụng trong các cuộc bàn cãi, hội họp.

(Còn tiếp)

★ Bị quyết của thành công là làm chu đáo mọi việc mà không hề nghĩ tới danh vọng
LONGFELLOW

★ Khi cất cánh bay, con chim làm cho cành cây cong xuống.
VICTOR HUGO

THÀNH - PHỐ SAIGON



(Coi lại P. T. số 1)

THỜI KỲ «TÔ-ĐIỂM» BẮT ĐẦU...



R U Ở C đây trăm năm, Saigòn chẳng khác nào một thiếu-nữ nhan-sắc mặn-mà, nhưng què-mùa mộc-mạc.

Rồi thì, như cô Kiều:

«Có người khách ở viên-phương,
Xa nghe cũng nức tiếng nàng
tìm chơi.»

Khách viên-phương là chàng

mặt trắng, mắt xanh, tóc quăn,
mũi lõ, đã vượt trùng - dương
đến chiếm lấy nàng trong một
đêm tối trời đầy sấm-sét...

Chiếm được nàng bằng vũ-lực
xong rồi, khách liền tô - điểm
cho nàng, để lấy công chuộc tội!



Thời-kỳ sửa-sang, tô-điểm cho
Sài-gòn thêm mỹ-lệ bắt đầu từ
ngày 28 tháng 11 năm 1863.
Thời kỳ này, người ta còn gọi là
thời kỳ «Đô đốc cai-trị» (gou-
vernement des Amiraux). Đến 11
năm sau, ngày 7 tháng 7 năm
1874, thời-kỳ «Đô đốc cai-trị»

mời chấm dứt, nhường chỗ cho
các văn-quan Hành-chánh, (Ad-
ministrateur des Services Civils)
do Trưòng Thuộc-Địa ở Paris
đào-tạo.

Đô-đốc đầu tiên làm *Thống đốc
Nam-Kỳ* (1) là Đô Đốc De la
Grandière. Ông này đã góp
nhiều công trong việc xây-dựng
thành-phố Sài-Gòn thuở ấy.

Một số công-tác tu-bổ quan-
trọng đã được thực-hiện trong
2 năm, từ 1863 đến 1865. Báo
«*Courrier de Saigon*» xuất-bản
ngày 5 tháng 6 năm 1865, đã
viết đại - khái: «... Khắp nơi
những hào hố, cống rãnh nước
dơ không còn nữa. Thay vào đó,
những con đường rộng-rãi, vững
chãi bằng đá và cát nện đã được
đắp lên. Những bến sông đã
biến thành những nơi du-ng ngoạn
đẹp đẽ...»

Công-xưởng thủy-quân Arsenal
(tục gọi : *Ba Son*) cũng đã được
bắt đầu xây-cất trong thời-gian
ấy.

«*Courrier de Saigon*» là tờ báo
xuất-bản đầu tiên ở Việt-Nam
vào năm 1864 và do Đô-Đốc
De la Grandière làm «bà mẹ»
khai-sinh.

Cũng trong năm 1864, người
Pháp ở Sài-Gòn đã có ý-kiến tô-

(1) Tác giả xin giữ nơi đây chữ
«*kỳ*» cho hợp với sử-liệu.

chức thành lập một *Sở-Nội-Vụ*.
Sở này đặt dưới quyền chỉ-huy
trực - tiếp của viên Cai-trị (Ad-
ministrateur) Paulin Vial.

Đồng thời, những địa-đồ thủy-
đạo miền Nam-Việt cũng đã
được xuất-bản do một số chuyên-
viên Pháp nghiên-cứu.

Theo E. du Hally, người đã
«eo dãi» nhiều công-việc cải-
cách thành-phố Sài-Gòn từ ngày
sơ khai, đã viết năm 1865 :
«... Chiều, khi mặt trời sắp lặn,
vùng cánh đồng xung-quanh Sài-
Gòn nhộn-nhịp khách thừa-lương
hóng mát. Người cỡi ngựa,
người dùng xe, cũng có người
tản bộ...» (Tổng-số người Pháp
cư-ngự tại Sài-Gòn lúc này đã
lên đến 577 người. Trong số
có 80 «*Bà Đầm*»!

Ngày 23 tháng 3 năm 1864,
một nghị-định ủy-thác cho ông
Ge main, thú y-sĩ của đội-quân
viễn - chinh Pháp, được toàn
quyền điều-khiển mọi công-tác
thực-hiện một khu vườn Bách-
Thảo ở Sài-Gòn. Tuy nhiên, lúc
đầu vườn này chỉ có tính-cách
tạm-thời, rất còn sơ-sài, bần-
thiếu.

Không-khí của Sài-Gòn từ đây
đã bắt đầu có ít nhiều thay đổi.
Nhóm người Pháp ở Sài-Gòn
thường tổ - chức các cuộc vui

100 NĂM VỀ TRƯ'Ó'C

giải-tri như: khiêu-vũ, triển-lãm, diễn-kịch v. v Song những cuộc giải-tri này thường chỉ tổ-chức trong dinh Thống-Đốc thôi.

Đến năm 1874, thời-kỳ «Đô-Đốc cai-trị» chấm dứt. Vị văn-quan đầu tiên lãnh trách-nhiệm cai-trị Nam-Việt tên là **Le Myre de Vilers**. Ông này đã tiếp-tục thực-hiện chương-trình của các quan cai-trị cũ cách hoàn bị.

Sài-Gòn vẫn cải-cách không ngừng. Viết về sự tiến-bộ nhanh-chóng của Sài Gòn trong thời-kỳ này, ông Jules Boissière đã tả rất tỉ-mỉ. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ xin lược-trích những đoạn tài-liệu quan-trọng sau đây: «Chu-vị Sài - Gòn là 410 mẫu, gồm có 6 đại-lộ, bốn mươi con đường và 3 khu dân trú-ngụ... Đường xá đều có trồng cây đẹp-đẽ...»

Bóng mát, cây cối tàn lá xum-xê, là một trong những đặc-điểm đáng chú ý của Sài-Gòn....»



Rồi từ đó, người Pháp, đến Việt-Nam càng nhiều. Nền móng cai-trị của người Pháp cũng vững-vàng hơn. Do đó, công cuộc cải-cách thành-phố Sài-Gòn

càng xúc-tiến mạnh-mẽ. Những kiến-trúc lớn lao lần lượt mọc lên như nấm làm thay đổi hẳn bộ mặt của Sài-thành.

Đến nay, những kiến-trúc ấy vẫn còn sừng-sừng «trơ gan cùng tuế nguyệt» và đã chứng-kiến biết bao cảnh vật đổi sao dời, đau-thương tang-tóc trên mặt đất Đồng-Nai thuở trước.

NHỮNG DI-TÍCH LỊCH-SỬ TRONG ĐÔ-THÀNH

★ MỘT DINH-THỰ ĐÀU-TIÊN :

«Dinh Thống-Soái»

Trong số những di-tích lịch-sử quan-trọng của Sài - Gòn, dinh Độc-Lập hiện thời là một kiến-trúc vĩ-đại và lâu đời nhất.

Trước khi dinh này về tay người Việt - Nam, nó là trụ - sở của các vị thủ-hiến Pháp, được gọi là DINH TOÀN-QUYỀN, ở Nam gọi là DINH THỐNG-SOÁI và người Pháp gọi là PALAIS NORODOM lấy tên một vị vua Cao-miên. Vào năm 1865, tờ báo «*Courrier de Saigon*» đã có lần loan tin như sau : «... Những nghiên-cứu đầu tiên liên-quan đến việc xây cất một dinh-thự dành làm trụ - sở vĩnh-viễn cho quan thống-đốc bắt đầu thực-hiện để thay thế cho những ngôi nhà tạm thời bằng gỗ mà hiện các vị ấy đang trú-ngụ...» (Dinh thống-đốc tạm thời ngày trước là một ngôi nhà lớn bằng gỗ mà sườn nhà thì mua

ở Singapour, chiếm-cứ trên vị-tri **Trường Taberd** hiện giờ.)

Sau bài báo ấy, người ta thấy chương-trình kiến-trúc một dinh-thự đồ sộ được thực-hiện, theo bản đồ của kiến-trúc sư Hermite.

Theo sử-liệu, viên đá đầu tiên của **Dinh Độc Lập** ngày nay đã do Đô-Đốc De la Grandière tự tay đặt vào ngày 23 tháng hai, năm 1863, trước một số đông quan-khách.

Đến sáu năm sau, tức năm 1869 dinh ấy mới hoàn-thành. Lúc bấy giờ **Đại lộ Thống Nhất** hồi thời Pháp gọi là **Đại lộ Norodom**, hãy còn là một nơi đường sá bùn-lầy, ẩm-thấp.

Theo Jules Boissière, thi công-trình kiến-trúc dinh này phải mất đến 12 năm mới hoàn-tất và trang-tri xong, tức là mãi đến năm 1875.

Dinh này được coi như là một công-thự đẹp nhất ở Á-đông thời bấy giờ. Chung quanh có một khu vườn rộng lớn cây, cỏ xanh-tươi, rất là ngoạn-mục.

Ngay mặt trước dinh, dưới chân cột cờ hùng-vĩ có đặt một khẩu thần-công kiểu cũ, càng làm tăng thêm vẻ đẹp oai-nghiêm cho một công thự lớn bậc nhất ở đô-thành.

★ XÃ TÂY bay TÒA ĐỒ-SẢNH

Xã Tây tức dinh Đốc-Lý hay là Tòa Đô sảnh hiện thời, là một trong số những kiến-trúc cổ và

to-lớn nhất của Đô-thành. Ngay nay, Tòa Đô-sảnh là nơi làm việc của Đô-trưởng và cũng là nơi hội họp của hội-đồng Đô-thành.

Trước đây non một thế-kỷ, khi người Pháp đã đặt ách thống-trị ở miền Nam, họ cũng có tổ-chức một hội-đồng thị-xã (Conseil municipal) cho thành-phố Sài-Gòn. Nhưng hồi đó, hội-đồng thị-xã đầu-tiên của thành-phố Sài-Gòn chưa có trụ-sở chính thức. Hội-đồng phải thuê một ngôi nhà của một tên khách trú tên là Đoàn-Tại để làm trụ-sở tạm thời, (1868) ở tại đường



«*Rue aux fleurs*» mà vị-tri hiện thời là ở đằng sau **Sở Thương-Chánh** (Direction des Douanes) nằm giữa hai **Đại lộ Nguyễn-Huệ** (Charner) và **Hàm-Nghi** (de la Somme). Ngôi nhà này, đồng thời còn dùng làm phòng Thương - Mãi và Chứng - khoán nữa. Mãi đến năm 1871, chính quyền Pháp mới bắt đầu nghĩ đến việc kiến-trúc một tòa Thị-sảnh. Khu «*Kinh lập*» (tức Đại lộ Charner hiện thời) đã được nhà chức-trách lưu ý đến, song vẫn còn e-ngại về vấn-đề

móng xây nền, vì nơi đây là vùng đất bùn.

Nhưng theo bản báo cáo của một số chuyên-viên, thì khu đất này có thể kiến-trúc được rất dễ-dàng, mà không phải tốn-kém bao nhiêu về vấn-đề đổ móng xây nền.

Dự-án xây cất tòa thị sảnh được đặt thành một cuộc thi vẽ họa-đồ mà người trúng giải là một kiến-trúc-sư tên là Codry. Nhưng đến năm sau không hiểu vì một lý do gì, người ta đem sửa đổi bản đồ của kiến-trúc-sư Codry, rồi lại mời một kiến-trúc-sư khác công-tact tên là Métayer.

Đến năm 1874, ý-định xây-cất công-thự này bị « bỏ rơi » hoàn-toàn !

Năm năm sau, vấn-đề xây-dựng tòa thị sảnh lại được nhắc-nhở đến. Song chỉ nhắc suông thôi !

Đến năm 1880 viên thị-trưởng Blancsubé đã cố - gắng thử làm phục-hồi lại dự-án cũ, nhưng bất thành.

Năm 1888, người ta nhận thấy những đồ-án kiến-trúc đã bị sai-lạc hết cả.

Đến năm 1893, vấn đề xây cất tòa thị-sảnh lại được nêu ra, và hội-đồng thị xã Sài-Gòn lại bắt đầu họp bàn về địa-điểm.

Cuối cùng vào năm 1896, người ta lại đem việc địa-điểm ra

« mở-xé » nữa, đồng thời tổ-chức một cuộc thi vẽ họa-đồ khác.

Như vậy, chúng ta thấy vấn-đề xây cất tòa thị-sảnh ngày xưa đã gặp nhiều trở ngại vô cùng. Đến nỗi phải dời đi, họp bàn, thảo-luận năm lần, bảy lượt mà vẫn không xong.

Nguyên-nhân lớn trong sự rắc-rối này có lẽ do vấn-đề địa-điểm. Vì người ta không hoàn-toàn tin-nhiệm nơi bản báo cáo, cho rằng trên khu « Kinh-lấp » có thể kiến-trúc tòa thị-sảnh được mà không phải tốn kém bao nhiêu về vấn-

đề đổ móng xây nền. Người ta e rằng ít lâu sau khu đất bùn ấy sẽ bị lún, làm hỏng công-trình vĩ-dại chăng ?

Chương - trình xây-cất đang rối-râm như tơ vò, không ai giải-quyết hay tìm ra được một lối thoát nào cả. Bỗng nhiên, hai năm sau, tất cả mọi trở- ngại khó khăn đều bị san bằng hết.

Trong khoảng năm 1898 và 1899, người ta thấy, tòa thị-sảnh đã được khởi công xây-cất thực sự trên khu đất đã chọn cũ vào năm 1871, tức khu « kinh-lấp ».

Lần này do kiến-trúc sư Gardès sáng - tạo đồ-án xây cất, và toàn thể vấn-đề trang - trí được giao cho họa-sĩ Ruffier.

Bắt đầu từ bây giờ, hội đồng thị xã phải làm việc không ngừng, mãi cho đến năm 1914, vì một cuộc bất đồng ý-kiến giữa họa sĩ Ruffier với những nghị-viên Việt-Nam của hội-đồng thành-phố Sài-Gòn. Tấn-hài kịch này gây nên nhiều rắc-rối phức-tạp nữa.

Theo nguyên tắc, những dự-án của Ruffier thi hoàn - toàn. Bản hợp - đồng đã làm hài lòng mọi người, và làm cho ta có thể hình-tượng được một tòa dinh thự rất nguy-nga, đồ-sộ trong tương-lai.

Nhưng vì nhiều lý-do trở- ngại khác - quan nên chương - trình vẫn chưa thực - hiện được phần nào cả. Rồi thì một hợp-đồng mới nữa lại được ra đời. Vị-trí cầu thang bị thay đổi.

Đến năm 1903, họa-sĩ Ruffier đã nhận trước 2 phần 3 tổng số công việc mà ông phải thực-hiện, và dinh đốc lý đã được phác họa thành hình.

Ông Thị-Trưởng lúc này có vẻ áy náy, lo ngại, và thường bảo : « Nếu ông Ruffier chẳng may qua đời — Tôi mong rằng thời gian này hãy còn xa lắm — Chúng ta sẽ có những đồ-án, những kiểu mẫu mà chỉ có mình ông ta mới theo đuổi thực-hiện được ! » (theo bà Hilda Arnold).

Trong khi đó, mặt khác họa-sĩ Ruffier đòi hỏi một số tiền trả trước, dùng làm lộ-phí về Pháp để nghiên cứu thêm.

Công việc vẽ trang - trí tòa đô-sảnh đã khởi sự từ ngày 21 tháng

3 năm 1898 mãi đến 1906 vẫn chưa xong. Đã quá 7 năm rồi. Viên thị-trưởng Cuniac cho rằng thời gian này quá lâu, nên yêu-cầu họa-sĩ Ruffier hãy hoàn-tất công việc cho rồi.

Lúc này, nưười ta mới nhận ra rằng kiểu - cách đã thay đổi mà mặt « trung-đoạn » của tòa nhà (profil) có vẻ kỳ - dị quá chừng. Mọi người đều có ý định phải sửa đổi lại cái tiền - diện kỳ - dị của dinh thự ấy.

Một trong số nghị-viên đề nghị ít ra cũng phải phá bỏ cái lầu cao chệnh vênh đằng trước đi, (lầu đồng hồ hay lầu chuông). Viên thị - trưởng liền có ý hòa - giải, bằng cách gửi một tấm ảnh chụp kiến trúc ấy về Pháp cho họa-sĩ Ruffier, yêu cầu ông ta nếu có thể tìm một đề tài kiến trúc khác thay cho cái lầu đồng-hồ ấy.

Nhưng công việc đòi hỏi nhiều tốn kém, nên viên Thống - Đốc Rodier từ chối không chịu xác-nhận những chi-phí mới.

Sự dằng-co bần-cãi này kéo dài mãi đến năm 1907, sau đó hợp-đồng của họa-sĩ Ruffier bị bãi-bỏ và nhà Bonnet nhận-lãnh hoàn-tất mọi công tác trang trí.

Đến năm 1908, tòa Đô - Sảnh đã hoàn thành và vụ Ruffier được đem ra trước tham chính-viện. Vụ này lôi thôi mãi đến năm 1914 khi hành-chính pháp-viện (conseil du contentieux) có thái- độ quyết định về sự Hội đồng thị-xã xuất-tổ họa sĩ Ruffier, thì nội-vụ mới chấm dứt.

của TÙ-QUYỀN
ĐANG-VĂN-NHÂM

Tòa đã bác đơn của Ruffier và xử họa-sĩ phải trả 2 phần ba án-phí, cộng với khoản bồi thường tổn-hại (dommages-Intérêts) của hội-đồng thành phố đòi. Vì họa-sĩ đã không chịu hoàn tất công việc đã giao-kết trong bản hợp-đồng.

Nhưng, như ai nấy đều biết trước là, họa-sĩ làm gì ra có tiền để trả nợ. Và lại, mọi người cũng chẳng biết Ruffier lúc bấy giờ ở đâu cả ! Làm sao mà đòi ? Vì thế theo lời yêu-cầu của viên thị-trưởng, nội-vụ đã được thông-qua, và tòa thị-sảnh đã hoàn thành tất cả.

★

Từ đó về sau, mỗi lần có dịp đến viếng tòa đô-sảnh Sài - Gòn, khách dừng chân đứng ngắm hai tấm thạch bia : một tấm khắc tên các vị thị - trưởng, (khởi đầu từ

Ture, y-sĩ thủy - quân (1867) và một tấm khắc danh-sách những viên-chức Thành phố đã bị giặc giết vào thời kỳ 1914 - 1918...) mà lòng nổi lên cái ý-nghĩ tò-mò lần về dĩ-vãng mong được hưởng phút giây gần gũi với người xưa trong quá khứ.

Một trăm năm !

Một thế-kỷ dài dang-dặc đã qua với bao nhiêu nước chảy dưới gầm cầu Ông Lãnh với bao biến-thiên tang - tóc ; tuy nhiên, tòa nhà thị chính vẫn sừng sững « tro gan cùng tuế-nguyệt » đánh một dấu chấm lịch-sử cho những kẻ hậu-sinh.

Kỳ sau : VIẾNG NHỮNG DI-TÍCH LỊCH-SỬ TRONG ĐÔ-THÀNH.

★ Anh và tôi đột ngột ngưng.

Nếu bạn muốn tự mình đặt ra một câu Phương ngôn, Ngạn ngữ. Hoặc nếu bạn có dư thì giờ, muốn nắm suy ngẫm những danh ngôn cổ kim. Mời bạn hãy dùng cái công thức sau đây để tự mình đặt ra một loạt Ngạn ngữ rồi nắm mà suy nghĩ. Tuy vắn vơ, vơ vắn nhưng mà nghĩ cho kỹ thấy thú đáo đề !

Công thức : Không nên tất cả những
 viê kê tất cả những
 thường những thứ không đáng

với công thức trên bạn chỉ cần thêm vào chỗ trống những chữ (tùy theo ý bạn) miễn là đọc lên nghe xuôi câu hợp ý. Thế là bạn đã có 1 câu ngạn ngữ hay rồi đấy.

Thí dụ : 1 - Không nên nói tất cả những điều nghe vì kẻ nói tất cả những điều nghe, thường nói những thứ không đáng nghe.

2 - Không nên tin tất cả những Quảng cáo vì kẻ tin tất cả Quảng cáo thường tin những thứ không đáng quảng cáo, vắn vắn....

Q. B.



NGHỆ - THUẬT LÀM NGÀ

của TỪ-TRẦM-LỆ



G À là gì ?

Ở đâu mà có ngà, người ta làm ngà ở đâu, làm sao nhận ra được ngà ?

Ngà chỉ riêng ở ngà voi hoặc của con mam - mút (thứ voi khổng-lồ) mà ra. Xương voi, hay nanh con hải-cẩu, con hải-mã hoặc sừng con trâu nước đều không phải là ngà.

Buổi đầu tiên, ngà được đem dùng làm lễ tẩn - cống mà các nước chư-hầu dâng lên cho vi Vương, Bá của họ. Nhưng càng ngày nó càng trở nên hiếm và cái giá trị cao quý mà người Tàu đặt đề nơi nó, khiến họ đi tìm tận ở Ấn-độ, ở Miến-điện và cả đến ở Châu Phi món vật-liệu ấy,

mà những tay biết xài đến, đều cực kỳ thích chuộng.

Vào thế kỷ thứ 12, người Tàu đi tàu buôn sang tận Châu Phi, mang theo những đồ vật bằng sành đề đổi những ngà voi tuyệt đẹp mà đất địa Châu Phi chứa đựng khá nhiều và đã được toàn thế giới nhìn nhận là quý hơn hết.

Đến thế kỷ thứ 17, Hoàng-đế Khang-Hi cho triệu tập đến ở một cảnh trong cung điện của nhà vua ở Bắc-Kinh, mấy người thợ tiếng tăm. Những món sản-xuất từ mấy xưởng hoàng-gia ấy ra, rất hiếm có và với cái giá không ước-lượng được. Đó là một trong những lý do mà Bắc-Kinh, từ trước đến giờ, vẫn cầm giữ danh truyền là nơi làm ngà toàn

mỹ nhất. Đã bao nhiêu đời của những tay nghệ-thuật cao tài tiếp nối nhau, cha truyền lại cho con những bí-quyết của một ngành kỹ-nghệ chói lọi một phẩm giá tự nghìn xưa. Nhưng dù thế, những ngà đẹp để càng ngày càng thấy hiếm hoi dần.

Làm sao phân biệt được ngà với những thứ giả làm theo rất nhiều? Kể cũng không khó lắm một cách tương đối: chỉ cần có trong tay một món ngà thật và xem xét kỹ lưỡng cái thể mạch-lạc của nó, là không còn lầm với những món bắt chước dù cho khéo léo đến đâu, mà lúc nào cũng có. Thật vậy, nhìn thể ngà qua kính hiển-vi thường, ta nhận thấy rõ những hạt nhỏ hiện ra dưới hình-thức những tế bào đồng-âm, nằm qui-định một cách khá đều đặn. Mắt thường cũng có thể thấy được rõ ràng những tế-bào ấy ở những phần gọt theo chiều dày của mảnh ngà voi. Tuy nhiên, cái kinh-nghiệm bảo rằng trong khi chỉ cần trở một bức tượng nhỏ để rõ cái thể mạch-lạc, không đủ mà quyết-định được nó là làm bằng ngà. Bởi, vốn có một số rất nhiều món đồ làm bằng nanh con hải-câu, con hải-mã, hoặc bằng xương trâu nước rồi đem lấp lên trên đấy một miếng thể nhỏ và mỏng bằng ngà thật.

Có những tượng phật nhỏ bằng ngà chạm trổ. Đó quả là những tiêu-mẫu xem rất thú vị hơn hết. Như tượng trình-bày Phật Bà Kwan-Yin, (Quan-Ám)

mặc đồ dài, mặt che khuất nửa đang bước, tay cầm một nhánh sen. Trên gương mặt Phật Bà hiện một nét thanh-nhã, dịu buồn đầy một cảm-xúc thẩm-thía, và bức tiểu tượng tiết ra một sức mê hoặc hoàn-toàn thần-bí.



Không ai hơn những tay nghệ-thuật người Tàu để hiểu cách-thức phải làm ngà thế nào để có được nước bóng và những đường vân hầu có một sắc-thái hòa hợp, một vẻ mịn-màng nổi trên lớp mặt. Chỉ những thợ làm ngà trong hai thế kỷ thứ 15 và 16 ở Âu Châu là đi đến được cái tài như thế thôi.

Có nhiều kiểu-mẫu rất đẹp của một công-trình mỹ-thuật, thấy ở những bình dùng cầm bút lông, trang hoàng bằng phong cảnh chạm nổi, ở những hộp đựng thuốc, những tấm bình-phong nhỏ, những con dấu, những cái tráp, cũng như ở lắm đồ vật mà

các nhân-vật cao cấp dùng để biếu tặng nhau. Vào thế-kỷ thứ 12 trước kỷ-nguyên ta, ông Mong - Chang - Kim, vị quan thượng thư người Tàu mà tiếng tăm lừng lẫy về sự giàu có và tánh tình hào phóng, có dâng tặng cho một hoàng-tử một chiếc giường lộng lẫy bằng ngà. Ta có thể tưởng tượng được số ngà voi cần thiết để dùng làm một món đồ voi kích-thước như vậy là nhiều bao nhiêu. Những chiếc ngai, những chiếc kiệu của những nhân-vật trọng-đại đều một phần hoặc toàn bộ làm bằng ngà khối.

Thứ ngà lấy liền ngay ở con voi bị săn vừa chết được chuộng

hơn thứ ngà sắc mờ lu của con thú chết đã lâu.

Chất ngà, càng ngày, sẽ có một lớp mốc rất đẹp, màu hồ-phách. Vào thế kỷ 18, một số đồ được đem ngâm trong một thứ nước nhuộm màu đỏ bằng lá một thứ cây, để cho có một phản-ánh sắc cạnh hơn, do đó mà một số ngà xưa có màu đỏ dợt.

Ngà là một đồ vật quả rất quý vậy, mà ở thời đại nào, kẻ tài-tử với tánh hay kén và sành sỏi, đều ham chuộng cái chất quyến lòng ấy, khi thì rắn và sáng sủa, khi lại mềm và lợt dợt, với màu sữa trong suốt hoặc sẽ vàng nhạt cùng những phản-ánh óng ả long lanh.

★ CHÔN VỢ

Trong đồn lính họ có lệ cho nghỉ phép nhiều ngày mỗi khi người lính nào có vợ chết. Hầu hết lính trong đồn muốn được nghỉ phép nên đã khai ấu là vợ chết, để rồi sau đó họ lại xin phép lấy vợ hai. hoặc vợ ba! Anh lính X 1 hôm xin nghỉ phép đặc biệt và bịa-chuyện là người vợ thứ 6 của anh chết « bất đắc kỳ tử ». Anh ta liền được đi phép tức khắc. Hôm sau, 1 người đàn bà xưng là vợ lính X xin vào đồn thăm. Anh lính gác công báo chị ta:

— Trời ơi! chị đến trễ quá! Hôm qua X đã xin phép về để chôn chị rồi! Bây giờ chị nên trở về nhà gấp, X được nghỉ 1 tuần lễ, nó sẽ còn dư ngày để chôn chị!

★ Ruồi cái và Ruồi đực

Trong một bữa tiệc cưới, một cô phù dâu « ngây thơ cụ » ngờ ngần hỏi 1 cậu phù rể:

— Anh ơi! làm sao biết được con ruồi đang bay kia đực hay cái?
Cậu phù rể lanh trí trả lời:

— Khó gì! nếu cô thấy nó đậu xuống ly rượu của tôi mà uống thì nó chính là con đực, còn nếu nó chỉ bay liệng soi mình trên ly nước cam của cô thì đích thị nó là con ruồi cái!



TRUYỆN NGÀN AN-GIÊRI

CÔNG-CHÚA
CỦA
LÊ-HƯƠNG BỒ-CẦU



Trong một lãnh thổ rộng lớn của xứ Maghreb (An-giê-ri ngày xưa) có một vị Quốc Vương tài đức song toàn. Ngài mở rộng bờ cõi đến tận Địa-trung-Hải và Đại-tây-dương, vui hưởng một cuộc đời oanh-liệt đầy lạc thú. Nhưng có điều khiến Ngài sầu muộn là Ngài đã khá lớn tuổi mà chưa có con nối dòng. Ngài đã nạp rất nhiều cung phi nhưng tháng ngày mòn mỏi, không một bà nào báo chút tin lành. Ngài lo sợ sau khi băng hà thì ngài vàng sẽ về tay kẻ khác, ồng phi cả công trình xây dựng của tiền nhân.

Một hôm, Ngài ngồi dưới gốc cây trong vườn hoa hóng gió, thỉnh linh nghe tiếng rao của một người Do-thái bán trái cây:

— Ai mua trái đào sanh con không?

Ngạc nhiên trước vật lạ, nhà Vua đứng phắt dậy suy nghĩ. Tháng này đào chưa trở hoa, tại sao kẻ kia có trái mà bán? Ngài phán hỏi:

— Chú lái hãy cắt nghĩa cho Trẫm biết về trái cây lạ này?

Người Do-thái đáp:

— Muốn tâu Bệ hạ, trái đào này có một đặc tính là người đàn bà nào ăn vào sẽ có con hoặc trai, hoặc gái.

Nàng cung phi trẻ nhất cũng nghe tiếng rao vội chạy đến. Nhà Vua mua một trái trao cho

nàng. Người đàn bà về phòng bỏ làm đôi, ăn một nửa, còn một nửa để trên bàn.

Nhà Vua theo sau, thấy màu sắc trái cây quá đẹp, mùi thơm ngạt ngào bèn cầm ăn ngấu nghiến. Nàng cung phi ăn hết nửa trái, thêm ăn nốt miếng còn lại, trở ra tìm. Bà tức giận quát tháo om-sòm, đến khi nghe chồng giải thích mới nguôi.

Kết quả như lời người bán, bà Vua ăn xong cảm thấy mình có thai, còn ông Vua thì mọc thêm một miếng thịt trên bắp đùi! Miếng thịt càng ngày càng lớn đến nỗi Nhà Vua phải nằm liệt giường không đi, đứng được.

Đúng ngày, Bà Vua sanh một Hoàng Nam xinh đẹp vô cùng. Nhà Vua hoan hỉ lắm. Sự ước mơ đã thành tựu, Ngài mở tiệc ăn mừng và cho dân chúng vui đùa ba ngày, đêm.

Nhưng, phần Ngài thì vẫn không làm sao ngồi dậy nổi. Miếng thịt quái ác ấy hành Ngài đau nhức không thôi. Ngài đã nhờ rất nhiều y-sĩ, đạo-sĩ nhưng không ai hiểu nguồn cơn và trị lành.

Một vị lão thần giới thiệu Ngài một nhà tu-sĩ già ẩn trên ngọn núi cao nhất nước hàng trăm năm nay có thể dùng phép thuật đem miếng thịt ra ngoài.

Nhà Vua cho người rước vị tu-sĩ. Sau khi xem qua, ông nói:

— Hoàng thượng ăn nhầm trái

đào sanh con, đáng lẽ chỉ để cho phụ-nữ dùng.

Vua thú thật đã ăn nửa trái của vợ, và hiện thời bà vợ đã sanh một cậu trai.

Vị tu, sĩ mở túi vải đem theo mình lấy một lưỡi dao sắc xanh như lá cây, nhẹ nhàng cắt miếng thịt thừa ấy. Trong lúc loay hoay mổ xẻ, không ai để ý một con công mái bay vào cửa sổ, mổ miếng thịt thoát ra ngoài. Nó bay thẳng ra biên-giới, đến nước láng giềng thì đậu trên một cây cao bên bờ hồ. Nơi đây là chỗ các mã-phu của vị Quốc Vương nước này dắt ngựa cho uống nước hằng ngày. Con Công lựa một cành vừa ý nhất nhánh, lá làm ổ để miếng thịt lên.

Qua ngày sau, bọn mã phu dắt ngựa đến như thường lệ. Chúng rất ngạc nhiên thấy bầy thú hốt hoảng khi nhìn xuống nước, hình như thấy bóng ma quỷ vậy. Chúng vội-vàng vào triều tâu Nhà Vua.

Đông cung Thái-Tử đứng bên cạnh tâu rằng :

— Xin Phụ vương cho phép con dắt ngựa đến xem điều gì quái lạ như thế.

Hôm sau, Thái tử đến bờ hồ, nhìn xuống nước thấy một bóng người làm cho Thái-tử sửng sốt. Ấy là một cô gái tuyệt trần, khắp thế gian không người nào sánh kịp.

Trước vẻ đẹp mê hồn, Thái-tử rung động tận đáy lòng đến nỗi ngã ra bất tỉnh. Các mã-phu

không biết đầu đuôi vội khiêng tiều-chủ về cung.

Thái tử mê man suốt ba ngày, ba đêm. Nhà Vua mời tất cả ngự-y đến xem bịnh tình. Một y-sĩ dùng khoa bói toán, tâu rằng :

— Thái tử bị hôn mê vì quá yêu một cô gái khi vừa thấy bóng cô ấy rơi xuống nước.

Đoạn, ông đồ thuốc cho Thái-tử tỉnh dậy.

Chàng trai trẻ vừa đứng xuống đất đã vội nhảy lên mình ngựa chạy ra hồ tìm người đẹp. Thái-tử thấy bóng cô gái dưới nước như lần trước, nghĩ rằng chắc cô ta ở trên cành cây bên ngoài lên xem. Chàng thất vọng không thấy người nào hơn là một cái ổ con Công!

Thái tử buồn bã trở về cung kể lẽ với Hoàng-hậu và tâu rằng :

— Xin mẹ cho gọi một bà phù-thủy để con nhờ tìm cô gái ấy.

Hoàng hậu chỉ có một mình Thái-tử nên không muốn trái ý con, vả lại đây là chuyện quan hệ cho cả cuộc đời đứa con. Bà cho mời một tay phù thủy nổi tiếng. Mụ già nghe chuyện, lần tay coi quẻ một hồi, thưa rằng :

— Cô gái ấy là một nàng tiên nhờ con Công mái nuôi trên ổ. Con công này cũng là tiên biến hình. Người Do Thái bán trái đào sanh cô gái này là một ông Tiên tài phép rất cao. Chỉ có người mới giúp Thái-tử được. Tôi sẽ dắt người đến châu.

Người Do-Thái đưa Thái-tử ra

bờ hồ, mở bao làm phép, đọc thần chú, hóa bùa một hồi, thỉnh linh cô gái biến thành con bò-câu. Con chim mới hóa hình vỗ cánh bay theo con công mái mất hút.

Thái-tử nhìn theo, khóc ròng. Nhưng đến chiều tối thì hai con chim Tiên trở lại ổ.

Người Do-Thái đọc bùa, làm phép luôn một tuần lễ không có kết quả. Hai con chim vẫn sáng bay đi, tối trở về. Đến chiều ngày thứ bảy, con bò-câu nhảy xuống đất biến thành cô gái trở lại.

Thái tử vui mừng vô hạn. Chàng kể hết nỗi lòng nhớ thương và thề nguyện sẽ ở đời trọn kiếp với nàng.

Nhưng Thái-tử đã có vợ rồi. Vợ chàng là đứa em con của bà di. Chàng chưa biết tình cách nào cho vẹn, chỉ bỏ cung lui, tới với « người đẹp bò-câu ».

Hoàng hậu thấy cử chỉ khác lạ của con, quả trách rằng :

— Tại sao con đối với vợ con như vậy? Lúc nào con ở nhà thì nằm một mình còn khi ra ngoài thì nhất vợ con trong phòng. Không bao giờ thấy con ở gần vợ con!

Thái-tử không trả lời. Chàng cỡi ngựa ra hồ, nhất định tìm cách cưới người đẹp. Chàng tâu với Vua Cha :

— Xin Phụ Vương giúp con. Con đã gặp một nàng Tiên và con yêu mến hết lòng. Con thấy đó

là nguồn hạnh phúc của đời con. Con muốn cưới ngay nàng và hóa lễ cử hành thật long trọng.

Nhà Vua chiều ý con, ~~lê~~ ~~chức~~ ngay tiệc cưới liền tiếp ~~bảy~~ ngày, ~~bảy~~ đêm.

Người vợ trước không thể dần được lòng ghen tức. Nàng thổ-thể với Hoàng hậu, và bà di nàng cũng cảm thấy tức-tối cho kẻ cướp tình yêu của cháu mình. Cả hai đều có ý muốn nàng Tiên trở thành hình bò-câu, bèn nhờ người Do-Thái. Ông này trae một cây kim phép, dặn rằng :

— Hoàng-hậu giả vờ chửi đứa nàng, thừa lúc nàng vô ý đưa cây kim vào óc thì nàng sẽ hóa ra chim.

Hoàng-hậu mừng rỡ, thi hành độc-kế.

Công chúa bò-câu không một lòng mẹ chồng, ngoan ngoãn cỡi khăn cho bà chải tóc. Kim phép vừa đâm vào đầu, nàng rừng mình biến thành chim, ~~vô~~ ~~cánh~~ bay đi. Nàng bay thẳng đến vườn hoa của Thái tử, chổng nàng, đậu trên một cành ~~cổ~~ ~~thụ~~. Cây này to nhất hoàn cầu, ~~cánh~~ lá che mát cả một bộ-lạc.

Khi Thái-tử vào cung không thấy vợ, bèn hỏi Hoàng hậu. Bà Vua đáp :

— Con không biết tánh vợ con hay sao? Nó là chim không thể bó mình trong cung điện được, cần phải có trời xanh, mây rộng, cây cối, rừng rậm cho nó sống thành thoi.

Thái-tử tin lời mẹ lấy làm ~~đam~~

khô vớ cùng. Chàng muốn khuấy nổi sâu thương liền ra lệnh cho quân hầu dọn-dẹp một vườn cây trái gần bên vườn hoa, để trồng đủ loại thảo-mộc cho công chúa Bờ-câu, thường thức. Giữa lúc đoàn người chăm chú làm việc thì một giọng nói cất lên vắng-vắng bên tai, giọng nói của nàng Tiên Bờ-câu:

— Tôi sanh ra nhờ một trá, đao, mẹ công mái nuôi tôi, Thái-tử cưới tôi, Hoàng hậu và vợ người hại tôi trở thành hình chim.

Tiếp theo nhiều lời rên rĩ khóc than khiến mọi người bùi ngùi rơi lệ.

Phút chốc trời đổ mưa toi đoàn người chạy núp dưới nhành cây khồng-lồ, Nhiều tiếng cười vụt nổi lên, thỉnh linh mưa ngưng hẳn.

Cả bọn trở ra làm việc, thì tiếng nói cất lên bòa tiếng khóc than, rồi trời đổ mưa, cả bọn chạy núp, tiếng cười vang dậy, mưa ngưng bặt.

Cảnh tượng lạ lùng này tái diễn mỗi ngày khiến đoàn người phát sợ, vội trình Thái tử.

Chàng không biết làm gì khác hơn là nhờ bà phù-thủy ngày xưa. Bà xin một cái cối xây tay, một ít lúa, một cây cán bột, một cái mâm gỗ nhồi bột, một cái chảo chiên bánh và một cái lồng chim. Đoàn bà dặn không ai được theo bà để bà làm gì tự ý.

Bà mang đồ vật để cạnh gốc cây, giả vờ không thấy Bờ-câu đậu ở trên, để cái cối thớt trên làm thớt dưới và xây ngược chiều.

Bờ-câu thấy vậy tưởng bà lão không thấy đường nói lảng:

— Bà ơi, không phải như vậy đâu! Bà để cối trở lại và xây theo chiều khác mới được.

Bà phù thủy nói:

— Cháu ơi! Bà mù lòa không thấy gì cả. Cháu lại gần chỉ cho bà làm xem.

Bờ-câu tỏ ý nghi ngờ không chịu xuống. Bà giả tiếp-tục làm việc trái ngược hơn mọi người. Bà lấy đầu cây cán bột mà đâm lúa.

Bờ-câu nhìn theo:

— Bà ơi! Không phải như vậy đâu. Bà để nằm cây cán mà lẩn mới được.

Bà nói:

— Cháu ơi! Bà có thấy gì đâu! Cháu lại gần chỉ giúp bà với.

Con chim tiên vẫn không chịu rời cành cây.

Bà lão lấy lúa bỏ lên đít mâm, chà như muốn làm ra bột rồi lật úp cái chảo mà chiên.

Chim Bờ-câu theo dõi từng cử chỉ nhưng không chịu xuống giúp người tàn tật.

Bà phù-thủy lấy cái lồng mò mâm tìm cửa mà không được. Bực mình bà ré lên khóc:

— Trời ơi! Chắc tôi chết mất! Có ai đến giúp tôi không?

Chim tiên không cảm lòng được, liền bay xuống. Bà giả chỉ chờ có thể, vội chụp bắt bỏ vào lồng, mang về nọp Thái-tử.

Thái-tử hết sức vui mừng, trọng thưởng bà phù thủy. Chàng đem «vợ» vào phòng đóng kín cửa lại, cất chia l hóa trong mình.

Nhưng Hoàng-Hậu hay tin ấy bà sai thợ làm một chìa khóa giả, chờ Thái-tử đi săn, lên bắt Bờ-câu quăng vào kho chứa than.

Khi Thái-tử về cung, hay chuyện chạy hỏi mẹ. Bà Vua đáp:

— Con vào trong kho chứa than mà tìm, giống chim ấy thích lẩn mình trong tro bụi và rác rến lắm.

Thái-tử vào kho, thấy chim nằm trên đống tro, mình mẩy dính đầy bụi than. Chàng âu yếm bồng chim đi tắm rửa. Chàng chải lông, vuốt đầu chim, thỉnh linh tay đụng nhăm cây kim, chàng liền nhổ ra. Tức thì

Bờ-câu hóa thành nàng Công chúa như trước.

Sự vui mừng của đôi vợ chồng không lấy lời gì tả cho hết được.

Nhà Vua nghe thuật những hành vi tàn ác của Hoàng-Hậu và con dâu, nổi trận lôi đình truyền bắt hai người giam vào lãnh cung.

Vài hôm sau một người đưa bà quý phái mặc quần áo sang trọng, đeo dây vàng, ngọc, kim cương vào châu Vua, xưng là mẹ nuôi Công chúa Bờ-câu. Đây là con Công mái hóa hình. Bà Tiên này ở trong cung với Công chúa một thời gian rồi từ giả lên đường. Bà ra khỏi thành một đôi vượn hóa thành công bay lên mây. Sau này nhiều người thấy bà đi dạo trong rừng bẻ gập ai thì hóa làm công hay mất.

Hoàng hậu và đứa cháu chết mòn trong ngục tối đền tội ác của mình.

Thái-tử sau này nối ngôi, trị vì trong cảnh thái bình an lạc.

★ Bé coi xi-nê

- Bé coi xi-nê thấy có gì hay thuật ba má nghe với.
- Bé thấy ông Tây hun bà Đằm giống ba hun chị vú lắm.

★ Nghề phát tài

- Lâu quá mới gặp anh! Dạo này anh làm gì? Khá không?
- Đủ xài! Tôi làm thầy thuốc.
- Ủ! Như vậy tôi phải mở tiệm bán hòm gần anh mới được!

HOA NỮ VỀ THU



*Sương nạm ngọc trên hoa vàng thắm thắm.
Gió êm đềm lay cánh lá xanh tươi.
Mây từ đâu về trắng cả chân trời
Hồn sông núi cười nghe tình nở mộng.
Nhớ thu trước nắng chìm trong gió lộng
Chim bàng hoàng và hoa trắng ngắt ngày
Mắt bàng khuâng xem lá rụng rơi đầy
Chân dẫm nát cỏ mơn nghe cảm xúc.
Bởi phút ấy đất trời đang rạo rục
Và lòng mình nhạc trời khúc thơ duyên.
Ôi mùa thu trao mộng ngọc trang huyền!
Môi e ấp — nụ cười chưa vội nở,
Tóc thề vẫn giữ nguyên màu bờ ngõ
Nhưng nghe tiếng hồn mộng đã say sưa.
Mắt nhìn lên ướng cả gió sang mùa
Giăng tim bé mụ đón ngàn hương sắc.
Trời vô thủy đã rộng lòng xếp đặt
Cho hồn hoa nữ nụ giữa bình minh.
Trời về thu kiêu diễm lắm duyên tình
Lòng thiếu nữ bỗng tung bừng ý sống.*

THANH-NHUNG

CUỘC ĐỜI

VŨ-TRỌNG-PHỤNG

của TRẦN-ĐỖ

N GÀY 13 tháng 10 năm 1939 : VŨ TRỌNG PHỤNG nhà văn tả chân và phóng sự đã tạ thế vì bệnh ho lao tại số nhà 73 PHỐ CẦU MỚI ngoài ô thành phố HÀ NỘI, ở ngay bên cạnh nhà thi hào TÂN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU — Số 71 — cũng tạ thế năm đó, vào ngày 7 tháng 6.

Cả hai cùng chết trong sự nghèo túng, thi hào TÂN ĐÀ năm xuống, gia tài bị tịch biên để trả nợ; VŨ TRỌNG PHỤNG lâm bệnh nặng mà vẫn cố hoàn thành tác phẩm TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC đầy 400 trang; khi viết xong trang cuối cùng, ông đã ngắt đi trên tay bà mẹ già, để rồi đưa tới nhà xuất bản và về tay không, vì tác phẩm ấy vừa đủ trả nợ nhà xuất-bản mà ông đã thiếu từ trước. Giải thích sự việc đó, VŨ TRỌNG PHỤNG

nói với một văn hữu : « Phụng của các anh sống không nợ, chết thủy chung ! Món nợ tôi vay trước của nhà xuất bản, thế là đã được trang trả hết bằng 400 trang đủ giòng đủ chữ (1) Lương tâm ta yên ổn lắm ! Không lo gì quý sử diêm vương kim kẹp linh hồn ta nữa. »



VŨ TRỌNG PHỤNG bước vào làng văn năm 18 tuổi, chết đi năm 28 tuổi. Mười năm trời sáng tác, để lại ngót hai chục tác phẩm, gồm nhiều loại: phóng sự, tiểu thuyết, kịch bản, dịch thuật... mà trong đó có những cuốn: GIÒNG TỐ, SỐ ĐỎ, VỎ ĐÈ, TRÚNG SỐ ĐỘC ĐẮC, NGƯỜI

TU ĐƯỢC THA... vẫn còn được lưu truyền và chắc hẳn sẽ còn được lưu truyền nhiều năm nữa.

1— Hồi đó nhà xuất bản trả cho tác giả 8 hào một trang, mỗi trang phải được 32 giòng, mỗi giòng phải đủ 14 chữ.

Một nhà văn sống trong nghèo khổ, chết vì quá lao tâm lao lực; biết mình sắp chết mà vẫn cố trả hết nợ đối với « người đời » nhưng với số tác phẩm ông để lại cho « người đời ». Ai trả nợ ấy cho ông? Làm thế nào để trả nợ ấy???

Lý do đó đã khiến tôi viết bài này!

MỘT VÀI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI VŨ TRỌNG PHỤNG.

VŨ TRỌNG PHỤNG sinh vào năm 1911, quê ông ở một làng gần ngoại ô HÀ-NỘI, hú danh là TỶ. Ông nội làm lý trưởng, cha là một người dân nghèo, sinh thời không có một chỗ đất « cắm dùi » ở làng.

Thân sinh VŨ TRỌNG PHỤNG mất khi Ông mới được bảy tháng: hiện mẫu của Ông lúc bấy giờ mới 21 tuổi, ở vậy nuôi con.

Cái cảnh mẹ góa con côi, sống chật vật ở đất Hà-Thành thật vô cùng chua xót, tuy đời sống vật chất hết sức eo hẹp, VŨ-TRỌNG-PHỤNG vẫn được mẹ cho đi học ở trường « KE » (1).

Sau khi đỗ xong bằng tiểu-học, Ông xin vào làm thư ký cho hãng GÔ-ĐA. Một nhà buôn tạp phẩm lớn nhất hồi bấy giờ.

Đời sống của một tư chức thật chật vật, nó chiếm của Ông rất nhiều thì giờ và sức lực, nhưng Ông vẫn ham học, ham đọc, ham nghĩ. Với cái tuổi mười sáu,

đáng lẽ ông phải ham đọc những loại chuyện tình cảm lãng mạn mới phải, nhưng người ta thấy ông mua và đọc rất say mê những báo rất « Ông Cụ » như : Nam - Phong, Thực - Nghiệp, Trùng Bặc (2), ông thường băn khoăn tìm hiểu những vấn đề thuộc phạm vi triết học và xã hội.

Cái tinh thần hiếu học, hiếu sự hiểu biết ấy có thể hiểu theo một câu chuyện sau đây : « Trong đời tao, tao k' ông oán cái gì bằng cái tử chề !!! Thực thế, cái dân An-Nam (3) này đã khổn khổ và còn khổn khổ vì cái tử chề đều giả ấy không biết đến bao giờ ! Mà y thử xem, trong mỗi nhà, cái chỗ tốt đẹp nhất đáng lẽ phải để tử sách, treo những tác phẩm mỹ-thuật hay đặt máy truyền thanh, người mình chỉ kể tử chề. Người mình có can đảm suốt đời chịu đối nạt như súc vật nhưng không thể không sắm tử chề được. Đến nỗi chạy loạn cũng đem gửi tử chề trước đã ! Thực là ách nghìn đời của cái dân chỉ thích làm cu li ! » Đó là câu của Vũ Trọng-Phụng nói với LAN-KHAI.

Ông muốn tử sách, muốn tác phẩm mỹ thuật, muốn máy truyền thanh có địa vị xứng đáng trong đời sống của con người ! Tức ông muốn học, muốn hiểu vậy !

1— Do chữ Quai, nghĩa là bờ sông. Vì trường đó ở ngay bên bờ sông Hồng-Hà.

2— Theo Nguyễn-Triệu-Luật.

3— Danh từ này thường dùng dưới thời Pháp thuộc.

NHỮNG BƯỚC TIẾN TRONG NGHIỆP VĂN

Cuộc đời tư chức kéo dài được vài năm; ông bắt đầu sáng tác những truyện ngắn gửi tới những tờ báo ở Hà-Thành; trong số đó có tờ Ngọ-Báo do ông Tam-Lang làm chủ bút. Ông Tam-Lang cũng là một nhà văn tả chân, nên với lối văn của Vũ-trọng Phụng rất được ông chú ý và cho đăng.

Sau đó, Vũ trọng Phụng lại gửi tiếp mấy bài này đều thuộc loại văn tả-chân, mô tả những hình ảnh đậm đặng một cách rất chân thực đến « số-sàng » (1). Nhưng tiếc thay ! những bài sau không được đăng tiếp nữa, vì ông Bùi xuân Học Chủ nhiệm tờ báo không vừa ý và cự ông Tam Lang đã đề cho đăng bài ấy.

Rồi một hôm, Vũ trọng Phụng tới tìm gặp Tam-Lang, ngỡ ý muốn được vào giúp việc cho tờ báo, vì ông chán cái cảnh thư ký (2) lắm rồi ! Ông Tam Lang vận động cho Vũ trọng Phụng được vào làm ban trị sự của tòa báo, đồng thời viết bài cho bên tòa-soạn. Chẳng bao lâu, ông Bùi xuân Thành thân sinh ông Bùi xuân Học phàn nàn Vũ trọng Phụng vì để công việc bê trễ, nên ông phải thôi. Và lại trở về với nghề thư ký để mưu sinh... có lẽ ông thoát được nghiệp chường rồi chăng ?

(1) Theo Tam-Lang.

(2) Hồi này ông đang làm thư-ký cho hãng I.D.E.O.

Không ! Chỉ ít lâu sau, người ta thấy ông xuất hiện trên tờ Nhật Tân với bút hiệu Thiên-Hư, Vũ trọng Phụng trong thiên phóng sự Cam Bẫy Người, rồi liên tiếp trên những tờ báo khác, những thiên phóng sự Kỹ-nghệ lấy Tây, Cơm Thầy cơm Cô ra đời... tất cả những thiên phóng sự này đều ký : Vũ trọng Phụng.

Chỉ trong vòng mấy năm, danh tiếng của ông đã trở thành quen thuộc với độc giả toàn-quốc.

Những tờ báo Vũ Trọng Phụng đã cộng tác : Ngọ Báo, Công Dân, Tân Thiểu Niên, Hà - Nội Báo, Đông Dương, Tao Đàn, Tiểu Thuyết thứ bảy, Sông Hương...

Trong vòng mười năm, ông đã hoàn thành được những tác-phẩm :

- 1— Cam Bẫy Người (phóng sự)
- 2— Không một tiếng vang (kịch)
- 3— Kỹ Nghệ lấy tây (phóng sự)
- 4— Dứt tình (tiểu thuyết)
- 5— Số Đỏ (tiểu thuyết)
- 6— Giết mẹ (Dịch : Lucrèce Borgia của V. Hugo)
- 7— Làm đĩ (phóng sự)
- 8— Lấy nhau vì tình (tiểu thuyết)
- 9— Quý phái (tiểu thuyết)
- 10— Cơm thầy cơm cô (phóng sự)
- 11— Giông Tố (tiểu thuyết)
- 12— Cái ghen đàn ông (tập truyện ngắn)
- 13— Vợ dè (tiểu thuyết)
- 14— Trúng số độc đắc (tiểu thuyết)
- 15— Người tù được tha (tiểu thuyết — Di cảo) v. v...

VŨ TRỌNG PHỤNG QUÁ SỰ XÉT CỦA CÁC VĂN-HỮU ĐỒNG THỜI

* DÁNG-ĐIỆU :

Vũ Trọng-Phụng có «*khô người cao độ thước sáu, mảnh khảnh, vai vuông và lưng hơi ú*»... «*dáng điệu lúc nào cũng có một chút mệt nhọc, thần thờ.... một bộ mặt chữ nhật mà những nét đặc biệt nhất chính là cái màu da mai mai và đôi quai hàm vuông thước thợ. Mái tóc rẽ tre rẽ lạch thường vươn tua lủa xuống cái trán phẳng không cao, mắt một mí và sắc, mũi trái mắt, cái miệng rộng, môi mỏng thường kéo dài ra hai bên, làm cho đôi má lõm nhàn lại*».

Từ trước ông vẫn mặc quốc phục: «*mặc áo Sa tron và đi giầy gia-định, đôi khăn xếp lượt... bao giờ chữ nhân cũng gắn sát đến lòng máy*», cũng vì vậy một số văn hữu đùa và đặt cho ông cái biệt hiệu: «*Bác cung văn*», mãi tới khoảng 1934-1935, vì muốn tránh cái tên hiệu không đẹp của bạn bè tặng ông, nên ông bỏ quốc phục và bắt đầu mặc âu phục; nhưng sự thay đổi này cũng chẳng làm cho bạn hữu tìm thấy ở ông một vẻ hào hoa phong nhã, mà họ vẫn thấy ở ông: «*vẫn hơi gù, vẫn lọng-khọng, vẫn thế nào ấy!*».

* TÍNH TÌNH VÀ TƯ CÁCH :

Qua những tác phẩm của Vũ Trọng-Phụng đã xuất bản, những nhân-vật hầu hết là những người ngu xuẩn, dâm dăng, ích kỷ, trụy lạc cả về tinh thần lẫn thể xác... người đọc thường hình dung ra một Vũ Trọng-Phụng «*Đã có tuổi, lối đời, nhanh nhẹn, lười lỉnh, sành thạo. Một người mà họ tưởng chừng như khi đến gần thì không thể không lo sợ, không thể không ngờ vực và không thể không đề-phòng*». Tất cả những người đó đã làm, làm một cách quá đáng...

Tất cả những xấu xa của nhân vật trong tác-phẩm của ông, đều không có ở đời sống thực của ông... Thực ra, khi tạo nên những nhân vật ấy, những tác phẩm ấy; ông đã nhờ thiên tài và óc sáng tạo nhiều hơn là kinh nghiệm bản thân. *Viết cuốn: «Kỹ Nghệ Lấy Tày» chỉ là kết quả một đêm nghe chuyện của một tay «hảo hóm» ở ngõ Sầm-bông; hoàn thành: «Cạm Bẫy Người» cũng chỉ nhờ cuộc nói chuyện với một cậu công tử kiêu «Cần-Thơ — Bạc-Liêu» hay năm nói chuyện một đêm với một tù nhân, đề ít lâu sau có «Người Từ được tha»... điều đó minh chứng cho giá trị của óc sáng tạo và sự thông cảm bén nhạy của người nghệ sĩ là một điều kiện thiết-yếu, không thể phủ nhận.*

Đời sống tinh cảm và phương cách xử thế của ông đã được ghi nhận thế nào? Các bạn hữu đã nhận xét ra sao về ông, dưới đây chúng tôi sẽ lần-lượt trình-bày những điều đó,

Điều đầu tiên, chúng tôi cần phải nói ngay về sự liên-hệ giữa ông và gia đình của ông mà sự nhận xét có thể tóm tắt trong một câu ngắn, rất ngắn nhưng thật đầy đủ là: «*Con: hiền, bố: hiền và chồng: chung-thủy*». Khi viết tới dòng này, chúng tôi không thể không nhắc tới thân mẫu của ông; một người đã hy-sinh cho con rất nhiều mà chẳng được nhờ con bao nhiêu. Góa chồng khi tuổi hãy còn xuân — 21 tuổi — tần tảo nuôi con ăn học,



đề rồi con hứa kiếm ra tiền vừa được mấy năm thì lại ngã ra chết; đề rồi lại tiếp tục nuôi cháu gái thay con. Hiệן Cụ hãy còn sống và tôi hy vọng những dòng trên đây cô Lan — con Vũ-trọng-Phụng — sẽ đọc tới tai cụ. Hy-vọng lắm thay!

Đời sống riêng tư của Vũ Trọng-Phụng rất «*phải chăng*» trật tự và bình dị.

Nếp sống của ông lúc nào cũng bình thản, không có những

phút phóng túng quá đáng như một số đồng các văn-nghệ-sĩ đương thời.

Có một lần Nguyễn - Tuấn trong một phút cao hứng đã bỏ tiền mua một bức tranh *thủy họa*, đề rồi không có tiền sắm áo rét... nhưng lại «*khoe*» việc ấy với Vũ Trọng Phụng; Vũ quân tìm đến nhà Nguyễn Tuấn đề: «*ngắm bức họa với sự-chế nhạo và «chửi» tôi là một thằng điên và nói: Tao không bao giờ lại có thể điên như thế:*» (1), đó là câu chuyện do Nguyễn Tuấn kể lại.

Người ta còn thấy ông có một nếp sống rất đều đặn và phải chăng ngay cả trong sự ăn mặc; ở đây người ta còn thấy ông rất đề dặt, đề dặt đến rút-dát (2) nữa.

«*Từ khi đánh bạn với Phụng, tôi biết Phụng chưa hề mạo hiểm ăn một thực-phẩm lạ bao giờ. Chỉ hết phở sào lại áp chảo và quanh quần chỉ đậu rán, bún chả, bún bung.*» (3), những thái độ ấy, tưởng cũng chứng minh được một phần nào về những tư tưởng có *tính cách «bảo thủ»* trong một văn phẩm của ông.

Thậm chí ngay cả đến những giấy, bút, mực ông đều cũng chỉ dùng những loại bình dân, thông thường nhất; mực tím của học trò pha loãng; giấy sáu xu (4) một thếp kẻ sẵn và bút ngòi Incomparable một xu (5) ba ngòi.

(1) (2) và (3): Nguyễn Tuấn.

(4) và (5): Giá tiền thời đó.

Tất cả những vật dụng đó đều là vật dụng của học trò.

Chúng ta còn có thể ngạc nhiên hơn nữa, khi biết Vũ Trọng-Phụng tác giả của những cuốn sách có những nhân vật như: *Xuân Tóc Đỏ*, *Bà Phó Đoan*, *Nghị Hách*... phá phách như vậy, mà lại làm việc rất trật tự: Trước bàn viết của ông bao giờ cũng có một thời khóa biểu viết bằng mực đỏ, ghi ngày tháng bài phải viết xong, ghi tên những nhà xuất bản đã đặt mua bài và ông thi-hành rất đúng. Khi ông đã hứa giao bài thì đúng ngày ấy ông có bài đầy đủ... một tính tình rất hiếm thấy trong lớp nhà văn đương thời

Nói tóm lại, đối với bản thân, Vũ Trọng Phụng đã giữ gìn rất khuôn phép, rất trật-tự. « *Cái đồng hồ luôn luôn ở trong túi áo, và những kim chỉ giờ chỉ phút không bao giờ sai lệch với đồng hồ của những người cùng phố* » (1)... Cá nhân ông rất bình dị, đời sống của ông rất mực thước và ngay cả đến những ước-vọng ông cũng « mực thước » lắm; vào một chiều hôm tết Trung-thu, ông đã nói với Nguyễn-Tuân: « *Tao chỉ mong sao mỗi khi chúng mày đàn đúm kéo nhau về chơi tao, thì có mãi mãi được mâm cơm cho thơm tất và cái khay đèn không phải thiếu thước* ». Sau hết chúng ta cũng cần nhắc ở đây về những sở thích của Vũ Trọng-Phụng.

(1) Lưu Trọng Lư

Ngoài cái đam mê của « nghiệp-chương » văn-chương, Vũ Trọng-Phụng còn có tài đánh đàn Nguyệt rất khá, một văn-hữu đã phê-bình về tiếng đàn của ông như sau: « *Nó đàn có những tiếng nắn đẽ thưng và lẳng lơ lạ* » và một điều ít ai biết: Vũ Trọng-Phụng rất ham làm thơ, nhưng thơ của ông không xuất sắc lắm, nên chỉ ông cũng chẳng cho đăng báo bao giờ.



Người ta còn thường kể, mỗi khi hoàn thành một tác-phẩm, ông thường chau chuốt, vuốt ve và nâng niu tác-phẩm hàng nhiều ngày, rồi mới chịu đưa cho nhà xuất bản; thậm chí khi sắp chết, lời di giãng cuối cùng của ông là được gói đầu lên những bản thảo mà chết.

* GIAO TẾ :

Nếu ở trong gia-đình ông sống thuận hòa, đối với bản thân điều độ; thì đối với bạn bè, ông cũng giữ một niềm thủy chung, chí tình...

Những bạn hữu, ông chỉ chơi với các bạn đồng nghiệp vì ông cho rằng:

— *Bạn mình cùng nghèo cả, sự qua lại dễ hơn, và mình dễ biết lượng thứ cho nhau.*

Bản chất của ông vốn là người căn cơ, nên đối với bạn bè ông cũng rất tỉ mỉ; ai mời ông ăn thế nào ông cũng mời lại, ai mời ông một chén bát thế nào ông cũng cố tìm dịp để mời lại; ông cần-thận đến cái độ mỗi khi nhà có gỗ tét, ai biểu sén cái gì cũng ghi lại, để có dịp thì lại trả nợ... những thái độ tỉ mỉ ấy, khiến cho một số bạn hữu không bằng lòng ông, đã có lần trách ông và cho ông là một hạng người « Viên chức trong làng văn ». Tuy ông rất ghét những thói nết bừa bãi của một số đồng các văn-nghệ sĩ, nhưng ông vẫn thiết tha với họ và thường nói: — *Ở đời chỉ có tình bạn.*

Vì ông quý bạn, yêu bạn cho nên ông trân trọng giữ nó, và chính vì vậy mà ông đã quá tỉ mỉ, quá cầu nệ khiến nhiều người hiểu nhầm ông là khách sáo, thiếu chân thành.

Sau hết đối với vấn đề tiền nong, ông luôn luôn sòng phẳng; hơn nữa không bao giờ ông lấy sự túng thiếu của mình để kêu ca phiền nhiễu đến người khác. Có một lần ông và một số văn hữu không có nơi viết, nên cùng nhau gắng làm tờ *Công-Dân* mà tờ báo sau khi in xong ít khi còn tiền thừa để chia nhau...

mặc dầu túng thiếu, bệnh tật; mỗi khi từ Gia-Lâm sang tòa báo ông đều cước bộ cả đi lẫn về; chỉ hôm nào người quá mệt ông mới lấy năm xu đủ tiền cước xe về mà thôi. Cái thái-độ ấy, khiến những người cộng tác với ông rất vừa lòng và nhất là mỗi khi ông được giao cho đứng chủ-trương một tờ báo nào, ông đều chia tiền nong cho anh em cần-thận chứ không hề bao giờ ăn chặn, ăn quýt...

Ông có lần nói với Lan-Khai: « *Trong chỗ chúng bạn, tôi ghét nhất sự vay mượn. Ở đâu mà đồng tiền đã lọt đến, sự tốt đẹp sẽ không còn nữa* » và ông giữ lời đó trong suốt đời ông.

Tình bằng hữu ông thật chí tình, nếu trong phạm vi giao tế hằng ngày ông có vẻ cần thận quá, thì ở những lúc vui buồn của bè hữu ông lại có cái sốt sắng hiếm thấy. Mỗi khi có người bạn nào mắc bệnh, dù nặng nhẹ... thì người đầu tiên tới thăm nom thường là ông. Khi ông mắc bệnh lao, có một lần ông đến chơi nhà *Tam-Lang* và khi người nhà mời uống nước, ông đã nhất định không uống, vì sợ lây bệnh cho gia-đình bạn. Cái cử-chỉ tỉ-mỉ ấy! Ai là người trách ông thiếu chân thành?

Vũ Trọng Phụng còn một đức tính rất đáng quý đối với nhà văn, là sự khiêm tốn; mặc dầu khi đã nổi danh khắp toàn quốc... nhưng mỗi khi bạn bè nghe tin

ông viết xong tác phẩm, chạy đến đòi ông đọc cho nghe, hay đọc trước mặt ông, thì ông rất e-dè và có vẻ ngượng ngùng... thường thường ông cố hết sức chống từ, chỉ khi nào cực chẳng đã mới dám tự mình đọc văn mình trước người khác mà thôi.

NHỮNG NĂM SAU CÙNG VÀ CĂN BỆNH CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG

Vũ Trọng Phụng mắc bệnh trong thời kỳ ông đang sáng tác đời dào nhất; lại chẳng may mắc phải bệnh lao, cái bệnh mà thời kỳ đó người ta còn coi nó là một trong Tứ chứng nan y: phong, lao, cô, lại.

Trong thời kỳ này một phần vì nghèo, ông thường uống thuốc ta và nhờ nhà văn Ngô Tất Tố kê đơn.

Mấy tháng trước khi chết, người ông thường hâm hấp sốt, ho ra đờm đặc, mỗi khi trở mình nghe trong người có tiếng nước ốc ách; lao cũng đau,

nói cũng đau. Trước khi chết chừng sáu bảy tháng, có một đêm bệnh hành nguy kịch, sáng hôm sau ông nhờ Ngô Tất Tố kê đơn, Ông này cho bài: *Nhị Trần Thang* hợp với *Bài nung thang* gia thêm một lượng ý dĩ, sau đó ông đã dậy đi chơi được, nhưng không hiểu

nghe ai, Vũ Trọng Phụng lại lên Tam-Đảo dưỡng bệnh, lên được tám hôm ông phải về; vì bị ho nhiều thêm và hai ống chân bị bại; từ đó bệnh ông mỗi ngày một nguy kịch thêm lên.

Trong thời kỳ làm bệnh ông đã sáng tác những cuốn *Võ Đê Tráng số độc đắc* và *Người Từ* được tha.

Riêng cuốn *Người Từ Được Tha* ông đã gửi ở đó nhiều tâm sự, và ông mong mỗi nó xóa cho ông cái tiếng là nhà văn khiêu-dâm... khi nằm trên giường bệnh, ông đã nói với nhà *Nguyễn triệu Luật*:

— « Tôi có viết một cuốn tiểu thuyết nhan-đề là: *Người Từ Được Tha* để ở nhà Tân-Dân; ông lấy về xem lại sửa lại hộ cho và để cho bài tựa. Tôi bị mang tiếng là viết văn khiêu dâm nhiều quá. Tiếng ấy có khi cũng oan nhưng vẫn là một cái thiệt án. Vì vậy, tôi muốn viết một cuốn thật đúng đắn, thật khứa, để tỏ với đời rằng: **PHỤNG** không



Vũ Trọng Phụng trước khi chết (do Lea Khai vẽ)

loàn nhiên chữa những ác ý như người ta tưởng. Và nếu tôi tả cái sâu xa bản thủ được thì tôi cũng tả nổi cái cao thượng trong sạch. Ông để tâm cho!» Đó là câu nói vào ngày 8-8-1939 tức hơn hai tháng trước khi mất.

Qua những tác phẩm trước

của ông, người ta quả thấy văn ông có vẻ khiêu-dâm và ông cũng nhận sự thực đó, nhưng ở ông... ông có một dự định lớn lao, có một chương trình xây dựng trong tương-lai; thời kỳ sáng-tác đầu tiên là bước đầu, bước phá hoại để rồi xây dựng. Ông có lần nói với một văn hữu:

— « Thế kỷ này là thế-kỷ quảng cáo, ai vô tâm việc ấy là bị loại, đầu dẫu rằng có tài có học. Công việc tôi làm bây giờ là quảng cáo cho cái tên tôi sau này nhờ cái tên ấy làm một việc gì có ích». Đó là câu nói vào năm 1936, trước khi chết 3 năm... nhưng tiếc thay, số mệnh đã chẳng cho ông thực hành cái ý nguyện ấy!

Rồi vào khoảng trước khi từ trần ba tháng, không hiểu một ông thầy bói nào đã quả-quyết ông còn có thể sống được mười ba năm nữa, khiến ông hăm hở nuôi mộng và có lần nói:

— « Thầy số bảo tôi không thọ lắm, nhưng cũng còn sống được mười ba năm nữa. Mười ba năm nữa, vì chỉ bốn mươi một tuổi. Mười ba năm nữa, ông ạ... còn đủ thì giờ làm một công trình gì khác vĩ đại chứ!»

Ông tin tưởng! Rồi ông « chống nạng lên đường» (1) hăm hở bước vào chương trình xây dựng; mặc dầu Nguyễn Tuân đã có lần khuyên ngăn:

— « Cái đức tin nghĩa và cái văn tài đầy đủ của người đã đến

lúc có thể cho phép người quí chơi dâm ba môn nợ mà đờ không ai dám rửa sả người kẻ nhảm mắt. Nếu có kẻ nào rửa sả, đã có lũ chúng tao đây hùng chừ, trang trải sạch cho người. Can gì mà cứ ôm ngực, còng lưng, khạc máu vào giấy nợ đờ mà lo trả nợ!».

Nhưng vài tháng sau, ông hoàn thành cuốn: *Người Từ Được Tha* và cũng là tác phẩm sau cùng của ông. Lần này không phải chỉ để trả nợ theo nghĩa thông thường mà thôi đâu. Ông muốn trả cái nợ đối với *Trương Chính* tác giả cuốn sách phê bình văn-học: *Dưới Mắt tôi* và một số người khác đã viết:

— Văn ông là văn khiêu dâm (2) Ông vừa khởi công xây dựng, thần chết đã mang ông đi. Ai là người có thể gỡ cho ông cái « thiết-án » ấy:

Ồi! Ngày thứ sáu 13 (Vendredi, Treize) nó đã chẳng cho ông sống đủ 13 năm, lại bắt ông chết vào ngày 13.

Chúng tôi cũng muốn kêu lên như Nguyễn-ỹ khi thay mặt tất cả anh em làng Văn Hà-nội, đọc diếu văn trước huỵch ông:

Vũ Trọng Phụng ơi! Chúng tôi — tất cả những nhà văn đứng xúm quanh má anh đây — chúng tôi thề rằng linh hồn anh và linh hồn của các bạn đã qua đời, sẽ

1— Tên một chuyện ngắn nổi tiếng đầu tiên của Vũ Trọng Phụng.

2— Dưới Mắt Tôi trang 116

được lớn sừng cho xứng đáng. Thế hệ các văn nhân còn sống sót lại đây sẽ tạc cho anh, cũng như các bạn đã qua đời những pho-tượng. Chúng tôi sẽ lập lên đền thờ các anh một ngôi đền. Chúng tôi sẽ ghi tên của các anh bằng chữ vàng trên đá. Chúng tôi sẽ gây lên một phong trào cho Quốc dân biết và yêu... và kính trọng tất cả những người thợ có thiên tài đã đắp một viên gạch xây cho nền quốc gia Văn Học »

Từ đó tới nay đã ngót hai chục năm rồi, cái giá trị của văn học vẫn chưa được đặt đúng chỗ, ấy là không kể người ta đã nhiều lần hủy hoại thanh danh của ông bằng cách thêm vào tác phẩm của ông những đoạn văn có lợi ích cho chính trị giai đoạn của họ.

Ngày hôm nay đây, chúng tôi lại làm một công việc của Dã Tràng và đề rồi có ai nghe không? Hay cũng lại như số phận của lời nói của Nguyễn-Vỹ mà thôi !

* CHỜ MỘT PHÚT.

Xa xưa lắm rồi, có một chàng nọ được mệnh danh là « Kẹo Chứa », một hôm năm mơ gặp Thượng-đế, liền hỏi :

— Tâu Thượng đế, 100 ngàn năm đối với Ngài là bao lâu ?

Thượng-đế đáp :

— Chỉ một phút chứ bao lâu !

— Thế còn 100 ngàn đồng bạc đối với Ngài có to không ?

— Chỉ bằng 1 đồng xu thôi.

— Vậy xin Thượng-đế hãy ban cho con một đồng xu.

Thượng-đế vui-vẻ trả lời :

— Được người hãy chờ ta một phút !

— ? ! ? !

CÂU ĐỐI VIẾNG VŨ-TRỌNG-PHỤNG

TCHYA :

Trời hỡi ! Ông sao ác quá chi, nặng nghiệp văn nhân, chết vẫn ngậm hôn chưa đạt chí.

Phụng ôi ! Anh nữ bay vội mấy, đau lòng mặc hữu, sống còn sợ nỗi khó an thân.

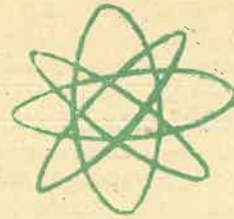
ĐỒ-PHỒN :

Cạm Bẫy Người tạo hóa khéo cang chi ?

Qua « Giông Tố » tưởng thêm Số Đổ.

Số Độc đặc văn chương vừa trùng thế,

Bỗng dứt tình, Không một tiếng vang.



AT cả chúng ta, ai cũng nghe nói đến « nguyên-tử » và chính mình cũng hay nói đến « nguyên-tử » nhưng chưa hiểu rõ nguyên-tử là gì ? Nguyên-tử-lực là sức mạnh của cái gì ? Nó ở đâu ra ? Tại sao nó có ? Nó có từ bao giờ ? Sức nào làm cho nó nổ ? Tại sao nó nổ ? Nghe nói nó ghê-gớm lắm, tại sao nó ghê-gớm ? Nó ghê-gớm như thế nào ? Nó làm ra Chiến-tranh ? Nó làm ra Hòa-

NGUYÊN-TỬ

LÀ GÌ ?

quyết vô cùng tế-nhị, vô-cùng huyền-diệu của khoa-học hiện-dại ! Nhưng cổ mà tìm hiểu để theo-rõi cho kịp nó, thì nó cũng không đến đời khó lắm, Bạn ạ. Chúng tôi đã tò-mò học hỏi, đọc các sách Âu-Mỹ từ mấy năm nay, cố tìm-tòi cho hiểu về Nguyên-tử-lực, vì chúng ta sống ở thời-dại nguyên-tử, chính từ nay Nguyên-tử định đoạt đời sống của loài-người, của mỗi cá-nhân, mỗi quốc-gia, mỗi dân-tộc, của cả thế-giới (tự-do hay độc-tài), thì nếu chúng ta không tìm hiểu căn-do của Nguyên-tử, khác nào chúng ta

THÂN-VĂN và DIỆU-HUYỀN

Bình ? Nó là Tiên-Bộ của Loài người, hay là sức Tiêu-diệt của Trái Đất ? Tất cả những thắc-mắc ấy, chúng tôi xin cố gắng trình-bày một cách hết sức giản-dị và hết sức dễ hiểu, để cùng các Bạn thông-suốt vấn-đề.

Thực ra, vấn-đề Nguyên-tử, và Nguyên-tử-lực (hay Nguyên-tử-năng) không phải là dễ ; để làm sao được, vì nó là cả một bi-

sống trong mù-mịt nặng-nề, trong bóng tối đen-ngòm đầy hiểm-họa bao vây từ phía !

Vì thế, chúng tôi biết được chút nào về lý-thuyết nguyên-tử xin đứng trên phương-diện phổ-thông mà góp cùng các Bạn, và chúng tôi cố gắng viết rất giản-dị, rất « phổ-thông », để mong tất cả các Bạn đều cùng với chúng tôi theo-rõi dễ-dàng về vấn-đề NGUYÊN-TỬ.

TRƯỚC hết, xin nói ngay rằng, hai chữ **Nguyên-Tử**, của ta, cũng như chữ **ATOMES** của Pháp và của các nước khác, đều không phải là mới. Trái lại đã cũ lắm rồi. Cũ-xi cũ-xít từ đời Thượng-cổ kia lặn, Ban ạ. Nói cho gọn lại, thì từ các nhà Bác-học và Triết-học Hy-Lạp, **DÉMOCRITE**, **EPICURE**, **LUCRÈCE**, đã có quan-niệm về nguyên-tử rồi. Bàn về vũ-trụ, và các vật ở trên vũ-trụ, **DÉMOCRITE** đã cho rằng mỗi chất gồm có vô số nguyên-tử, những nguyên-tử vô cùng bé nhỏ kết-hợp lại thành chất, và trong mỗi chất sự kết-hợp nguyên-tử mỗi khác, và có sức mạnh khác nhau. Hệ-thống « máy-móc » ấy là nguyên-thủy của sự tạo-lập ra vũ-trụ, ra « trời, đất » và vạn-vật trên Thế-gian. Đến Thế-kỷ XVII (17) và XVIII (18), các nhà Triết-học và Bác-học Âu-Mỹ cũng đã chú-trong hưởng-ứng thuyết trên: như **Descartes**, **Gassendi**, **Newton**, **Leibniz**, **Voltaire**. Nhà Bác-học **Ampère** thì đem thuyết « Nguyên-tử » vào ngay trong các Khoa-học thực-hiện.

Chúng tôi đỡ một cuốn sách **Phật**, cũng thấy đã có nói chuyện « nguyên-tử » trong ấy. Xin chép ra, để chúng ta thấy rằng ngay **Phật-giáo** cũng đã nói đến nguyên-tử rồi.

Thành-Thật-Tông, luận về thế-giới-quan, khi cắt nghĩa thế-gian-môn nói :

« *Lấy cái giả ngã kia (1) mà phân tích nhỏ nhặt ra mãi, thì nếu bỏ cái ngũ-uân pháp thể ra ngoài, ắt không thể nhận được một vật gì cả. Lại lấy cái pháp-thể ấy mà lần lượt phân tích ra mãi nữa, thì đến chỗ giả tướng-thượng cũng không còn phân-tích chi được, tức là tới chỗ cuối cùng của vật - chất, nghĩa là tới nguyên-tử* »

Các bạn xem đó, thì định-nghĩa nguyên-tử của **Đạo Phật**, không khác định-nghĩa của các nhà bác-học Tây Phương.

Nhà Bác-học **Noir**, năm 1803, đã giảng như sau đây, cũng gần như sách **Phật** :

1o) Mỗi một đơn-chất (corps simple) gồm có nhiều thành phần bé nhỏ, gọi là nguyên-tử (atomes) giống hệt với nhau, không bị tiêu-diệt được, không bao giờ mất được sức nặng của nó, và các tính-chất của nó.

2o) Mỗi một hợp chất (corps composé) gồm các tế bào (molécules), do các nguyên-tử của các chất khác nhau hợp thành.

Nhưng có điều, sách **Phật** giảng về **Nguyên-Tử** theo triết-lý, thế-giới-quan của **Phật** cũng

(1) Giả ngã có thể cắt nghĩa như vậy :

« Chúng ta là hình thái của vũ-trụ. Lúc trụ thì ở, lúc diệt thì về với vũ-trụ, sanh diệt biến chuyển. Mà sanh diệt vô thường như thế thì nghĩ cho chí lý chúng ta có như không có, rõ là chúng ta không có thật ngã, nghĩa là vô-ngã, giả ngã, là cái « ngã » giả tạo vậy.

y như vũ trụ-quan của **Démocrite**. Còn **Dalton** thì giảng **Nguyên-tử** theo khoa-học.

Giờ đây, muốn thấy rõ hơn, chúng ta chỉ lấy một **hạt muối**, là tìm ra nguyên-tử được liền. Đây, thưa các Bạn, một **hạt muối**. Nó gần như vuông vức, bỏ vào lưỡi nếm, nó mặn.

Ta đập nhỏ nó ra, đưa vào kính hiển vi thì thấy rằng : một **hạt muối** đập nhỏ ra có trăm nghìn **hạt muối** khác, nhỏ-xiu, nhưng **hạt** nào cũng giống hệt như **hạt** nào, và cũng y như **hạt** muối lớn. Lấy một **hạt** thật nhỏ kia mà đập ra nữa, thì dòm vào kính hiển-vi ta vẫn thấy nó có trăm nghìn **hạt** muối nhỏ tí-xiu khác nữa nhưng cũng giống hệt như **hạt** muối lớn. Nghĩa là một **hạt** muối lớn gồm có hàng nghìn vạn **hạt** muối bé nhỏ tí-xiu : đến **hạt** muối bé nhỏ tí-xiu nào mà không thể phân chia ra được nữa, ấy là một **nguyên-tử** của **hạt** muối vậy, (un atome de sel).

Hạt đường cũng thế, nghĩa là phân tích ra hoài được cho tới khi không còn thấy **hạt** đường nữa. Rồi vật nào cũng như thế cả, như sắt, như lục-diệp-tố, (Chlorophylle), như than, như sinh-tổ B12 v.v...

Tóm tắt, mỗi vật là một khối do nhiều phần-tử phối hợp mà những phần-tử đó giống như nhau cả không tách ra được. Các phần-tử ấy

kêu là nguyên-tử (atome) nghĩ là không phân tích nữa được.

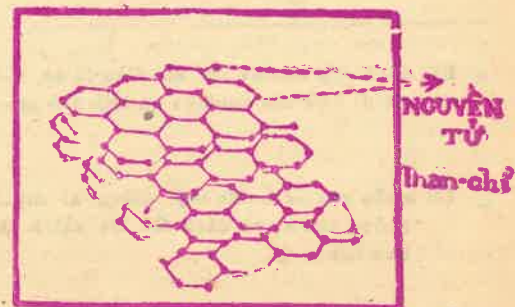
Nhập đề như trên để cho chúng ta đều hiểu dễ-dàng nguyên-tử theo lý-tri chung.

Giờ ta lại đi tới một quan-niệm tối-tân hơn và đầy đủ chi-tiết hơn. Trong vòng 150 năm nay, khoa-học tiến triển, mình có thể phân-tích cục muối theo lối hóa-học, nghĩa là tách hai chất trong muối ra, chất **Sodium** và chất **chlorure**.

Muối có hai chất ấy hợp thành, nên muối liệt vào hạng « **Hợp-Chất** » (vật có nhiều chất : corps composé), khác hẳn với vật ở vào hạng gọi là « đơn-chất » (chỉ có một chất : corps simple).

Hợp chất có thể phân-tích theo hóa-học được, còn vật đơn-chất thì vô phương. Người ta dành riêng danh-từ « nguyên-tử » (atome) để chỉ vào phần-tử nhỏ nhất của đơn-chất.

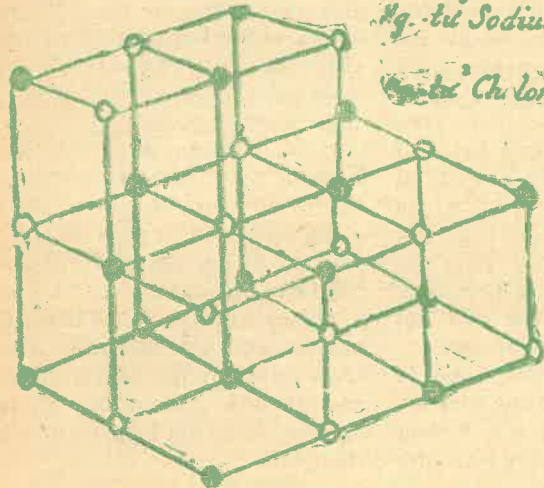
Than-chì (graphite, để làm viết chì) là một vật đơn-thể. Xem hình dưới đây thì rõ hình-thức các phần-tử nhỏ nhất (tức là nguyên-tử, đã kết hợp lại thành than-chì).



Những nguyên-tử hình trên đây đều như nhau tất cả vì toàn là nguyên-tử than. Lớp này nằm chồng lên lớp kia, mỗi lớp có nhiều học hình lục giác, cái này dính vô cái nọ, không khác tầng một đồng.

Giờ ta xem thử một hột muối coi ra sao?

Hột muối đựng hai chất nguyên tử đi đôi với hai chất Sodium và Chlore, hợp thành muối. Các nguyên-tử của hột muối sắp



thành một khối hình vuông, chắc, thứ nguyên-tử này nưu thứ nguyên-tử nọ chắc khư

Ấy vậy, mỗi vật đều do nhiều nguyên-tử kết thành, toàn là một thứ hay nhiều thứ; cái này chồng lên cái kia rất có ngăn nắp. Đây là nói về vật cứng. Khi mà vật cứng ấy thành nước, thì các nguyên-tử tách ra khỏi vị-trí cũ, nhưng không phải vì đó mà tan đi, nó vẫn tồn tại.

Và sau cùng, nếu chất nước sôi và thành hơi, thì nguyên-tử tản đi từ phía, choán một chỗ càng lúc càng lớn.

Dù sao, từ vật cứng qua nước rồi qua hơi, các nguyên tử vẫn còn hoài.

(kỳ sau tiếp)



★ Khi mình gặp một kẻ đối xử điều tệ ác với mình, hãy tha thứ cho nó đi! để cho mình và nó khỏi trở nên hai kẻ dữ.

Thánh Augustin

★ Tôi muốn yêu cách đặc biệt những ai mà dòng dõi, tôn giáo hay tư tưởng của họ xa cách tôi. Đó chính là người tôi cần tìm hiểu hơn hết.

(E. Leseur)

CHIẾC «XE MÁY»

CỦA TÔI

Kể niềm tâm-sự...

của

cô BẠCH-YẾN



MỘM nọ trời mưa, tôi ở Tòa-Báo về đến nhà, ướt hết. Thay đồ đặc và som nước xong, tôi liền lấy một nui giẻ lau chiếc xe máy của tôi bị nước mưa làm bẩn cả. Tôi ngồi chăm chỉ lau từng cái tấm xe, bỗng nghe chiếc xe thỏ thể bên tai:

— Chị chùi hộ cho sạch cái garde-boue của em chị nhé. Rồi chị lấy sơn kẻ lại cho nó một chút đi chị! Nói là hàng lông mày của em đấy chị ạ.

Tôi mỉm cười. Xe máy của tôi hôm nay cũng muốn làm dáng nữa cơ? Tôi vờ bảo nó:

— Chị định ít hôm nữa sẽ bán em để mua chiếc Vélo-solex.

Xe máy của tôi bỗng thỏ dài một tiếng náo nộ, rồi khẽ bảo như năn-nỉ tôi:

— Chị đừng bán em, chị ạ.

— Em chạy lâu lắm. Từ tòa báo về đây, chị đạp mỗi cả chân! Vélo-solex chạy mau hơn, mà chị khỏi phải đạp.

— Thế là chị cũng sắp phụ em rồi, phải không chị? Nghĩ chuyện đời mà chán quá nhỉ! Hồi nào chị mời mua em về, chị o bế em, chị tặng-tiu em, nay em đã cũ thì chị tính bán rẻ em cho bọn các chú ve chai!

— Không phải chị phụ em đâu, nhưng thời buổi nguyên-tử làm việc gì cũng phải mau lẹ, dùng đồ gì cũng mới, nên chị cần sắm một chiếc Vélo-solex hoặc là Vespa, Xi-cút-tơ, để đi làm việc cho mau lẹ mà đỡ mệt, chứ em!

— Chị nói phải. Em đâu dám trách chị, em chỉ buồn cho

duyên phận của em thôi. Em buồn cho dòng dõi xe máy của em ngày nay đã gần như lỗi thời rồi. Chị Yến ạ, nếu chị biết rõ lịch sử của dòng họ xe máy, thì chị cũng không nở khinh rẽ em đâu. Trước kia em cũng có thời kỳ oanh liệt vậy chớ.

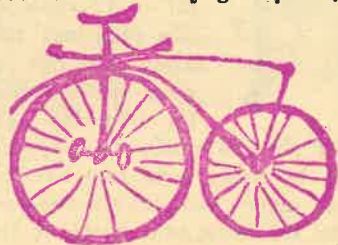


Xe máy bánh sắt kiểu Michaux năm 1842

— Lịch sử oanh liệt, của em thế nào, em kể chị nghe?

— Thưa chị, em sang nước Việt-Nam và em nhập tịch vào dân Việt mới 80 năm nay thôi, chớ thật ra, tổ tiên của em sinh trưởng ở đất Pháp cơ, chị ạ. Chiếc xe máy đầu tiên xuất hiện trên thế giới tức là thì tổ của giòng-dõi xe máy ngày nay, đã sinh ra từ hồi đầu thế kỷ MƯỜI BẢY lận, nói thật đúng là năm 1690. Ngày nay người ta gọi tên em theo tiếng Pháp là « *Bicyclette* » chớ hồi mới có ông Thi-tổ của em, do một chàng kỹ sư tên là Ozanam chế tạo ra, thì họ gọi chiếc xe máy đầu tiên ấy là *Célérier*. Ông Thi-tổ của em, làm bằng gỗ, chị ạ. Hai cái bánh cũng bằng gỗ. Cái tay cầm (Gui-

don) thì chạm đầu coa cóc hoặc con thằn-lằn; không bàn đạp, không có thắng. Ngồi lên yên phải thả hai chân xuống đất và hai chân phải thay phiên nhau mà đạp xuống đất để cho hai bánh gỗ lăn tròn mà tiến tới. Nhưng xe máy gỗ đầu tiên theo hồi đó thì đã được cho là chạy mau lắm rồi, và người nào sắm được nó cũng là sang trọng như ngày nay sắm xe hơi Huê-Kỳ vậy. Nhưng tại nó không có thắng cho nên chính người chế-tạo ra nó là ông Ozanam một hôm đạp xuống dốc một đường phố nó lăn nhào làm ông ta đâm đầu vào một vách tường, té chết tươi. Xe máy gỗ cũng nát hết. Thế là ai nấy đều ghê sợ xe *Célérier*, không dám đi nữa. Rồi bằng đi MỘT TRĂM NĂM chiếc xe máy gỗ bị chặt



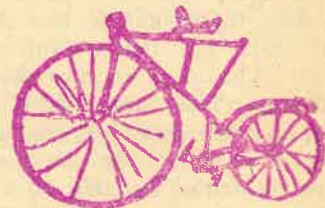
Bánh sắt 1855

làm củi chum. Có nhà Thi-sĩ vô danh đã làm bốn câu thơ chế nhạo nó, và đó cũng là bài điều văn đưa đám ma chiếc xe máy gỗ đầu tiên của Thế giới vậy. Mãi đến năm 1818 (nghĩa là cách 118 năm sau) có một ông Bá tước Pháp tên là DRAIS de SAUERBRON, mới lấy kiểu chiếc xe máy

gỗ mà sửa lại. Cũng bằng gỗ, cái yên thì chạm thành hình con nai, hoặc con ngựa, cái tay cầm chạm hình đầu người, hoặc đầu quỷ sứ có sừng và lần này có cái giầy kéo cục gỗ để thắng hai cái bánh gỗ; Thứ xe mới này có vẻ « văn minh » hơn một chút và chắc hơn, được gọi là DRAISIENNE (lấy tên người chế tạo). Nhưng xe máy kiểu Draissienne cũng chưa được thông dụng lắm vì cũng đã làm cho nhiều người té u đầu!! Cho đến năm 1842, nhà kỹ sư Pháp tên là MICHAUX mới chế ra bàn đạp (pédales), thay bánh gỗ bằng bánh sắt, và bánh trước lớn, bánh sau nhỏ, chạy nhẹ nhàng. Với kiểu xe máy mới này người ta đã chạy được lần đầu tiên chung quanh thành phố Paris với tốc độ mỗi giờ 15 CÂY SỐ! Bấy giờ xe máy được đổi tên là VÉLOCIFÈRE và được một số thanh niên ham mê, tặng cho cái tên là « HOÀNG HẬU NHỎ » (La petite Reine)! Lần này cũng có một nhà Thi-sĩ vô danh làm thơ tặng, nàng!

Đến năm 1880, MICHAUX chế ra bàn đạp ở bánh sau dùng làm bánh động cơ, thêm vào giầy sên để quay bánh trước, và từ đó xe đạp đổi bánh cao su và bánh sau lớn bằng bánh trước, và được đổi tên lần nữa là BICYCLETTE cho đến ngày nay. Xe máy phụ nữ mới chế tạo vào khoảng năm 1900. Tuy vậy, chị nên biết rằng, vào đầu thế kỷ HAI MƯƠI này, các bạn trẻ ham

mê đua xe máy, ở PHÁP cũng như ở BỈ, ĐỨC, ANH, Ý, vẫn còn bị một số đông người chặn đường để ném đá, vì họ đã kích « một mới » ấy. Họ cho rằng đi xe máy là nguy hiểm và dễ té chết! Nhiều gia đình con cháu con không cho đi xe máy. Chiếc xe máy đầu tiên được chở sang nước Việt-Nam này là hồi đầu năm 1900, do mấy người lính Pháp đem qua. Sau đó một năm ở Saigon đã mở tiệm bán xe máy. Xe máy bán chạy nhất lúc bấy giờ là do hãng SAINTE-ETIENNE ở gần Lyon chế tạo,



Bánh sắt 1880

và thịnh hành nhất là hiệu « con chim én » (Hirondelle). Ngày nay, từ sau trận đại chiến, các loại xe mới tự động thay thế cho xe máy, vừa nhẹ nhàng hơn, mau lẹ hơn, vừa khỏi phải đạp, nên tụi em bị coi là đồ xe lỗi thời, dần dần đã bị họ cho ra rìa... Có nhiều người lại khinh miệt tụi em, đặt tên cho tụi em là « con ngựa sắt »! Như anh Ba Tèo anh Ấy gọi tụi em là « con ngựa sắt cà-rì »! Thế có tàn-nhấn không! Ngay như chị, chị đi học từ hồi nào đến giờ, ngày hai buổi chị ngồi lên lưng



Bánh cao-su 1900

em, em chờ chị đi đến trường, nay chị đã đi làm việc ở Tòa Báo, là chị muốn hắt-hủi em rồi!

— Chị đâu có hắt hủi em! Nhưng chính em vừa kể cho chị nghe lịch sử tiến hóa của em trong ba Thế kỷ. Bắt đầu từ năm 1690, hai cái bánh gỗ, không thẳng không bòn đập, đến 1842 đổi thành bánh sắt, 1880 có bòn đập, có giầy chaine hần hời, 1900 thành bánh cao su, cho đến ngày nay có diện mạo xinh đẹp duyên dáng như em, thì lịch sử cứ tiến bộ mãi. Đời nay là thời buổi vệ tinh nhân tạo, người ta còn tính đến

chuyện dùng hỏa tiễn để bay lên chơi trên non nước của chị Hằng Nga, thì em nghĩ coi, chiếc xe máy như em làm sao theo kịp được? Núi vậy chờ chị không bỏ em đâu. Thế kỷ 19, người ta đã tôn em là «Hoàng-hậu nhỏ». — La petite Reine. — Như thế là em đã có thời oanh liệt của em rồi, ngày nay tuy em không còn làm hoàng hậu nữa nhưng em sẽ mãi mãi là người bạn thân của anh chị em lao động, là bạn đồng hành của đa số công tư chức, là bạn tri-kỹ của Nam Nữ Học Sinh. Em không đến đời vô ích như các vị Hoàng-Hậu bị truất ngôi, và bị bỏ phế trong xó ga-ra của Lịch-sử, không còn ai muốn đoái nhìn.

Giờ này, chị còn ngồi lau chùi cho em được sạch sẽ, chứng tỏ rằng chị với em vẫn còn duyên tri ngộ....

★ BỐ ƠI, CON VỊT HAI CHÂN!

Một chàng ngốc đi hỏi vợ, ở nhà mồm năm miệng mười mà khi đến nhà vợ thì mặt cứ đuddin dài ra, ngượng nghịu chẳng còn biết ăn, biết nói ra câu cú gì nữa cả. Sau cùng thấy ngồi im mãi trơ trên quá, anh ta đưa mắt nhìn vợ vờn xem có gì lạ thì nói chuyện cho đỡ ngượng. Chợt nhìn ra góc sân thấy có con vịt đang ngủ đứng có một chân thôi, chàng ngốc lấy làm lạ lắm, liền gọi bố vợ mà chỉ:

— Thưa Bố, kia con vịt, nó...

Ông Bố vợ tương lai, quay lại hỏi:

— Vịt nó làm sao, con?...

Khi đó con vịt nghe anh la to quá, giật mình thò ra thêm một chân nữa, chàng ngốc nhìn thấy, bẽn lẽn trả lời:

— Thưa Bố, vịt nó... có hai chân ạ...!



PHỤ - NỮ

THỂ-DỤC

Cố TUYẾT - ANH



Ý rồi tôi đã nói qua phần tập thở thứ nhất, lần này chúng ta xem đến phần thứ hai.

Bài này, kèm theo những động tác, có mục đích làm mạnh thêm các bắp thịt của bộ hô hấp và tăng lên mau chóng thể tích buồng phổi. Đáng khác, bài này còn tập cho ta biết cánh thở nhịp nhàng theo cử động để sau này đến các động tác khó khăn, ta sẽ giữ được nhịp thở đều hòa. Các động tác trong bài này phải được tập chậm rãi, đúng và theo nhịp thở (lỗi 12 giây mỗi cử động). Thí dụ ở động tác 1, ta bắt đầu hít vô khí 2 tay khởi sự cấn ra và thì hít vô chầm dứt khi 2 tay đã cấn ra xong: thì thở ra bắt đầu khi 2 tay khởi sự khép vô và chầm dứt lúc 2 tay về tới chỗ cũ. Mỗi động tác được tập từ 2 đến 10 lần tùy theo thì giờ rỗi và sự

cần thiết của các bạn. Khi nào ta cảm thấy choáng váng thì nên nghỉ ngay và sẽ tiếp tục ngày hôm sau.

Nói tóm lại, theo nguyên tắc, ta hít vô khi 2 tay chân đưa ra khỏi thân và thở ra khi tay chân xếp vào thân, nghĩa là khi ta ép lồng ngực lại.



Hình 1. — Hít vô: Cấn 2 tay ra ngang vai.

Thở ra: Đem tay về chỗ cũ.



Hình 2.— Thở ra : đưa 2 tay song song lên khỏi đầu.

Hít vô : Hai tay trở về chỗ cũ.

Hình 3.— Đứng, hai tay đưa thẳng và song song lên khỏi đầu, chân đang ra.

Thở ra : xoay mình và khom xuống chõ 2 bàn tay dựng bàn chân trái.

Hít vô : Trở về chỗ cũ và tiếp tục đưa 2 tay sang chân mặt.



Hình 4.— Thở ra : đưa hai tay song song tới trước và ngang vai.

Hít vô : 2 tay trở về chỗ cũ. Ưỡng ngực tới trước, 2 cùi chỏ đưa ra sau.

Hình 5.— Hai tay thả xuôi theo mình.

Hít vô : 2 tay đưa song song tới trước và đưa luôn lên khỏi đầu.

Thở ra : Đem 2 tay về chỗ cũ.



Hình 6.— Hai chân vum lại, 2 tay đưa lên khỏi đầu.

Thở ra : 2 bàn tay dựng đầu bàn chân.

Hít vô : Đứng lên, đem 2 tay về chỗ cũ.

Hai chân lúc nào cũng phải giữ được thẳng.



Hình 7.— Hai tay xếp xuôi theo mình.

Hít vô : Đưa 2 tay lên khỏi đầu (đưa ra phía hông).

Thở ra : xếp xuôi 2 tay về chỗ cũ (cũng đưa về phía hông).



Hình 8.— Mình hơi nghiêng về phía trước.

Hít vô : Đưa hai tay thẳng ra sau, càng cao càng tốt, thân vẫn giữ yên.

Thở ra : Đưa 2 tay về chỗ cũ.



Hình 9.— Hai bàn tay để sau ới.

Hít vô : Dang 2 cùi chỏ ra, ngược mặt lên.

Thở ra : Khép 2 cùi chỏ lại.



BÁNH ÍT MÍT

Những vật liệu :

Bột bắc	4 lượng
Mít	6 lượng
Đường cát trắng	8 lượng
Đậu xanh cà	3 lượng
Hành lá	3 tép
Bột thơm	1 gói
Lá chuối	7 tàu

Cách làm :

Bột bắc, mẩy tiệm hàng xén đều có bán : 4 lượng để vô thau, (mít lột sạch hạt và xơ, cân đủ 6 lượng để vô xúng hấp cho chín; đem ra để nguội, quết, rồi lấy rổ kẽm chà cho kỹ, lấy đem để vô thau bột nói trên, trộn cho thật đều, 8 lượng đường lượng 1 chén cơm nước lã, bắt lên bếp thảng cho tan đường, nhắc xuống để bay hơi, đừng nguội lắm, đổ bột thơm chế vô nhồi cho đều, nếu có khô thì thêm nước sôi vô cho vừa để đó, chờ xào nhưng xong sẽ gói.

MÓN ĂN PHỔ THÔNG

Bà THƯỜNG-LẠC

Hột mít đem nấu cho chín, đậu xanh ngâm nước sôi, tróc vỏ đem đãi sạch, bắt nước nấu cho chín đậu, liệu vừa chắt nước cà, than, như hồng cơm, chừng 10 phút là được. Hột mít gọt sạch vỏ đen, đem để vô cối quết (khi lột mít thì lấy hột ra mà làm) chung với đậu xanh cho đều, cho nhuyễn; thêm vô chừng 3 muỗng nước sôi, để nửa muỗng café muối thì nhưng vừa không khô: Xắc 3 củ hành lá, (lấy củ mà thôi đừng xắc lá) bắt chảo lên bếp đổ 3 muỗng ăn canh mỡ, để củ hành vào cho thơm, đừng để lửa nhiều, sợ cháy hành, xào nhưng cho đều, nhắc xuống, banh ra cho bay hơi, rồi vô viên nhưng, trang trái mít-u.

Lá chuối rọc ra lau sạch, xếp sắp lại để gói; bắt bột cho vừa để nhưng vô gói, để viên bánh lăn vô chén mỡ, rồi sẽ gói kéo dính lá.

Bắt nước lên bếp, bánh gói sắp vào xúng chừng nước sôi sẽ để bánh vô hấp sôi vài dạo phải xả hơi, chừng 4, 5 dạo là chín, khi lấy ra, sắp vào đĩa phải rảy nước mỡ hôi cho ráo bánh.



Minh ơi!

CỔ ĐIỀU-HUYỀN

À Tú ngắm đến bốn câu thơ trong bài « Trung-Thu năm Mậu-Tuất » của một cụ Thi-sĩ ở Huế:

Muốn theo Bút-nit lên cung Quế,
Cây có Lai Ca dẫn lối đường.
Nhưng mới nghe đầu tàu chết máy,
Nên đành hoãn lại cuộc chơi trăng!...



BÀ Tú liền tím-tím cười, ngó chông:

— Minh ơi, nhà Thơ xúng vụn như thế đó, chả trách chiếc Sputnik đã rớt là phải!

— Không phải đâu, tại con Lai-Ca chết không còn ai dẫn đường, nên vào thơ lên Trăng của Thi-sĩ núi Ngự mới rớt thảm hại như thế đấy!

Ông Tú và Bà Tú đang cười khúc-khích với nhau, bỗng-dưng Bà Tú sực nghĩ đến một câu chuyện gì thắc-mắc về khoa-học hiện-đại, ngồi nhìn trời một lát, rồi quây lại hỏi ông Tú:

— Minh ơi, lâu nay đọc nhật-trình cứ nghe nói Mỹ với Nga đua nhau phóng Vệ-tinh nhân-tạo lên trên trời, mà không bao

giờ tại mình trông thấy một chiếc coi thử ra sao he ?

— Trông thế nào được! Lớn nhất là cái Spoutnik III đường kính ở phía dưới của nó là 1 thước 727 mà nó bay xa cách Trái-Đất cao nhất là 1879 ki-lô-mét, thấp nhất cũng 241 ki-lô-mét, thì mắt thường của người ta làm sao thấy được! Ở Âu-Châu thỉnh-thoảng người ta thấy cái đuôi của nó thôi.

— Ờ, mà chiếc Spoutnik nào đã rớt xuống rồi còn chiếc Spoutnik nào vẫn quay trên đó, hả Minh ?

— Nga đã phóng lên hết thấy là 3 chiếc Vệ-tinh nhân tạo:

Ngày 4-10-1957, phóng chiếc Spoutnik I

Ngày 3 - 11 - 1957, chiếc Spoutnik II

Ngày 15 - 5 - 1958, chiếc Spoutnik III

Có thể nói rằng Spoutnik I là Vệ-tinh nhân-tạo đầu tiên, và ngày 4-10-1957 là ngày đầu tiên trong lịch-sử loài người, Nga-Sô đã phóng lên chiếc Vệ-tinh nhân-tạo ấy, làm xôn-xao dư-luận Thế-giới, nhất là dư-luận Mỹ. Spoutnik I cân nặng 83 kilô 461, đựng một ít khí-cụ khoa-học, nhưng chỉ xoay quanh Trái-đất được 2 tháng rồi rớt.

— Tại sao nó rớt, hả Minh ?

— Tại vì máy-móc chưa được tinh-vi. Chiếc Spoutnik I làm hơi vọt-vàng, cốt để làm lợi-khi

tuyên-truyền nhiều hơn là có công-dụng thực-sự về khoa-học. Rồi một tháng sau, ngày 3-11-1957. Nga lại phóng lên chiếc Spoutnik II. Chiếc này càng làm cho dư-luận Thế-giới sôi nổi hơn nữa, vì nó cân nặng đến 508 kilô 023, và có chứa đựng một con chó cái, tức là con Laika, mà nhà Thi-sĩ lão thành ở Huế làm thơ trào-phúng ca-ngợi đó. Nó là con vật đầu tiên được du-lịch lên tầng không khí cao đến 1700 ki-lô-mét, vòng quanh Trái đất. Nhưng chỉ được 6 tháng rồi Spoutnik II cũng đành chịu số phận như Spoutnik I, nghĩa là phải rớt!

— Nó rớt ở đâu, hả Minh ?

— Nói nó rớt, không phải như một trái sung thúi ở trên cành rụng xuống đất đâu. Chắc mình còn nhớ rằng đường kính của quả đất (diamètre) là 12.756 ki-lô-mét, đường chu-vi của nó (circonférence) là 40.009 ki-lô-mét, mà Spoutnik II bay theo đường ~~đường~~ đạo của nó (orbite) chung quanh Trái-đất với tốc-độ là 96 phút và cao-độ tối đa là 1.700 ki-lô-mét, thì tinh theo sức dẻo-dai của nó chỉ có thể được 6 tháng mà thôi, rồi tự-nhiên nó bị tiêu tan (se désintégrer) khi ra khỏi đường xích-đạo của nó mà trở xuống lớp không-khí của Địa cầu, tan-tành trong gió bụi.

— Còn người Mỹ? Sao em nghe nói người Mỹ cũng có phóng Vệ-tinh nhân tạo nữa mà ?

— Đề yên anh nói chuyện cho hết các vệ tinh nhân-tạo của Nga đã chớ! Mình phải nghe cho có đầu có đuôi thì mới hiểu được hết chớ! Nga còn phóng lên chiếc vệ-tinh thứ ba, tức là Spoutnik III, ngày 15 tháng 5 năm 1958. Chiếc này nặng 1.323 ki-lô, hình cái nón mà bề kính ở dưới là 1 mét 727, chứa đựng các khí-cụ khoa-học nghiên-cứu về nhiệt-độ của Mặt-Trời. Theo các nhà Bác-học Nga đã dự-tính, thì Spoutnik III cũng chỉ chịu đựng được 6 tháng thôi. Nghĩa là trong vòng tháng 11-1958 này nó cũng sẽ trở về với gió bụi và tiêu-tan trong gió bụi.

Nói tóm lại, Nga đã phóng lên 3 vệ-tinh nhân-tạo, mà hai cái là Spoutnik I và Spoutnik II đã rớt xuống rồi. Hiện chỉ còn Spoutnik III đang bay vù-vù, tiếng kêu Bíp-Bíp... chung quanh Trái-Đất, với tốc-độ 103 phút hết vòng quỹ-đạo, và cao-độ tối cao là 1879 ki-lô-mét và tối hạ là 241 ki-lô-mét. Mình có biết từ Trái-Đất lên đến mặt trăng xa bao nhiêu không ?

— Em nhớ mang-mãng như là 380.000 ki-lô-mét, đúng không ?

— Gần đúng đấy. Vào khoảng tháng 8, tháng 9, Mặt Trăng hơi gần quả đất hơn, thì chỗ gần nhất là 382.000 ki-lô-mét

Bây giờ mình tính coi: từ Trái-Đất lên Mặt Trăng xa đến 382.000 ki-lô-mét mà Vệ-tinh

nhân-tạo Spoutnik mới lên cao được 1879 ki-lô-mét, thật chưa thấm vào đâu hết trơn thấy không? Khác nào anh định chở mình đi xe máy lên Dalat chơi mà mới đến làng Ông Bà-chiều xe đã nổ lốp rồi!

Bà Tú tùm-tùm cười, âu-yếm ngó chồng, và hỏi tiếp:

— Còn Vệ-tinh nhân-tạo của Mỹ thì sao, hả mình ?

— Của Mỹ hả? Coi bộ mình sốt ruột muốn biết Vệ-tinh của Mỹ lắm nhỉ! Nhưng mình nên biết rằng người Mỹ còn sốt ruột hơn mình nữa đó! Nhất là hồi đầu tháng 10 năm ngoái, khi Nga - sô tuyên - bố vừa phóng lên chiếc Spoutnik đầu tiên thì người sốt ruột nhất trên Thế-giới này là ông Eisenhower, Tổng-thống Hoa-kỳ. Các báo Mỹ và dân-chúng Mỹ xôn-xao lên, đòi Tổng - thống phải trả lời cho dân - chúng biết vậy chớ Vệ-tinh của Mỹ ở đâu? Các báo ở các nước Đồng-minh của Mỹ đua nhau khôi-hài, ngạo Mỹ đã đời!

Lúc bấy giờ, Mỹ thiệt là mắc-cở với Thế-giới. Duy có ông Von Braun, là nhà Bác-học cha đẻ của các vệ-tinh nhân-tạo Mỹ, thì điềm nhiên chặm rãi nói: «Trong ba tháng nữa Mỹ sẽ có Vệ - tinh, và sẽ có nhiều hơn Nga và tinh-xảo hơn Nga.»

Người ta chờ-đợi. Cả Thế-giới chờ-đợi. Nga cũng chờ-đợi. Rồi cuối tháng 1-1958, trong lúc chiếc

Spoutnik II của Nga đang bay trên thượng tầng không - khí với tiếng kêu *bíp bip...* ngày đêm và trong đó con chó-cái Laika đang thờ òi-òp, sủa không ra tiếng, thì Mỹ cho bay vút lên chiếc Explorer I để ngạo-nghe đương đầu với Spoutnik...

Ngày 31-1-1958, Mỹ phóng chiếc Explorer I

Ngày 17-3-1958, chiếc Vanguard I

Ngày 26-3-1958, chiếc Explorer III

Ngày 26-7-1958, chiếc Explorer IV

Thế là trong vòng 7 tháng, Mỹ đã cho thượng lộ đặng-vân 4 vệ - tinh. Mỹ đã cứu được danh-dự và uy - tín của một cường-quốc Nguyên-tử.

— Hiện giờ, còn nguyên 4 cái đó ở trên không, hả Minh?

— Rớt một, còn 3. Explorer I, nặng 13 kilô 833, chiều dài 2 mét, 03, bề kính chỉ có 0,14, đựng các khí-cụ khoa-học. Tốc-lực của nó là 115 phút hết vòng quỹ-đạo, cao độ tối-cao là 2574 ki-lô-mét. Chiếc này còn lâu được từ 2 đến 5 năm. Chiếc Vanguard I, nặng 2 ki-lô 068, hình tròn, bề kính 0,16, đựng các khí-cụ đo nhiệt-độ mặt-trời và các máy truyền-thanh. Đường quỹ-đạo của nó chung quanh Trái đất rộng hơn của các vệ-tinh kia vì cao-độ tối-cao là 4042 ki-lô-mét, tổ-hạ cũng

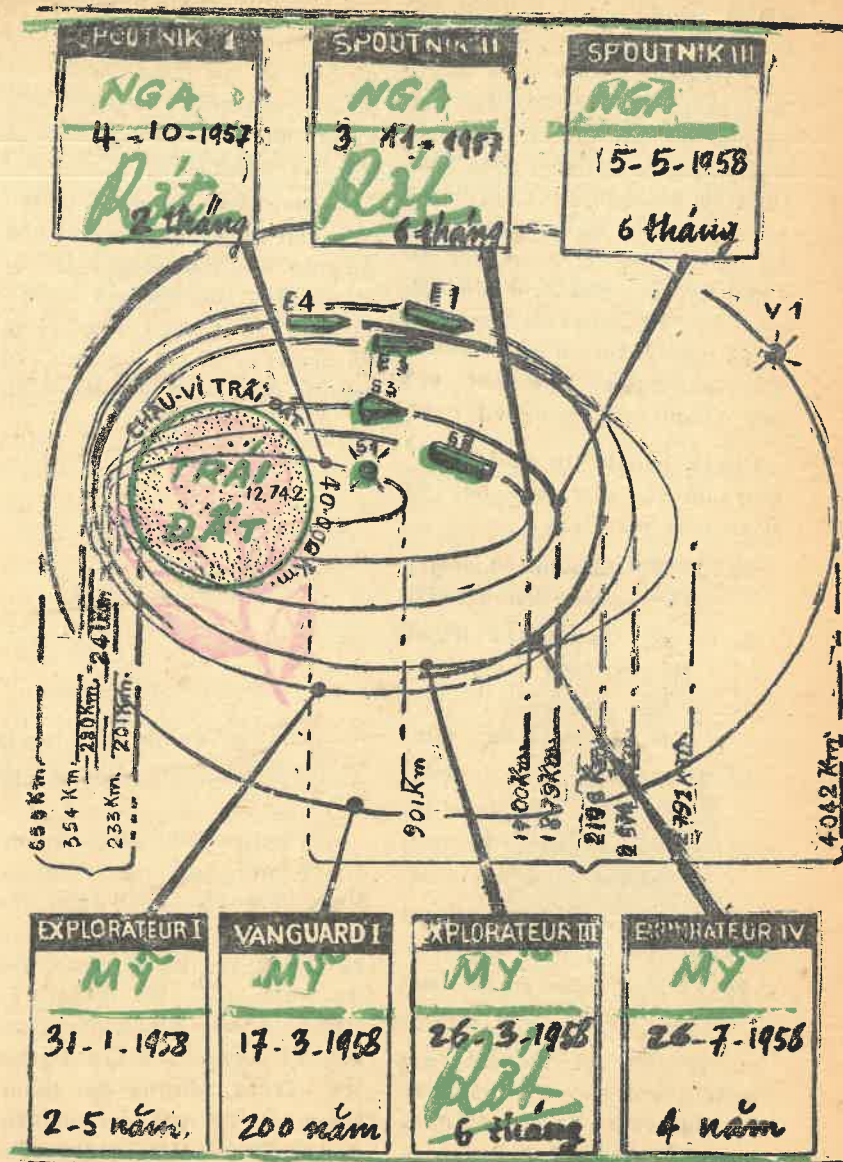
đến 655km. Nó chạy vòng đường quỹ-đạo trong 135 phút, và nó còn lâu đến 200 năm, (nghĩa là hai trăm năm nữa nó mới rớt xuống và tiêu-tan trong không-khí). Kề ra, cái chú này bé-nhỏ hơn cả, và nhẹ hơn cả, mà sống lâu hết thấy mấy chú kia. So với Spoutnik I là cái nhẹ nhất và bé nhất của Nga, thì Vanguard I chỉ bằng một nửa thôi, Minh thấy không? Ấy mà chú bé lại thọ đến 200 tuổi già. Nghĩa là tuổi của anh với tuổi của Minh chừng chết cong lại cũng chưa chắc bằng tuổi nó! Họa may nếu tụi mình khéo tu, chừng chết được lên Thiên-đàng thì có lẽ gặp cu-cậu ở dọc đường chăng!

— Thôi đi, em không ham lên Thiên-Đàng đâu. Còn mình?

— Anh cũng thế. Chắc-chắn là tụi mình sẽ được xuống Địa-ngục chơi một phen, khỏi cần phải Vệ - tinh như - tạo, hả Minh?

— Minh có đi trước thì xuống dưới Minh ngồi trên bờ Suối-Vàng thôi sáo chờ em, nghen? Bây giờ mình, nói nết chuyện vệ-tinh nhân tạo cho em nghe.

— Còn chiếc Explorer III thì nặng 14 kilô 061 dài 2m03, đường kính 0,15, bay hết vòng quỹ-đạo là 115 phút 7 giây, và cao-độ tối-cao là 2791 ki-lô-mét. Xừ này chỉ sống được 6 tháng và đã rớt hồi tháng 9-1958 vừa rồi. Cái thứ tư là Explorer IV, nặng 18 ki-lô 455 dài 2m03, đường kính



0 m 14, cao độ của nó là 2193 ki-lô-mét, và bay hết vòng quỹ-đạo à 110 phút. Xứ-lũy sống được 4 năm, qua năm 1962 sẽ tan xác ra ma. Đó, anh đã kể hết cho Minh nghe cả tư-pháp lý-lịch và thể kiểm tra của 7 chú Cuội nhơn-tạo, 3 chú của Nga, 4 chú của Mỹ mà đã chết hết 2 chú Nga và 1 chú Mỹ, hiện còn lại 1 chú Nga và 3 chú Mỹ đang thi đua bay vòng quanh tụi mình! Muốn cho rõ hơn, Minh chịu khó coi bức đồ anh vẽ đây, ngheu...

Hay là, theo thứ-tự ngày tháng anh tóm tắt như sau đây để Minh thấy mau hơn:

- 4-10-57, Spoutnik I (Nga)
Đã rớt trong tháng 12-57.
- 3-11-57, Spoutnik II (Nga)
Đã rớt trong tháng 5-58.
- 31-1-58, Explorer I (Mỹ)
Còn bay 5 năm nữa.
- 17-3-58, Vanguard I (Mỹ)
Còn 200 năm nữa.
- 26-3-58, Explorer III (Mỹ)
Đã rớt hồi tháng 9-58.
- 15-5-58, Spoutnik III (Nga)
Hạn tuổi 6 tháng, đang còn.
- 26-7-58, Explorer IV (Mỹ)
Còn 4 năm.

— Nói tóm lại, hiện bây giờ chung quanh Quả Đất có 1 Vệ tinh Nga và 3 Vệ tinh Mỹ đang bay, phải không?

— Dạ thưa Bà, phải ạ.

— Nhưng em không hiểu chúng nó bay để chi vậy? Người ta phóng Spoutnik và Explorer lên cao tit-mù-tit là có mục đích gì thế, hả Minh?

— Minh hỏi tức cười chưa! Vậy chớ sao Minh đang ở yên ổn trên Trái Đất này mà dạo họ Minh cũng thơ-thần rủ người ta lên ở trên Cung Trăng? Minh rủ người ta đi thì bây giờ có người dọn đường cho Minh đi đó!



— Thế ra Vệ-tinh nhơn-tạo là để dọn đường lên Cung Trăng sao?

— Vâng ạ. Thân Minh mảnh-khảnh như một con chim én, Minh làm sao bay thẩu lên Cung Trăng? Các nhà Bác-học có chế ra Vệ-tinh để đưa Minh lên cũng mới lên được trên 4000 ki-lô-mét, như chiếc Vanguard I là cùng. Từ Trái Đất lên Mặt-Trăng, đường dài thăm-thẳm đến 380.000 ki-lô-mét thì dù Tề-Thiên Đại-Thánh cũng

khó lòng mà bay lên thẩu đến cung-điện cô Hằng-Nga. Vì lẽ đó, khi nhà Bác-học Wernher Von Braun, người đã chế-tạo ra Vệ-tinh Explorer và Vanguard, định phóng một hỏa-tiến



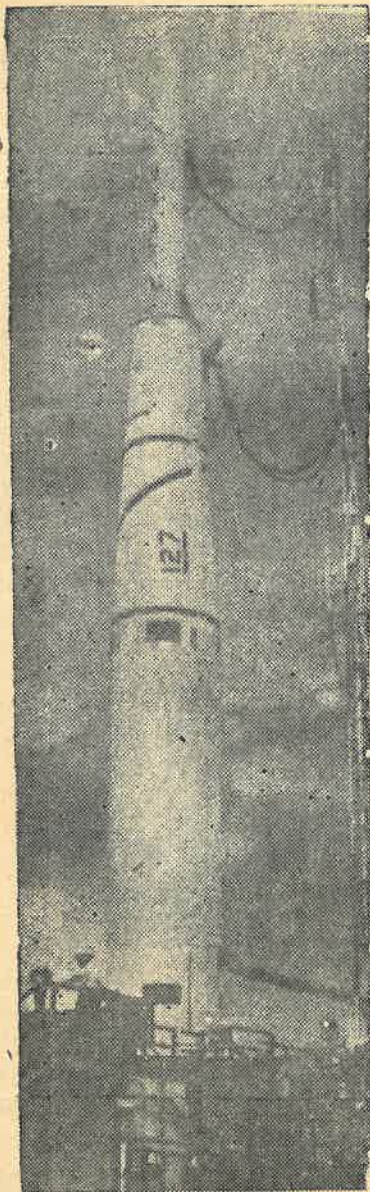
lên Cung-Trăng, thì ông đã phải bắt đầu tính đến chuyện cho lên trước một mặt-trăng nhơn-tạo đón sẵn ở dọc đường, để làm cái trạm. Ông gọi nó bằng tiếng Anh là «Baby Space Station» (Nhà ga tý-hon trên không-gian). Sau này khi nào Minh xách vali lên cung-trăng, như định Minh sẽ ghé vào nhà ga ấy trước. Cái Vanguard I đã thực-hiện được rồi và hiện đang bay trên cao 4042 ki-lô-mét, mà Von Braun xây-dựng cho lâu bền được đến 200 năm, chính là nhà ga tý-hon đó vậy! It's the Baby Space Station. Hôm tháng rồi, không-quân Mỹ có phóng thử một Hỏa-tiến lên thẳng đến Mặt-Trăng, tốc độ đến 10.000 ki-lô-mét một giờ, tức là chỉ trong vòng 2 ngày sẽ đến cách Mặt Trăng chừng 30.000 ki-lô-mét, rồi bay ba vòng chung quanh Mặt Trăng vừa thu hẹp vòng bay để gần sát vào Trăng, nhưng cuộc thí-nghiệm

không thành và 1 phút sau khi Hỏa-tiến Mona từ-giã Trái Đất lên trên không-gian được 16 ki-lô-mét thì nó nổ tung ra khói. Sự thực, thì Hỏa-tiến Mona có mục-đích chính là đo từ-trường (Magnetic field), nghĩa là đo sức hút của từ-lực (magnetic power) ở chung quanh Mặt-Trăng rộng đến giới-hạn nào. Ngày nào người ta giải-quyết được vấn-đề từ lực của Mặt-Trăng như anh vừa mới nói thì sự tới lui Cung-điện Hằng-Nga sẽ không còn khó-khăn nữa. Đây là bước đường khoa-học đang tiến-tới với nhiều tiến-bộ rất vững chắc và đầy hứa-hẹn. . . Hứa-hẹn với những ai mơ-ước lên ngôi góc Đa với chú Cuội, như Minh chẳng hạn.



— Em vẫn chưa hiểu: chưa có Hỏa-tiến lên Trăng được mà đã làm trạm Vanguard I để chi? Ai đợi chưa đáp đường rầy xe-lửa, chưa có xe-lửa, mà đã dựng nhà ga ngay giữa trời?

— Vanguard I, Explorer cũng



như **Sputnik**, là những Mặt-Trăng nhân-tạo tỷ-xiu, nhưng hiện giờ nó có một công-tác quan-trọng cần-thiết vô-cùng. Nó có chứa đựng nhiều máy-móc để đo sức hút từ-lực của Trái Đất và của Mặt-Trăng, nhiệt-độ các tia nóng của Mặt-Trời, của các Vũ-trụ-tuyến, mùa này qua mùa nọ, năm này qua năm kia, rồi truyền thanh bằng điện-lực xuống Trái Đất những tài-liệu huyền-vĩ về Vũ-trụ cho các nhà Bác-học nghiên-cứu kỹ-càng. Nó vừa là những nhà ga, vừa là những đài thám-thính Vũ-trụ đặt giữa không-gian, cách mặt đất từ 1879 đến 4042 cây-số. Nó là những Đài phát-thanh Iru-động, bay vòng quanh Trái-Đất, rải-rác, riêng biệt nhau, không chạm vào nhau, với tốc-độ từ 103 phút đến 135 phút, nghĩa là từ 1 giờ 43 phút đến 2 giờ 15 phút, và bay hoài bay mãi, lặng-lẽ âm-thầm trong vô-lượng vô-biên. Mặc dầu nó nhỏ-xiu hơn một hạt cát, một hạt bụi rơi vào giữa muôn ức triệu-triệu các vì tinh-tú, nhưng nó cũng là

Hỏa-Tiến MONA sắp bay thẳng lên Trăng. Đài 30 m. nặng 52 tấn, gồm có 4 hỏa-tiến chấp-liên với nhau: THOR, VANGUARD, ALLEGHANY và vệ-tinh GI-ROLLE, để chụp hình mặt Trăng. Sức mạnh 145.000 mã-lực, tốc lực 39.600 km một giờ. Hỏa-tiến phóng lên hồi 13 g. 18, thì 13 g. 19' 17" bị nổ, tại Cù-lao

← Hạ-uy-Di.

biểu-hiệu cho sức thông-minh khoa-học của loài người bé nhỏ. Nó cũng có thể vinh-dự là đại-diện cho con Người đối với Thượng-đế chí-cao của muôn vật, muôn loài giữa Vũ-trụ bao-la. Đó là những công-dụng của Vệ-tinh nhân-tạo mơ-ước từ lâu, mà năm 1957 loài người đã thực-hiện được rồi. Đọc các báo sách Âu-Mỹ, và theo dõi các cuộc thí nghiệm Hỏa-tiến từ sau chiến tranh đến nay, anh tin tưởng rằng trong một ngày không xa lắm, mình ạ, loài người có thể tạo ra đầy đủ các điều-kiện để lên Mặt Trăng, và nhất là lên Kim-Tinh (Vénus) mà ta gọi là Sao-Hôm, hay Sao-Mai. Vì Sao Mai có rất nhiều trạng-thái giống như quả Đất ta đang ở.

— Em ao-ước còn sống đến ngày đó, để tụi mình dắt nhau lên trên ấy ở, cho yên-tĩnh...

Ông Tú cười :

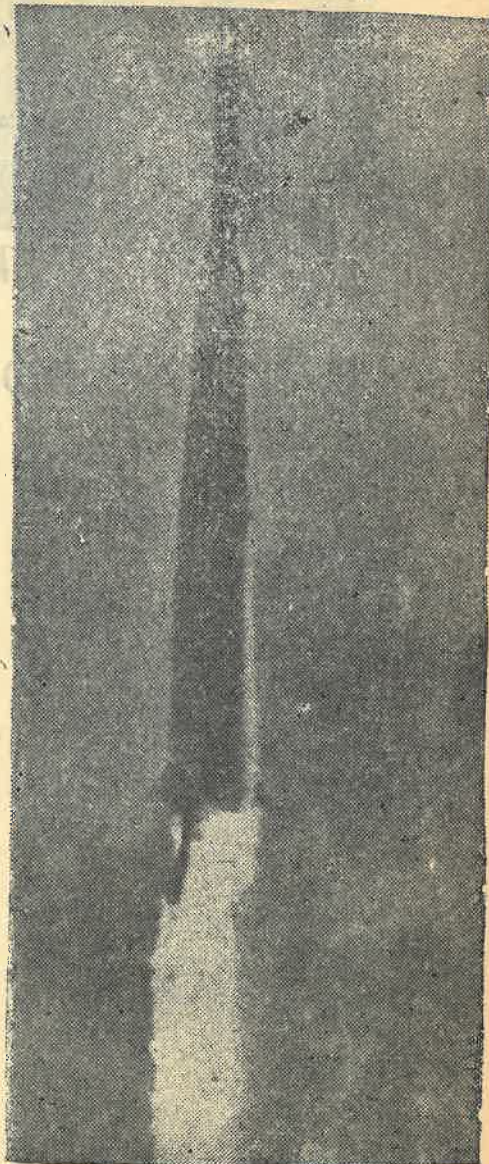
— Mời hồi nãy mình thích xuống Âm-phủ, rồi bây giờ mình lại thích lên nằm trên Sao Hôm ! Rõ thật là lang-bang !

— Cục chẳng đã, không thăng-thiên được thì mới hạ thổ chờ bộ ! ..

DIỆU-HUYỀN,

(Trích trong *Quyền Tộc-ký* của Y.)

Hỏa-tiến lúc vừa phóng lên. →





LUẬT LAO-ĐỘNG VIỆT-NAM

HUYỀN KHẮC DỤNG

(Tiếp theo P. T. số 1)

VỀ CÁC TAI-NẠN LAO-ĐỘNG



ẤC lịnh ngày 9 tháng 9 năm 1934.— Sắc lịnh này quy định tai nạn lao-động xảy ra cho công-nhân người Pháp, dân

Pháp, và được đồng hóa với người Pháp tai nạn xảy ra trong các xí-nghiệp nông lâm đồn điền ấn-định tỷ lệ niêm kín khi tai nạn gây ra một bất-năng-lực vĩnh-viễn, một phần, toàn phần, hay lâm-thời, buộc chủ xí nghiệp phải khai báo tai nạn trong một thời hạn nhất định, chỉ cách thức nhà chức trách mở cuộc điều tra và, nếu sự bất-năng lực vĩnh viễn hoặc có chết người thì tư tòa hộ, để xử trả các khoản phụ cấp cho nạn nhân hay thân quyến hữu-cách.

Tòa Tập Tụng chỉ thụ-lý những đơn xin tiền thuốc men, và phụ cấp

mỗi ngày cho công nhân lâm nạn. Trong xứ lại đặt ra một quỹ gọi là «Quỹ đặc biệt đảm bảo niên kim cho nạn nhân lao-động», do một ủy ban trông nom, phòng khi chủ nhân hay hãng bảo hiểm không trả niên kim cho nạn-nhân hay người thừa kế của nạn nhân. Viên Tổng Thanh tra lao động xuất phát tiền nong của Quỹ. Quỹ này gồm có các sắc thuế do Sở Trước Bạ thầu của các người khai thác có bảo hiểm cũng như của những người khai thác không bảo hiểm.

Nghị-định ngày 31 tháng 1 năm 1944.— Trừ-trừ mãi cho đến mười năm sau, nhà cầm quyền Đông dương mới quy-chế tai nạn lao-động cho người Việt Nam. Nghị-định ngày 31 tháng giêng năm 1944, phỏng theo Sắc lịnh ngày 9 tháng 9 năm 1934, đặt ra nhiều chỉ-thị buộc các xí-nghiệp thương-mại và kỹ-nghệ trong

nước phải tuân hành. Các xí-nghiệp ấy gồm có những nhà máy, xưởng chế tạo, xây cất nhà cửa, các công-trường của nhà nước và của tư nhân, các ngành vận-tải đường bộ, đường thủy và đường hàng không, các nhà hàng, các hầm mỏ, các xưởng làm chất nổ, các xưởng có dùng động cơ, các xí-nghiệp thương mại đóng thuế sanh-y, các nghề tự-do.

Nghị-định này cũng để những phụ các đồn điền cao su và uống phụ ra ngoài sự bảo vệ của luật pháp.

Khi một tai nạn xảy ra cho một người giúp việc, chủ nhân phải khai báo cho nhà chức trách sở tại trong 48 tiếng đồng hồ và phải chịu tiền thang thuốc cho nạn nhân, tiền nhà thương, tiền tống táng nếu nạn nhân chết. Có bảo hiểm thì bảo hiểm phải trả, thế cho chủ nhân. Khi thời gian bất-năng lực không hơn 2 ngày, thì gọi là tai nạn nhẹ. Nếu quá 4 ngày, thì bắt đầu từ ngày thứ 5, người thợ được hưởng một số tiền bằng nửa ngày lương. Nếu bất-năng lực quá 10 ngày, thì ngay từ khi bị tai nạn, người thợ được lãnh nửa số lương ngày.

Khi bất-năng lực vĩnh viễn nghĩa là suốt đời công nhân bị tàn tật không làm việc được nữa thì chủ nhân phải trả lương cho tới chừng nào vết thương lành hẳn, rồi từ khi vết thương lành hẳn tới sau, chủ nhân phải trả một số tiền tính theo tỷ-lệ, tùy theo bất-năng một phần nào đó,

hay là bất-năng toàn lực.

Nếu công nhân chết, thì kẻ thừa kế chiếu theo một bảng bồi khoản định sẵn, mà hưởng một năm lương. Ngoài ra, họ còn được quyền kiện người đã gây ra tai nạn làm thiệt mạng thân nhân họ, để đòi tiền thiệt hại là khác.

Thời bấy giờ đã có ấn định đồng lương tối thiểu có bảo đảm cho thợ thuyền, từng vùng và theo hạng ngạch rồi. Thợ công nhật thì tính theo lương của một ngày công trước ngày tai nạn. Nếu là thợ làm khoán (la tách) hay ăn hoa hồng, thì tính bằng lộc được lãnh trong 6 tháng trước tai nạn. Nếu nạn nhân theo cách nhân lương từ tháng cho số 12. Thợ làm ăn la tách hay ăn hoa hồng, thì tính lương hàng năm theo số ngày mở cửa.

Phụ cấp hàng ngày phải trả cho tới ngày vết thương lành hẳn, hay cho tới ngày chết. Quyết định của ông tòa tập tụng về việc này luôn luôn được thi hành tạm mặc dầu có kháng, vì thẩm phán này cũng xét những đơn xin trả tiền nhà thương, tiền thuốc men, tiền hồi lương. Chỗ nào không có ông tòa ấy thì ông Chánh án tòa sơ thẩm hay ông Chánh-án Tòa Hòa Giải Rộng quyền thụ lý mà xử các đơn xin những bồi khoản nào, khác hơn tiền thuốc men, vãn vãn...

Điều 31 hạn định trong 1 năm phải xin các bồi khoản, quá một năm, hết kiện được.

CHUYỆN VUI CỦA LỊCH-SỬ

DIỆU * HUYỀN

Cái khăn gói của Cụ Phan-Thanh-Giản là lá cờ Việt-Nam đầu tiên trên đất Pháp!



AM 1863, Hoàng-đế Đại-Nam, là vua Tự Đức có gửi một phái đoàn qua Pháp để điều-định với Hoàng-đế Pháp là Napoléon III về việc xin chuộc lại 3 tỉnh Nam-kỳ vừa bị Pháp chiếm đóng và cai-trị. Phái-đoàn gồm có 1 vị Sứ-thần, là cụ Phan-thanh-Giản, 2 vị Phó-Sứ là ông Phạm-Phú-Thứ và ông Nguyễn-Khắc Đản, với một đoàn tùy-tùng gồm có 2 y-sĩ thuốc Nam, trong đó có ông Phan-thanh-Liêm là con trai của cụ Phan-thanh-Giản, hai viên thông-ngôn và mấy người hộ-vệ do viên Đệ-Trưởng Lương-Doãn chỉ-huy.

Ngày 18 tháng 8, vào giờ Thân (3 giờ chiều), chiếc tàu thủy *Européen* chở Phái-đoàn từ Sài-gòn qua, vừa cập bến Suez. Viên Đô-Đốc Lagrandière, Thống-đốc Pháp ở Sài-gòn, có phái một nhân viên, Thanh-Tra hành-chánh, đi theo Phái-đoàn Việt-Nam, để dẫn đường.

Tàu sắp cập bến, viên thanh-

tra ấy có nói với vị Đại-Sứ Việt-Nam rằng theo thủ-tục quốc-tế, khi tàu của một vị Đại-Sứ ngoại-quốc đến một hải-cảng nào, thì Hải-Cảng ấy sẽ bắn 19 phát súng lệnh để chào mừng, và chiếc tàu phải thượng cờ của Nước mình. Vậy xin Đại-Sứ cho thượng [cờ Việt-Nam lên để] đáp-lễ với chính-phủ Ai-Cập khi họ bắn súng chào mừng Đại-sứ của Hoàng-đế Việt-Nam.

Cụ Phan-thanh-Giản liền hội-nghị tất cả Phái-đoàn để bàn-tính, vì nước Việt-Nam hồi đó không có Quốc-Kỳ, trừ có lá cờ đuôi nheo thêu Rồng là kỳ-hiệu riêng của Vua mà thôi, Phái-đoàn không dám treo và không được phép treo.

Nước ta hồi đó không có Quốc-kỳ mà lúc Phái-đoàn ở Huế ra đi, Vua Tự-Đức và cả các quan Triều-thần cũng không ai ngờ sẽ xảy ra việc « chào cờ » ở ngoại-quốc. 3 vị Sứ-thần và cả đoàn tùy-tùng đều bối-rối chưa biết làm sao, thì ông Đệ Trưởng Lương-Doãn

manh-bạo thưa : « Dạ bẩm ba Cụ, Nước ta không có cờ mà chuyện này gấp rút quá không có cách chi giải-quyết được, vậy xin lấy tạm cái khăn gói của cụ Sứ-thần, bằng lụa Kiêu-cầu còn mới tinh, màu đỏ tươi đẹp quá, để làm cờ, rồi khi nào về Nước sẽ tâu lên Hoàng-Thượng biết. » Cụ Phan-Thanh-Giản, và hai ông Phạm-Phú-Thứ, Nguyễn-Khắc-Đản bàn-luận một lúc rồi đồng-ý làm theo lời trình của Viên Đệ-trưởng, vì không còn cách nào khác nữa.

Nhưng khi đem tấm khăn-gói màu đỏ tươi đưa ra cho viên tùy-tùng Pháp coi thì y bảo : « Chà ! Lá cờ này chắc không được đâu ạ, vì nó gần giống như cờ của nước Ai-Cập, sợ chính phủ Ai-Cập sẽ hiểu lầm chăng ? »

Cụ Phan-Thanh-Giản liền vào trong tàu bàn lại với Phái-đoàn... Bàn-cãi một hồi lâu, rồi Ông Phạm-Phú-Thứ nói : « Ta hãy thêu 4 chữ nho : Đại-Nam Khâm-Sứ ngay giữa cái khăn đỏ, thế là hết lầm-lẫn với cờ Ai-Cập ! »

Cả phái-đoàn đều khen ý-kiến hay và Cụ Phan-thanh-Giản liền sai lính hộ-vệ lấy chỉ vàng thêu

gấp 4 chữ nho : Đại-Nam Khâm-Sứ trên tấm khăn-gói lụa điều,

Một giờ sau, tàu *Européen* vừa cập bến Suez, chính-phủ Ai-Cập liền bắn 19 phát súng lệnh để chào mừng Phái-đoàn của Hoàng-đế Đại-Nam, thì trên cột cờ tàu đã phấp-phới lá cờ Đại-Nam Khâm Sứ !

Sau đó mấy hôm, chính phủ Ai-Cập để một toa xe lửa riêng đưa Phái-đoàn Việt-Nam ra Port Saïd để đón tàu sang Toulon (Pháp) thì trước đầu máy xe lửa cũng cắm hai lá cờ : một lá cờ Ai-Cập, nền đỏ tươi, ở giữa thêu mặt trăng lưỡi liềm, và lá « cờ Việt-Nam » cũng màu đỏ giữa thêu 4 chữ nho « Đại-Nam Khâm-Sứ ». Khi đáp tàu thủy sang hải-cảng Pháp, cũng lá cờ ấy phấp-phới trên cột cờ tàu... và Hải-cảng Pháp cũng bắn 19 phát súng lệnh chào mừng... cái khăn gói của Cụ Sứ-Thần Phan-Thanh-Giản !

Sau khi về Nước, Cụ Phạm-Phú-Thứ tâu lại việc này cho Vua Tự Đức nghe, nhà Vua ngồi dựa tay lên gối, cười ha-hả !...

Diệu Huyền

* CẤM NÓI TRONG LÚC ĂN

Một người cha quá nghiêm khắc ngồi ăn cơm với khách.

Đưa con lên tám vọt nói :

— Thưa ba !

Ông quát mắt :

— Ba đã cấm không cho con nói chuyện trong lúc ăn cơm mà !

Xong tiệc, ông hỏi con :

— Vừa rồi con muốn nói gì ?

— Con muốn nói cho Ba thấy Ba múc nhắm con ruồi trong tô canh, nhưng Ba đã húp rồi !

Giải Nobel Văn-chương năm 1958, về tay một Văn-sĩ Nga-xô: BORIS PASTERNAK

TÔ THUY YÊN



AM nay, giải Nobel về văn chương Quốc-tế, vinh dự chính thức lớn lao nhất cho nhà văn, được Hàn lâm viện Thụy Điển trao tặng cho một nhà văn Nga kỳ cựu nhất, Boris Pasternak với quyền trường thiên thuyết, *Bác sĩ Jivago*. Bên cạnh những Rabino-ranath Tagore, Thomas Mann, Herman Hesse, T. S. Eliot, Bertrand Russell, André Gide, Albert Camus, Ernest Hemingway, William Faulkner, v. v. một lần nữa, Boris Pasternak đã làm tăng uy tín cho giải Nobel về văn chương Quốc-tế trong hơn nửa thế kỷ nay.

★

Boris Léonidovitch Pasternak, sinh năm 1890, là nhà văn Nga độc nhất còn sống của thế hệ Maxime Gorki, Alexandre Blok, Serge Essénine và Vladimir Maïakovski, cả hai đều tự tử, Boris Pilniak và Isaac Babel, hai nhà văn sau chết trong tù. Theo ý kiến của đa số những người quen biết với văn học Xô-viết, ông là thi sĩ Nga lớn nhất hiện thời. Ông còn là một dịch giả trác tuyệt của Shakespeare, Schiller, Goethe và những thi sĩ vùng

Georgie thuộc Liên bang Xô-viết v. v... Dịch sách là kế sinh nhai của ông trong mười mấy năm bị hạn chế sáng tác. Xuất thân trong một gia đình hữu danh mà cha là họa sĩ và mẹ, nhạc sĩ, ông đã được theo học đến ban triết ở những Đại học đường Moscou và Marbourg. Ngoài ra, ông còn được giáo dục đến nơi đến chốn về âm nhạc. Trình độ học vấn của ông phân biệt ông với phần đông nhà văn thời cách mạng ở Nga.

Ông bắt đầu hoạt động văn nghệ vào năm 1913 và trong thời kỳ bập bẹ, ông là môn đồ trung tín của một phong trào bắt nguồn từ chủ nghĩa vị lai Nga. Tác phẩm đầu tay của ông là tập thơ *Một đứa trẻ sinh đôi trên mây*. Năm 1917, ông xuất bản tập thơ thứ hai, *Bên kia hàng rào*, nhưng mãi đến năm 1922, sau khi tập thơ thứ ba *Chị tôi cuộc đời* hoàn thành từ trước, năm 1917, ra đời, ông mới nổi tiếng. Năm sau, ông xuất bản một tập thơ nữa nhan đề *Những đề tài và những biến điệu* và năm 1925, một quyển truyện *Tuổi trẻ của Luvers* mô tả những năm dậy thì của một cô gái. Những thi phẩm về sau của Pasternak ra

đời vào những năm 1926 và 1927 : đó là hai bài trường ca *Spektorsky* có tính cách tự sự, trình bày vài cảnh sống của một thanh niên trí thức ở Moscou và Năm 1905 lấy đề tài ở cuộc cách mạng hệt 1905 ở Nga mà đoạn quan trọng nhất nhưng không phải là xuất sắc nhất nói về viên sĩ quan Schmidt và cuộc nổi loạn trừ danh của Potemkine và của hạm đội ở Hắc hải. Năm 1931, Pasternak xuất bản một tác phẩm văn xuôi kỳ ức, *Tờ thông hành biệt cấp* : đó là những lời xưng tội của một thanh niên lãng mạn tôn thờ chủ nghĩa cá nhân chống cự lại một xã hội hoàn toàn thù nghịch. Năm sau : *Lần ra đời thứ hai*, một tập thơ trữ tình, thuần chất Pasternak nhất. Và năm sau nữa tức 1933, ông góp lại những truyện ngắn đã đăng từ 1925, xuất bản thành tập lấy tựa của một truyện mới được thêm vào, *Những con đường hàng không* làm tựa chung. Truyện *Những con đường hàng không* là truyện độc nhất của Pasternak, ngoại trừ quyển *Bác sĩ Jivago*, có đề cập chút đỉnh đến Cách mạng và Cách mạng trong ấy làm tâm phong cho cuộc trình diễn tâm lý và siêu hình của các nhân vật. Rồi từ 1934, năm tác phẩm văn xuôi áp chót của ông, *Một câu chuyện* ra đời, một sự quen lẫm cổ ý bao trùm lên sự nghiệp của ông cho đến ngày nay. Chỉ vài tập thơ nhỏ của ông được xuất bản vào những năm 1943

và 1945 tức vào thời kỳ mà văn hóa ở Nga tương đối được thả lỏng hơn những năm trước và sau đấy. Ít lâu sau khi Staline chết, một ít thơ của Pasternak được đăng lại trên tạp chí *Znamya* : đó là thời kỳ mà điện Kremlin sửa soạn « cuộc rã băng », lật đổ một thi thê. Như thế, tất cả những tác phẩm kể trên là sự khai tử của quyển *Bác sĩ Jivago* và góp phần soi sáng nó : tính chất thuần nhất của sự nghiệp Pasternak được xác nhận. Ông chỉ tiếp tục chứ không đoạn tuyệt.

Mặc dù Pasternak, lúc bắt đầu hoạt động văn nghệ, theo chủ nghĩa vị lai nhưng thật ra giữa ông và những tác giả vị lai như Maïakovski và Asseyev chẳng hạn, không có được bao nhiêu điểm tương đồng, nếu gạt ra ngoài ý chí sáng tạo những giá trị thi ca mới mẻ của ông. Pasternak, mặc dù với những đề tài xã hội, vẫn là một thi sĩ trữ tình, lãng mạn, tôn thờ chủ nghĩa cá nhân. Thơ ông, với nỗi u hoài thiết tha của nó, được đem so sánh với thơ Lermontov. Nhưng không phải vì thế mà ông là một thi sĩ dễ dãi, thật ra, thơ ông thường thì tối tăm bởi cách xếp đặt kỳ lạ của chữ và bởi sự bất kham hào hứng của hình ảnh, Chủ trương canh tân, ông chối bỏ mọi bản khắc cổ kính và xử dụng triệt để ngôn ngữ đối thoại thường ngày kể cả những danh từ chuyên môn của kỹ thuật và những

tiếng lòng thô lỗ của dân chúng. Nhịp điệu thì rần rỏi nhưng gây cảm như bức tranh đàn ông Hy Lạp. Những đặc tính thi ca ấy đặt Pasternak gần một thi hào Đức hiện đại mà ông hằng ngưỡng mộ, Rainer Maria Rilke.

Văn Pasternak cũng giữ một địa vị độc đáo trong làng văn Nga. Dĩ nhiên đó là văn của một nhà thơ, chẳng chuốt bóng bẩy, nhưng không hề chứa đựng rườm rà những đặc tính của thơ; nó trôi chảy và sáng sủa. Còn cách kết cấu truyện của Pasternak, như của Tchekov, thường thì đều đều, chậm rãi, không có những sự kiện thất mở, gây cảm tưởng không có gì đáng gọi là truyện.



Quyền trường thiên tiểu thuyết *Bác sĩ Jivago* dày 710 trang và trên 200.000 chữ theo bản tiếng Ý, là công khó liên tục trong mười năm ròng im hơi lặng tiếng của Pasternak được coi như « sự im lặng lớn lao của văn hóa Nga ». Chính quyền Xô-viết ngăn cản nó xuất bản viện lẽ nó là một tác phẩm « nghèo nàn kém cỏi » sẽ làm hại đến tên tuổi thi sĩ của tác giả. Trong lúc đó, Liên hiệp những nhà văn Xô viết chính thức tuyên bố rằng tác phẩm ấy « gieo rắc mối nghi ngờ về hiệu lực của Cách mạng Bolchévich được mô tả như một trọng tội trong lịch sử Nga ». Nhưng Pasternak « không muốn trở thành kẻ nô lệ của chính tên tuổi mình » nên trong thời kỳ « ră băng » vừa qua, ông

gửi bản thảo bằng đường bưu điện sang cho một nhà xuất bản cộng sản ở Ý, ông Feltrinelli. Điện Kremlin được tin ấy, lập tức phái Surkov, chủ tịch Liên hiệp những nhà văn Xô viết, sang Milan họp lực với Đảng Cộng sản Ý và nhân danh Pasternak đòi lại bản thảo để tác giả còn sửa chữa thêm thất. Nhưng Đảng không được như ý. Bác sĩ Jivago ra đời, kể lại bằng tiếng Ý, cuộc sống thường ngày ở Nga trong năm mươi năm nay.

★
Tóm tắt cốt truyện

« **Bác sĩ JIVAGO** »

Yuri Andreevitch Jivago, một đứa trẻ mồ côi của một gia đình buôn bán giàu có được ông bác, Nikolai Nikolaievitch, một nhà cách mạng sa lông, sùng mộ đạo Gia-tô nuôi nấng. Đến lúc trưởng thành, Jivago cưới một cô gái nhà khá giả mà bà mẹ có xí nghiệp ở Yuratin, một tỉnh thành của vùng Ural xa xôi. Trận thế chiến thứ nhất khai diễn; chàng trở nên sĩ quan quân y ở mặt trận miền Tây. Ở đây, chàng quen một nữ cứu thương tư tưởng duy tâm tên Lara mà người chồng, Pasha Antipov, bị quân Đức bắt làm tù binh. Cách mạng dấy lên với những cuộc giết chóc phi lý tất nhiên của nó. Trở về Moscou, Jivago và gia đình chàng lâm vào hoàn cảnh túng thiếu và đau ốm, tình trạng chung thời bấy giờ của toàn dân Nga. Jivago

bấy minh là « người thấp lùn » trước cách mạng, « cái máy không lò của tương lai ». Thiếu phương tiện sinh nhai, gia đình Jivago đành cuốn gói về quê vợ ở Yuratin. Ở đây, chàng gặp lại Lara và yêu nàng say đắm. Cũng trong khoảng thời gian này, chàng nghiên ngẫm Tolstoï, Tchekov, Stendhal, Dickens, Kleist... Suy nghĩ về đạo Gia-tô và tập tành viết lách. Được ít lâu, chàng bị bắt cóc bởi một tổ chức cách mạng cần dùng một y sĩ. Chàng sống hai năm với bọn nghĩa quân. Đến khi được giải phóng, chàng hay tin vợ con chàng đã bị trục xuất ra khỏi nước Nga. Rồi chàng được tin của Lara bị chồng, bây giờ trở thành một lãnh tụ cách mạng, phụ rẫy. Nhưng khi lực lượng Xô viết toàn thắng, Đảng không còn cần dùng những phần tử hết thích hợp nữa, khai trừ Antipov và tuyệt vọng, hẩn tự tử. Jivago lo sợ cho an ninh của Lara, khuyên nàng nên đi theo một cán bộ cao cấp, tình nhân thời con gái của nàng, về miền Đông. Jivago trở về Mos-

cou, sống bằng nghề viết văn và lập gia đình với con gái người đầy tớ ngày xưa của chàng. Ít lâu sau, chàng chết tai nạn xe điện. Còn Lara thì mất tích, có lẽ, ở trại tập trung của miền tuyết băng Sibérie.

Phần cuối sách có đăng một số di cáo của Jivago, những bài thơ cảm hứng tôn giáo.



Với một người trí thức Âu châu đến yết kiến ông ở làng Pérédelkino gần Moscou, Pasternak phân trần: « Hiện thời, chính quyền tỏ ra rất dễ dãi. Họ chỉ muốn mỗi một điều: Anh phải thù ghét những gì anh thương yêu và ham chuộng những gì anh kính trọng ! Nhưng đó là điều khó khăn nhất. » Câu nói ấy có nghĩa, với quyền *Bác sĩ Jivago*, Pasternak là người Nga can đảm nhất hiện thời. Giải Nobel về văn chương năm nay có phải là vòng hào quang truy tặng một người tử vì đạo, đạo Sự-Thật ?

★ **Thư Bà... tám giấy 500 \$**

Một bà ăn mặc sang trọng đi trên đường Lê-Lợi, chợt có cậu bé tùm-tum cười đến hỏi :

— Thưa bà, có phải bà vừa đánh rơi tám giấy 500 \$ không ạ ?

Bà khách ngạc nhiên nhìn cậu bé rồi vội nói :

— A... phải!... phải rồi ! Tôi vừa đánh rơi đấy, cậu lượm được hả ?

— Thưa Bà, cháu không lượm được đồng nào cả, có điều lạ là từ sáng đến giờ cháu hỏi có đến 100 bà cùng một câu hỏi ấy, thì bà nào cũng trả lời như bà !

Những
cười

20



(tiếp theo P. T. số 1)

L. T. G. — Các nhân vật trong bài này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai. Mong quý độc giả hiểu cho.

★



ÔI vợ đưa tay ra bắt tay Hoàng đề từ giả không một chút đắn đo, lưu-luyến, thân nhiên như trăm ngàn cái bắt tay khác giữa cuộc đời vi pháp lịch sự xã giao đúng nghĩa của những

thằng bạn «trời đánh» mỗi khi gặp nhau bên lề đại lộ, hoặc những nơi «hú tim» bên ngọn đèn xanh, cốc rượu mạnh; trong khi Hoàng với thái độ bản khoán, do dự như còn luyến tiếc

Phóng-sự Thời-đại
của
NGUYỄN THU MINH

điều gì, đôi lông mày hơi nhíu lại trông chẳng khác bộ tịch của những tay cờ tướng tranh nhau nước cuối cùng...

Trước sự chần-chờ của Hoàng tôi buột miệng hỏi:
— Thôi, về chứ cậu, còn đợi gì nữa?

Hoàng vẫn đứng đưng xem chừng như không chú ý mấy, cầm tay tôi bóp hơi

mạnh rồi mỉm cười đề-nghị:
— Này, chúng mình đến Quốc-Hương ở đường Gia-Long ăn cơm, khỏi phải về nhà, cậu nghĩ sao?

Tôi chưa kịp đáp, Hoàng đã tiếp:

— Chơi nốt trưa này cho «đã» chứ về làm «cái mẹ» gì, ăn cơm nước xong, hai đứa mình tìm một «nơi» nghỉ trưa, xong vào khoảng ba, bốn giờ vào «xi-nê» hay đi trà vũ luôn.

Đang còn phân-vân chưa biết nên đi đâu và thích loại gì trước hết đã có tiếng Hoàng tự đáp-hộ, giải thoát cho tôi trước câu trả lời khó khăn này chẳng khác gì tác-chiến tài xiu:

— À, hay chúng mình tìm nơi nghỉ trưa chơi đã, những chuyện khác sẽ tính sau cũng được, thế giờ còn thừa chán.

Nghe vậy, tôi bỗng đứng cao hứng gật đầu, chia tay ra bắt tay Hoàng như giao hẹn:

— Đồng ý, xem thử một chuyến cho biết, sẽ đi đến đâu?

Hoàng cười một cách thích thú và đầy tự hào:

— Không lý chết đi đâu mà sợ. Thằng trai đời này chứ phải ngày xưa đâu.

Ngừng một chốc Hoàng tiếp:

— Nhưng trước khi tiến vào nội địa tính chuyện làm ăn nên kiểm điểm «kết» lại xem mỗi cậu còn được bao nhiêu. Biết trước đề mạnh dạn mà «làm ăn» chứ. Riêng mình còn hơn chín bò, cậu được bao nhiêu?

Tôi đáp với tất cả sự thành-thật của lòng:

— Còn năm bích rưỡi.

— Ồ, dư sức chơi rồi! Bây giờ đi chứ? Kẻo phí thì giờ ồng. Rồi như chợt nhớ điều gì Hoàng vỗ tay xuống bàn nói:

— Hay lắm, nhớ ra rồi! Mình với thằng Thông vừa khám phá được một nơi rất hay, toàn thứ

Vừa dứt câu Hoàng há miệng cười lớn, nhe cả hai hàm răng trắng phếu, nhìn tôi như biểu đồng tình, khoan khoái đưa tay vẫy xe...

Trong buổi cơm Hoàng nghĩ ra được rất nhiều cuộc vui— giải trí «lạnh mạnh» đúng theo chủ trương của Freud và kể cho tôi nghe rất nhiều những thú vui.. gọi là kích thích nhất của con người muốn và đòi hỏi, và lại ở mảnh đất hoa lệ có tiếng văn-minh số một về vật-chất.

Bắt đầu từ chuyện tiêu xài, ăn mặc, lòng dạ con người giữa thế kỷ XX, đến những nàng «tiên tóc đỏ», những chốn trú danh «gái lịch», những vũ trường sang trọng nhất thủ đô, những chốn cờ bạc lặn, rượu chè khét tiếng, lần viếng cảnh «thiên thai» gối «đùi non» v.v... Cuối cùng Hoàng nheo mắt rất «mốt» hỏi tôi sau khi bữa cơm cũng vừa mãn khế-trúc:

— Theo cậu, bây giờ chúng mình nên đi đâu, làm gì cho vui?

chiến, độ mười tám, hai mươi —
nữ sinh mới ra trường — và
cũng có vài đàn « nhẩy dù lè »,
số dách nghe !

Tôi gật đầu cười đùa :

— Kề ra cậu cũng « tay cừ »
lắm, thế mà mình cứ ngỡ cậu
hiền khô.

Hoàng vội đứng dậy, thân
nhiên móc túi lấy thuốc ra đánh
diêm châm hút xong nhún vai
đáp :

— Khởi nói, hôm nay cậu mới
biết mình à ! Sao sớm thế. Mà
thôi, đi cho rồi cha. Đến đây
ăn sức mà ngồi.

Chúng tôi đồng nhìn nhau
cười, đứng dậy ra đi.

Ánh nắng trưa gay gắt như
thieu như đốt cảnh-vật.

Kim đồng hồ vừa chỉ đúng
mười ba giờ mười lăm.

Quang cảnh phố xá lúc này
đang chìm đắm trong gấc ngủ
muôn đời, thỉnh thoảng mới bắt
gặp một vài chiếc xe qua lại,
chạy có vẻ mệt nhọc và lè lói !
Những lúc này muốn kiếm một
chiếc taxi mới thấy hiếm hoi,
chờ đợi hằng năm mười phút,
mặc dầu là đại lộ đô thành.

Chiếc taxi chở chúng tôi thẳng
tiến về miệt Tân-Định một cách
chậm-chạp.

Anh tài xế mắt lim-dim uể oải
ngáp dài đường như ngái ngủ
mà lòng còn luyến tiếc vài cuộc
xe đề tối về vợ, con thêm được

tô canh ngon miệng..., nên trông
nét mặt anh ta rất đau thương.

Tôi và Hoàng nhìn nhau cười
thăm ra hiệu trước khi đặt
những bước tiến vào ngôi nhà
ngói khá lớn, rộng rãi, mát mẻ
ở đường Champagne đã được
môi giới cẩn-thận.

Nếu đời sống luôn luôn cần
cứ ở cái vỏ bề ngoài để đánh
giá con người thì tôi xin thú
thật mà nói, với ngôi nhà — có
vẻ biệt thự — này chẳng mấy ai
hiều nổi bên trong của nó và
cũng chẳng bao giờ có những sự
nghĩ ngờ, ý nghĩ không mấy
« đẹp » về nó — đường đường là
chốn ra vào của khách thượng
lưu tằm tiếng của xã-hội, những
chàng công tử, vương tôn, với
chiếc xe Huê-kỳ, « cà-đi-đắc »
bóng nhoáng.

Dừng chân trước cửa biệt thự,
Hoàng đưa tay lên bấm chuông
gọi, tôi cứ ngỡ Hoàng đã nhầm
nhà một ông lớn nên lòng hơi
hồi hộp, lo ngại, định hỏi thì
có bóng người đàn bà thân hình
ú na ú nã từ trong đi ra hất
hàm hỏi :

— Các ông hỏi ai ? Có việc gì ạ ?

Hoàng không đáp vội, chờ
người đàn bà tới sát cửa mới
đáp :

— Mở cửa cho vào với, hỏi
han làm gì cần thận thế.

Xem bộ người đàn bà còn ngần
ngại, nên nói :

— Ông bà tôi đi vắng cả rồi !

Hoàng thân nhiên, đáp với vẻ
thần mật :

— Thôi mà, mở cho vào với,
chị Tư quên tôi rồi sao ? Hoàng
đây chứ ai mà ngại.

Lần này có lẽ người đàn bà đã
nhờ ra vội mở cổng mời :

— Ông mà mãi giờ tôi mới nhớ,
mời hai ông vào chơi.

Tôi nhìn Hoàng, lặng lẽ cùng
nổi gót theo người đàn bà đi
trước dẫn đường. Hoàng kề tai
tôi nói nhỏ :

— Nơi này cậu khỏi ngại gì...
hết, cứ việc « choang đàng » thả
đàn.

Vào đến phòng khách vẫn
không thấy tí gì động tĩnh, người
đàn bà mà Hoàng gọi là chị Tư,
tôi cứ ngỡ là người giúp việc
nhưng sau này hỏi ra ; được
biết là một nhân vật « quan trọng »
— môi giới giữa chủ thầu và các
nàng tiên luôn luôn nuôi mộng
một phút vàng hai phút ngọc
trong các túi của kẻ sĩ.

Những phút ngồi đợi vắng vẻ
mới để cho khách mơ tưởng
chốn « lầu cao gác phấn » — giá
trị con người sống trong ngôi
nhà này bằng năm bảy voi, tủy-
lúy thịt-da đòi ra không vương
túi.

Lối bày biện, tô-điểm cho căn
phòng « chào mừng » quả là một
công trình « vĩ-đại » lắm nên thơ
lồng trong ánh sáng những ngọn
néon dịu - mát, bỗng dưng có
những cảm giác lạ kỳ đưa đến

với tôi mà đâm ra sợ... sợ cho
cái túi kém tươi, kém bùa phép
xử thế đúng điệu hào hoa phong
nhã, các kỹ nữ môi son má phấn
khỏi khinh khi, chề cười dân
« kẹo » mới « tập sự » chưa biết
gi..., v. v... nghĩa là bất cứ câu
gi hay, đẹp in đậm trong óc não
họ nếu mình không làm vừa mắt,
vừa lòng, vừa cả những cái va
chạm xác thịt...

Tôi tưởng tượng ra những
con người ở đây có một sắc đẹp
tuyệt mỹ, những tấm thân đầy,
đần trắng ngần, trẻ trung hơn
những con người mà tôi đã có
dịp viếng qua ở các vùng Thi-
Nghê, Hòa Hưng, Chợ Hà-Nội,
v. v... Nhất là chủ nhân nơi này
phải là tay ghê gớm ; lối ăn, tiếng
nói, dáng điệu, nhất nhất khác
người khác đời. Rồi tôi tự đem
ra so sánh thăm với những
người đầu sỏ ở Khâm-Thiên đạo
nào. Cuối cùng tôi cũng tự kiểm
câu trả lời lấy mình « như nhau
chứ gì, hoặc hơn chẳng nữa tôi
chỉ đến lần này mà thôi ! »

Thấy tôi trầm ngâm nghĩ ngợi
Hoàng bèn hất hàm hỏi :

— Sao ngồi thừ ra thế ? Định
ngồi mơ mộng ở đây nữa chẳng ?

Tôi cười đáp :

— Thì cũng mơ mộng đôi chút
không được sao ?

Vài hình bóng thấp thoáng qua
khung cửa xuống nhà ngang.

Những tiếng thăm thì mời mọc,
đầu gối rất ngớ ngàng, tẻ nhạt...

(Còn nữa)



Xem P.T. số 1)

BÁC THỢ QUAY



PHIM Trường đây. Bạn hãy ngồi nghỉ châu một chút. Tôi nói cùng bạn vài điểm đại - cương trước khi chúng ta bắt đầu cuộc hành-trình!

Ấy! xin lỗi bạn, bạn cứ để yên hộp thuốc điều trong túi. Họ cấm hút thuốc vì sợ hỏa-hoạn, bạn ạ.

Nói đến kỹ-thuật điện-ảnh là đã-động đến một vấn-đề phức-tạp có liên-quan đến nhiều ngành kỹ-thuật khác: vô-tuyến, hóa-học, lý-học v. v... Tuy nhiên chúng tôi Phim chỉ gồm có hai phần chính-yếu: HÌNH và TIẾNG quan-hệ tương-đương. Mới đây (1958) lại thêm một phần thứ ba: « MÙI »

Hình là anh của tiếng. Cho nên chúng ta đề-cập đến hình trước

tiên và người mà bạn sẽ được giới thiệu là « Bác thợ-quay ».

Thợ-quay? có lẽ bạn chỉ nghĩ đến chữ Pháp: *Opérateur* hay nói cho có vẻ Mỹ là *Caméraman* (chớ không phải *Caméraliste* như có một « Chú » Thợ Quay đã cho in lên danh-thiệp!).

Một cuốn phim dù cốt chuyện có hấp-dẫn, đạo-diễn có tài-dách, minh-tinh có quái-kiệt, đối-thoại có mê-ly đi nữa, mà hình ảnh lu-mờ, hay trắng bệch thì bạn dù có muốn ủng-hộ cây nhà lá vườn cách mấy đi nữa cũng phải thờ dài mà lảm-bảm: « Phim gì mà dở ẹc! ».

Thợ-quay chính là người có nhiệm-vụ kể lại cho bạn *thầy* câu chuyện mà đạo-diễn đã sắp đặt lớp-lang. Nếu kể vụng, cố nhiên bạn phải bực mình. Một

màu vàng, một thi-nhân, một họa-sĩ, một kỹ-sư điện có thể bắt tay vào làm xi-nê, nhiều khi họ gặp may thành công rực-rỡ mặc dù không nhận được một sự huấn-luyện chuyên môn nào. Trái lại muốn trở thành thợ quay không phải là một chuyện dễ. Học-hỏi, tìm-tòi, vấp ngã, thất-bại chán-nản, đem lại cho họ kha khá kinh-nghiệm đúng theo câu: « Nghề dạy nghề! »

Nhưng quay nhiều, biết lắm cũng chưa đủ, phải có một cái hoa tay (hoa mắt thì đúng hơn), một tinh « yêu » say-đắm đối với NGHỀ QUAY.

Bác thợ-quay không có gì an ủi ngoài ra sự thỏa-mãn về tinh thần mỗi khi mình thực-hiện được một cái « ngón » mới. Lợi khen tặng của khán-giả chỉ hướng về các cô đào, chú kếp, ông đạo-diễn, nhà sản-xuất, tuyệt nhiên không ai nhắc-nhở đến bác thợ quay!

Nhưng, bác thợ quay chính mới quan-hệ hơn cả!

Bác là ông vua của ánh-sáng, của ống kính, của cuốn phim, của phòng tối; phòng tối có nghĩa là nơi rửa và in phim!

Bạn hãy nhẫn-nại một chút, chúng ta sắp dự vào một cuộc quay thử. Bạn nhớ dùm cho những điểm trọng-yếu sau này:

Ánh-sáng: nói cho đúng là « PHẢN-ÁNH ». Ánh-sáng mà chúng ta THẤY không phải là cái Ánh-Sáng mà chiếc máy-thu-nhận

đề ném vào mặt thuốc của Phim. Châm-ngôn có câu: « Bộ áo cà-sa không làm thành nhà sư! » Nhưng trong địa-hạt xi-nê, bên ngoài lại rất cần. Phải chọn màu sắc nào dù là phim đen trắng, có thể « rung-cảm » mạnh và phát huy những luồng phản-ảnh cô-động nhất để « khởi-hứng » sâu đậm « lòng » Phim. Song phần ảnh dội mạnh chừng nào thì sự rung-cảm càng rõ-rệt hơn chừng nấy.

Ống-kính là cái nhìn của một giai-nhân, « Con Mắt Xanh » thu-hút và lựa chọn khía - cạnh « kiểu-diễn » nhất của bạn. (Cần chuyện chàng rẽ thọt và nâng đầu chột mắt tuy mĩa-mại thật song rất nhiều ý-nghĩa! Nâng e-lê nép vào rèm hoa, chàng hiền-ngang trên lưng ngựa!) Xi-nê cũng vậy, vì xi-nê chỉ trình-bày cho bạn những góc ảnh nào đẹp nhất làm cho bạn luyện-cảm. Ống kính theo ý của bác thợ-quay làm cái công-việc « mượn màu sơn phấn, đánh lừ » « anh em »! Ống kính thả vào ký-ức (phim) những hình ảnh « tiêm-tàng », chờ giọt nước « hóa-học » để biến thành những hình-ảnh « ngược », hong khô, rồi đem ra in và vô tiếng!

In và Rửa đều làm trong phòng tối, nói tối cho tiện, chớ chỉ một vài giai-đoạn làm trong tối thôi, nhưng với máy - móc hiện nay, chúng ta có thể rửa ngoài sáng! In và rửa đòi-hỏi những điều-kiện khoa học, thời-

tiết, khí-hậu, căn-cứ vào toán-học. Kinh-nghiệm vẫn là một yếu-tố căn-bản của sự thành-công. Những định-thức, phương-pháp khoa-học vững-chắc đem lại những kết-quả rực-rỡ.

Cuối cùng là *Phim*. Phim là cái sườn để trình-bày các hình-ảnh liên tiếp. Phim có nhiều loại, nhiều cỡ, nhiều «tốc-độ», đen trắng hoặc màu sắc. Chúng ta sẽ có dịp đi sâu vào vấn-đề này.

Mời bạn đi theo tôi vào sân quay, hay nói một cách xi-nê là *plateau* !

★

— Xem quá bề-bộn, giây nhợ, đồ-đạc ngồn-ngang, có vẻ vô-trật-tự !

— Nếu bạn quen, bạn sẽ thấy có một trật-tự cứng-rắn trong cái tình trạng vô-trật-tự ấy ! Bạn hãy nhìn cái anh chàng đội mũ lưới trai đang khom lưng, neho một con mắt, cúi sát mặt vào cái...

— Ống nhòm ?

— Đúng, ống nhòm, một thứ ống nhòm để «theo dõi» các cử-động của tài-tử. Ống nhòm đồng khung tài-tử và một góc cạnh phong cảnh tổng-quát. Ống nhòm ăn thông với ống kính, nên tùy theo cỡ kính, ống nhòm cho bác thợ quay thấy một khung cảnh lớn, bé, trung-bình v...v... trong đó có...

— Minh-tinh.

— Và đây là chiếc máy quay hiệu Arriflex 35 ly, có blimp.

— Blimp ?

— Phải, blimp nói một cách thông-thường là «quy-lát» hay hộp khủ-tiếng. Họ đang vừa quay vừa lấy tiếng luôn thề, nếu cứ để máy trần, khi chiếu ra chúng ta sẽ nghe rè rè như quạt máy vậy !

— Tôi hiểu, hộp này bịt kín máy để tiếng mô-tơ khỏi vang ra ngoài !

— Đúng, bạn hiểu nhiều rồi đấy ! Mỗi chiếc máy quay gồm có các bộ-phận như sau :

— Một chiếc mâm nhỏ để gài ống kính. Một cái «nồi chụp» thông-thường qua chiếc mâm bằng một cánh «cửa sổ», một bộ-phận kéo phim, và những «đồng-hồ» đo «tốc-độ», ghi số thước phim chụp rồi, báo-hiệu có-điện và mật-độ của giòng điện.

Có rất nhiều thứ máy quay mỗi kiểu mỗi khác, nhưng chung qui gồm vào một mục-đích : đưa mặt thuốc của phim ra chỗ có ánh-sáng vào để ghi hình-ảnh một cách liên-tục.

Phương-pháp chuyển phim của máy Arriflex rất đơn-dị. Một chiếc mô-tơ (dùng điện 110v hay 220 v xoay chiều, hay một chiều) cử-động một chiếc đòn ngang qua các trục răng của hình-nón. Số răng tính đúng, ăn khớp, cứ 1/50è sao hay 1/80è sao thì chiếc đòn ngang trở tới xâu vào một trong những lỗ vuông đục sẵn dọc theo chiều dài phim, kéo phim xuống một đoạn dài độ 2 phân, trong lúc ấy, cánh cửa sổ thông với ống kính

mở ra cho ánh sáng «ăn» vào mặt thuốc phim, trong thời-gian 1/50è sao, cánh cửa-sổ vừa khép trở lại thì chiếc đòn ngang xoay được một vòng trở tới, xâu vào một lỗ khác, kéo phim xuống.... Một sợi giây lò-xo chuyển từ mô-tơ lên trục «cuốn» phim trong hộp đựng phim sống, cử-động chiếc trục này theo «chiều kim đồng-hồ», và cuốn lần các đoạn phim sống vừa bị ánh-sáng «ăn» xong vào hộp đựng. Như vậy, phim cứ mỗi 1/50è sao lại «ăn» một chiếc hình, khi đem rửa, in và chiếu ra theo «tốc-lực» ấy, thì khán-giả theo dõi đúng các cử-động của diễn-viên.

Tôi quên, máy quay Mỹ và Đức thường làm theo «Chu Ba» 1/60è sao, nên đề-ý đến chi-tiết này khi mua máy ! Hiện tại V.N. ta «Chu Ba» lại là 1/50è sao.

— Thế còn bỏ phim vào hộp đựng (chargeur) và lắp phim thế nào ?

— Công-việc bỏ phim vào hộp đựng làm tại phòng tối nghĩa là tối mờ mờ...

— Như đêm ba mươi..!

— Hơn cả đêm ba mươi nữa ! Đêm ba mươi còn có ánh sao ! Tối đây có nghĩa là không có một thứ ánh-sáng nào lọt vào được cả.

Cách vào phim mỗi máy đều có những lời chỉ dẫn rõ ràng ; đây là những câu phụ-thuộc cần ghi nhớ : Trước khi xé bọc «giấy bạc» đề-ý xem có phải thứ phim mình muốn dùng không ?

Coi chừng cái chiều «tuông ra» của phim, phải «theo kim đồng-hồ» ; muốn kỹ, thấm một chút nước miếng nơi ngón tay trỏ, đặt nhẹ lên mặt phim, (bạn nhớ đây ở một nơi toàn tối, không nhìn thấy được gì cả) bên nào dính dính vào ngón tay là mặt thuốc. Mặt thuốc phải ngửa ra để nhận ánh sáng ! Điều này rất cần, vì có bạn tuy thành thạo rồi, lỡ quên, đã quay hết một cuộn phim mà không thấy một hình ảnh nào cả (mặc dầu cửa-sổ chạy đều và đã mở ống kính) lý-do LẤP NGƯỢC ! Có bạn lại chụp hai màn chung vào một cuộn : Lý-do : Không đề-ý đến CHIẾU KIM ĐỒNG HỒ !

Một điều khác đáng chú ý nữa là đầu phim. Đầu phim thường, hình dạng như một chiếc lưới mèo (hay lưới «ma le» tùy-ý bạn). Có thứ phim trước khi vô hộp đựng nên lấy kéo cắt thành một chút nhọn cho dễ nhét. Cố nhiên đuôi phim luôn luôn bằng.

Nếu bạn có ý tò-mò đây là cách vào phim cho một máy Arriflex :

Xem kỹ thứ phim mình phải xài (ăn mau hay ăn chậm, bao ngày hay bao đêm, chụp đèn hay ánh mặt trời... cắt to hay cắt nhỏ v.v...) đem vào phòng tối. Mở băng nhựa ra. Xé bọc giấy «bạc». Nếu có quạt máy nên hong trước gió một vài phút cho hơi nước tan đi. Lấy móng tay gỡ mảnh giấy keo ở đầu phim. Nếu chưa thành hình lưới

mèo, đem kéo rêu hai mép phim cho nó trở thành một cái lưới mèo dài độ 10 phân.

Đoạn bạn mở nắp hộp, bỏ cuộn phim vào khoang bên trái xâu cái lưới mèo qua cái lỗ của khoang bên trái, kéo ra một đoạn độ 20 phân, và theo chiều ngược lại kim đồng hồ, xâu vào lỗ của khoang bên phải. Bạn lấy tay lần lần cái trục cuộn để cho phim đi tới. Cứ mỗi cái lần, phim bên khoang tay trái ra chừng nào thì lại chui vào khoang bên tay mặt chừng ấy. Công dụng của lưới mèo là để cho phim khỏi vương vào các mép lỗ xâu ra và lỗ xâu vào. Lưới mèo cuối cùng được kẹp vào cái lõi của trục cuộn, gài chắc bằng một cái que bật.

Bạn đây nắp hộp lại và để ý đừng cho mép nắp kênh lên mép hộp. Bạn làm xong nên nắm cái núm trục cuộn xoay vài ba lần cho vững bụng.

Hộp đây xong, sẽ để lòi ra ngoài một vòng phim dài độ 20 phân, đoạn phim này, một khi hộp phim sống được lắp vào máy, sẽ gài vào đòn ngang kéo phim và thừa trữ cho phim để chạy.

★ CẦN THẬN

Trước khi từ giả phòng trọ để tìm khách sạn khác, người thuê phòng nói với ông chủ :

— Ông cần-thận treo đủ thứ bảng nhắc nhở khách hàng nhưng có điều ông quên...

— Điều gì ? Thưa ông ?

— Tấm bảng để gần giường : COI CHỪNG RỆP !

L. H.

— Trong phòng tối của bạn sao khó thở quá ! Nhưng mát thật !

— Chưa quen đó thôi bạn ! Các thứ phim phải giữ trong khí trời nóng đến 18 độ là cùng.

Bây giờ chúng ta xem bác thợ quay lắp phim vào máy ! Bạn có thấy bác bấm cái nút xanh phía sau máy không. Đó là cái bấm nhỏ rắng. Bác đang mở nắp hộp khủ-tiếng ; bác xoay cái nắp của nôi chụp, thò hai ngón tay vặn nút để dứt hộp phim vào lưng máy. Cái vòng thừa của phim nằm gọn vào nôi chụp. Cái đòn ngang kéo phim như cái xà-mâu của Trương-Phi. Bác ta ấn vào một chiếc lưới gà, cánh « cửa sổ » mở, bác đặt phim trước cửa sổ, lờ lờ cho đòn ngang xâu qua một lỗ, để thừa một vòng độ 2 phân phía trên cửa sổ rồi đóng cửa lại. Bác bấm nút điện đồ cho máy chạy, phim theo đòn ngang đây đưa xuống đều. Xong, bác gài nắp nôi chụp, đóng chặt hộp khủ tiếng (blimp). Phim đã lắp xong. Bây giờ chuẩn bị để chụp.

(Còn nữa)

SÂN KHẤU CẢI-LƯƠNG

ĐÃ ĐƯỢC 41 TUỔI

(Tiếp theo P. T. số 1)



HẮC đến lịch-sử cải-lương, ta không thể quên Thầy Năm Tú ở tại Mỹ-tho.

Thầy Năm Tú là người có công gây dựng một sân khấu cải lương, bằng cách bày ra lối chùng « tableau vivant » trước khi hát, làm cho sân khấu chẳng những được « xôm » mà khán giả cũng bắt nồn nao chờ đợi...

Vì thế, tuy Thầy Năm Tú lập gánh sau THẦY THẬN, CÓ TỬ SỰ (Đồng bào Nam) ông HAI CU (Nam Đồng Ban) và cùng một lượt với Bác-sĩ Minh (Tân phước Nam), thầy BẢY SỐ (Sĩ Đồng Ban), Bà Huyền Xà (Kỳ Lân Ban) nhưng đồng bào miền Nam biết thầy Năm Tú nhiều

hơn và danh tiếng THẦY NĂM mãi đến bây giờ đồng bào miền Nam vẫn còn nhớ. Cái đĩa hát cách hai mươi mấy năm về trước, trước khi ca hát, cũng đều « rè rè » giới thiệu THẦY NĂM TỬ với « chư vị khán quan, thính giả ». Ngoài ra, Thầy Năm Tú còn là người đầu tiên

xây cất một hí viện, lòng lấy tối tân nhất ở Định-trương. Gần ba mươi năm trước, khi ông kỹ sư Phan - hiên - Kinh chưa cất rạp Nguyễn-văn-Hào, rạp Thầy Năm Tú ở tại Mỹ-tho chỉ thua Nhà hát Tây Saigon mà thôi. Là người trong điệu nghệ lại có óc cầu tiến, có nhiều sáng kiến, Thầy Năm Tú có thể nói là một trong những người thợ đầu tiên đã dày công xây dựng « tòa nhà cải lương Nam-phần » vậy !

★ CẢI-LƯƠNG ĐUỖM MÀU ÁI-QUỐC

Ta đã biết sơ qua thời kỳ phôi thai của cải lương xứ này rồi, chúng ta muốn tìm biết ông TỔ cải - lương là ai, chúng ta cần phải sống lùi lại dĩ vãng.

80 năm trước, hay trong vòng 100 năm trở lại, lúc Pháp quân xâm lăng nước Việt thân yêu lần thứ nhất, tiền nhân ta đã anh dũng chiến đấu. Dầu chung cuộc, tâm lòng ái quốc nổi sôi không thể chống ngán được vô khi tối tăm của lũ người Tây-phương, tiền nhân ta vẫn

NGUYỄN-ANG-CA



**2 kịch sĩ trên phong khê tiếng trong giới cải lương :
BÁY NGỌC và NĂM CHÂU**

anh dũng chiến đấu, hoặc đười
bóng cờ Cần-vương, hoặc vào
tận rừng sâu mưu cuộc kháng
chiến trường kỳ.

Nhiều vị anh hùng dân tộc đã
lấy máu xương tô thắm sử xanh!

Nhiều người bị lưu đày, lia
làng nước, sống kiếp tha hương.

Trong lớp người phải lia xa
chốn chôn nhau cắt rốn, có
nhiều cụ đồ khăn gói lên vai,
« bị bắt buộc Nam tiến », hay
« đi cư vào Nam ».

Phải xa xứ sở, sống chật vật
nơi xứ lạ quê người, nhưng mà
những tấm lòng yêu nước ấy
vẫn nặng lòng yêu đất Tổ, canh
cánh bên lòng mỗi hận vong
quốc, tán gia.

**Nhìn trăng, thẹn với trăng !
Nhìn đèn, tủi cùng đèn !**

Họ cũng muốn liêu chết với
giặc, nhưng nhìn bại tay gầy,
yếu trong cảnh thế cô, lực kiệt,
họ chỉ chép miệng, thở than.
Đề an ủi, họ mới mượn tiếng-

hát, câu ca mà trang trải nỗi
lòng... mất nước.

Có khi họ tưởng tượng mình
như dân tộc Chiêm-thành đang
khóc nỗi nhục nước, có khi họ
tự thân số kiếp truân chuyên...
Chính họ là tác giả bản « Nam
ai » buồn rữ rượi, « Tứ Đại »
chán chường qua hình ảnh của
một chàng Bùi-Kiệm thi rớt trở
về v...v..., đề nghêu ngao dưới
ánh trăng thanh, cạnh bàn rượu
cùng vài người tri kỷ, chung
một tâm sự, nỗi niềm...

Đêm nay có trăng không ?

Thì ta cứ tưởng tượng rằng
đêm nay trăng sáng lắm và kia
dưới ánh trăng thanh, các cụ vừa
đờn vừa ca « Nam ai », lời rằng :

**Tay dựng chiếu chỉ ra đề cò,
Tứ chàng đi bặt tin đợi chờ,
Như hồng nhận kêu sương, sông
Hán bơ vơ.**

**Nào nùng tiếng ngân gờ
Trách bấy ông tơ, bơ vơ mỗi tình.
Vấn vương đề... như tóc như tơ.
(như khóc như mơ ?)**

Chao ôi ! Sao mà buồn não
nuột vậy ! Tâm sự... « Kể ra đi ».
« ra đi không hẹn ngày về », ra
đi mà quanh quẽ như « hồng
nhận kêu sương trên sông Hán
bơ vơ » thật là cả một tiếng kêu
thương ai oán !

Có nhiều cụ xúc động quá,
khóc lên rưng rức. Phải chăng
cụ nhớ cụ bà, nhớ lũy tre xanh,
nhớ đôi trâu xám, hay dạt-dào
nhớ Đức Vua Hàm-Nghi, nhớ
kinh-đô Huế, nhớ hồ tương
Phan-đình-Phùng ?

**Cụ khóc đang rớt nước mắt,
lại phá lên cười ròn, phải chăng
cụ cười lũ Việt-gian vô-tâm bán
nước, hay cười tình đời đen bạc,
đổi thay ?**

Cười cho đã, rồi cụ lại uống
cạn ly rượu nồng, ôm đàn khảy
bản LƯU THỦY ĐĂNG. Cụ khác
cao hứng cất giọng ca vang :

**Ngày từ nay đợi trông,
Tôi với mình là người bạn xưa.
Sao có sao con bạn lia tôi ?
Mấy ngày rày trông hoai không thấy
Đó còn đó sao lại ngóng trông ?**

Cụ khác, la to lên :

— Sao lại buồn ? Sao lại bi
quan, yếm thế ? Ta phải vui lên
để tin tưởng chứ !

Đành rằng Phan-đình-Phùng,
Đề - Thám thất bại. Đức vua
Thành-Thái, Duy-Tân không gặp
thời. Ta cũng còn hy vọng vào
biết bao nhiêu nhà chí sĩ khác.
Trong nhân dân còn biết bao vị
anh hùng chưa gặp vận ? Ta hãy
chờ họ... và sẽ toại nguyện nhắm
mắt khi nào giặc Pháp thoái
quân. Ta hãy vui lên ! Vui lên
chờ ngày hoan hô những vị cứu
quốc anh hùng !

Nói xong, cụ ôm đờn vừa đờn
vừa hát bản BÌNH BÁN VẤN :

**Vui mừng vui khoái vui
Khoái vui mừng rất đổi khoái vui.
Mừng vui khoái vui, vui mừng
Ngày mừng vui rất đổi khoái vui.**



Như vậy, các khúc OÁN, BẮC,
XUÂN, AI, đã có từ độ ấy, và



Cô **BẢY NGỌC** tức Cô **BẢY VĨNH-LONG** trong những cô đào cải lương đầu tiên của sân khấu xứ này (Hiện còn sống, đã ngoài 50 tuổi).

chính những người yêu nước trong các tầng lớp nhân-dân Việt-Nam cam chịu cảnh sa cơ thất thế, là tác giả. Ta không thể biết rõ cá nhân nào soạn ra bản nào, nhưng cần gì điều đó, ta có thể nói là «những tấm lòng ái quốc» hợp soạn hay nhân dân Việt-Nam là tác giả.

Bà Bảy Ngọc, hay Bà Bảy Vĩnh-Long (ngoài 50 tuổi, hiện còn sống) là nữ nghệ sĩ cổ điển Việt-Nam đầu tiên và trước nhất hát những bài bản trên, hoặc trong các buổi họp mặt cổ đờn ca, hoặc trên sân khấu và luôn cả lúc «CA RA BỎ» (Ca ra bỏ là như thế nào? Bạn sẽ được biết rõ ở các số báo sau).

Nhưng....

Ông Tô Cải-lương là ai?

(Còn tiếp)

★ HỈ MŨI.

Dân chúng Anh Quốc ai nấy đều yêu kính Nữ Hoàng Elizabeth rất mực — Bởi thế các nhà sản xuất khăn «mù xoa» bèn nghĩ ra 1 cách bán cho chạy hàng, họ cho in hình Nữ Hoàng Elizabeth lên khăn «mù xoa». Lập tức ông B) Trưởng Anh Sir Dudley Colles liền ra lệnh cấm bán những khăn «mù xoa» đó, Ông viện lẽ «Người Anh không nên hi mũi vào mặt vị Nữ Hoàng Để yêu kính của mình».

★ CON RUỒI BIẾU KHÔNG.

KHÁCH: Một tô hủ tíu mà chú tính 10\$ sao? Chú không thấy 2 con ruồi chết trong đó hả?

CHỦ: À cái này, hai con ruồi cái ngộ không tính tiền đó!!!

Q. B. và Ba.Tèo



DỊCH RA VIỆT-VĂN
VI-HUYỀN-ĐẮC



TIỂU-THUYẾT TRUNG-HOÀ
của TỪ-VU

Hồi đó, trước khi công-
phá Trân-châu-cảng,
quân Nhật đã chiếm-
lĩnh Thượng - Hải
trừ mấy tô-giới của
Anh, Pháp. Thượng
Hải trong lúc đó ở vào cái thế
« cô-đảo », mấy anh em chúng tôi
cơ hồ như bị cách-biệt hẳn với
nước Trưng-Hoa vậy.

Trong lúc ấy, các tô-giới lâm
vào một tình trạng cực-kỳ hỗn-
loạn. Phần đông các báo chí đều
phải thuê một người Mỹ đứng ra
làm một thứ bình-phong. Dần
dần, các báo chí trở thành một
thứ xí-nghiệp của người Mỹ, xí-
nghiệp đó chuyên việc tuyên-
truyền phản Nhật. Nguyên-do,
Anh và Pháp còn đứng trung-lập,
không ai dám dùng người Anh
hay người Pháp vì có nhiều sự
bất-tiện, bởi vậy, cái bình-phong
người Mỹ thiệt là một diệu-sách.
Mấy người Mỹ làm « người rom »
đó, chỉ cho mượn có cái danh-
nghĩa thôi, họ chẳng phải tốn một
tí công phu nào mà hưởng một
số thù-lao khá lớn. Việc này thế
tất đã nghiêm-nhiên biến thành
một thứ « bán buôn » trá-hình,
dẫu rằng nó cũng khá mạo-hiềm
đấy.

Về phía người Nhật, họ thừa
hiểu rằng tất cả báo chí đều theo
đuôi một mục-dịch chống đối lại
họ, nhưng, ngoài những việc bắt-
cóc hay ám-sát, họ đành chịu,
không thể dùng võ-lực uy-hiếp
được. Cũng trong thời-kỳ đó,

đặc-vụ của họ, với bọn Hán-gian
làm tay sai, hết sức hoạt-động
trong các tô-giới, cho nên những
vụ bắt cóc và ám-sát xảy ra luôn
luôn. Ngoài ra, bọn Hán-gian
rất đòi đặc-sách vì được quân
địch trọng-dụng. Lũ này sống trà-
trộn trong dân-gian, mỗi ngày
mỗi đông, nên kẻ lương thiện
sống trong sự lo-lắng, sợ-hãi.
Nhân có mặt-vụ, bọn Hán-gian
tha hồ mà tầm hoan, tác-lạc ;
những trà-lâu, tửu-quán, sòng
bạc, tiệm nhảy mọc ra như nấm
và vô cùng phát-đạt. Trên thị-
trường, những nơi mua vui nói
trên đây cũng trở thành một thứ
buôn-bán biến-hình.

Trong thời-kỳ đó, ngoài những
bài báo có tính-chất kháng Nhật
mà tôi gửi đang ở các báo chí,
với một bút-danh khác, tôi cũng
có cho xuất bản những tập-san
nhỏ nhỏ. Mấy tập-san này không
đả-động tới chính-trị, nó lại
không ăn-nắp sau cái bình-phong
người Mỹ, tôi chỉ dùng một lối
văn trào-lộng đề-chế-diệu, đề
mĩa-mại bọn quân-nhân Nhật cùng
những lũ Hán-gian. Cố nhiên là
tất cả bọn đó thâm-oán tôi tới
xương tủy. Với cái đặc-điểm
lãnh-phúng, nhiệt-trào đó, những
tập-san nhỏ của tôi được
người trong nước nhiệt-liệt hoan-
ngênh. Người gửi bài tới cho
chúng tôi cũng khá đông.

Một lần nọ, một bạn ký tên là
La-hình-Lụy gửi tới cho tôi một
bản-cáo với cái đề mục « Từ Bắc-
bình tới Nam-kinh » nội-dung
miêu-tả tất cả những cái mất

thấy, tai nghe ; lời văn trôi chảy
nhưng luận-điều có vẻ khá kịch-
liệt, vì thế, tôi có đôi phần lo-
ngại cho số-phận của những tập-
san của tôi, nên tôi đã tự-ý sửa-
chữa gọt bớt đi cho lời lẽ nhẹ-
nhàng hơn. Đáng lý làm việc đó,
tôi phải được sự thỏa-thuận của
tác-giả, nhưng thời giờ eo-hẹp,
tôi đành cứ cho xuất-bản. Sau.

long-lanh sáng và luôn-luôn giao-
động ; đôi môi cực dày và trong
khí đàm-đạo y thường hay đề lộ
về tươi-cười với hai hàm răng
trắng bóng ; tóc y rất rậm và rất
đen.

Chúng tôi chuyện-văn với nhau
tới hàng giờ đồng-hồ. Bây giờ thì
y đã thê-tinh cho tôi và có hứa
mỗi kỳ sẽ gửi bài cho tôi. Sau đó,



tôi đem số tiền
thù-lao đề trả y, y
lại có nhã ý mời
tôi đi ăn cơm. Tuy
không muốn nhận
lời, nhưng tôi
không đành tâm
từ-khước. Chúng
tôi dắt nhau tới
ăn một tiệm Tứ
Xuân. Trong bữa
ăn, chúng tôi đã

La-hình-Lụy có biên thư trách tôi.
Tôi không thể nào dám bộc lộ hết
lý do trên một bức đáp-thư, vì
vậy, tôi có ước hẹn với y đề cùng
y diện-đàm.

Đây là lần đầu tiên tôi gặp La-
hình-Lụy.

La hình-Lụy là một thanh niên
vào trạc hai-mươi-ba, hai-mươi-
tuổi, người hơi lùn nhưng đậm-
đạp, da mặt đen sạm, hai mắt

nói với nhau rất nhiều về nội-
dung của tập-san, cùng là về
điện-ảnh, về vũ-trường hiện thời.
Tuyệt nhiên y không nói cho tôi
rõ chức-nghiệp của y và công-
việc y đương làm, y chỉ nói tới
những điều mà tôi đã đọc qua
trên bản-cáo của y gửi cho tôi.

Một lần khác, tôi lại mời y đi
ăn cơm, thế rồi, thường thường
y lui tới thăm tôi, hoặc đề đưa

bàn-cáo, hoặc để đàm-đạo, và có lần chúng tôi cùng nhau đi khiêu-vũ, hay đi coi hát.

Nói tóm lại, La-hình-Lụy là một người thanh-niên hoạt-bát, khỏe mạnh. Y có một sức sống rất sung bát. Tôi lấy làm thú-vị mỗi khi gặp mặt y, bất cứ đề chuyện-văn hay đề tác-lạc.

Vào hồi đó, tôi mới ngoài ba mươi, chưa vợ con gì cả, nhưng tôi đã có một ý-trung-nhân. Người đó là một vũ-nữ ở một vũ-trường nhỏ, trên Đại-lộ. Nàng tên là Đinh-my-Quyền. Thiên tình là Đinh-my-Quyền. Thiên tình của hai chúng tôi đã được vừa chín thặng tròn. Chúng tôi cũng đã từng đã-động đến câu chuyện trăm năm. Chúng tôi cũng đã từng bàn-bạc với nhau đề thiết-kế ra hậu-phương chung sống. Mỗi tuần lễ, chúng tôi thường gặp mặt nhau, một, hai lần. Hiện-thời, nàng trọ ở một nơi công-ngụ ở Ngụ-viên-lộ. Nơi này cũng khá phụng-quang, tĩnh-mịch. Mỗi lần định hội diện, tôi thường dùng điện-thoại để ước-hẹn với nàng và ít khi, tôi đến vũ-trường để tìm nàng. Bởi vậy, các bạn bè của nàng cũng như bạn bè của tôi, không ai rõ chúng tôi yêu nhau.

Thế rồi, có một tối kia, tôi cùng La-hình-Lụy đến vũ-trường ở Đại-lộ. Y nhảy với một vũ-nữ tên là Sử-bình-mỹ, còn tôi, đương-nhiên, tôi nhảy với Đinh-my-Quyền. Tuy vậy, tôi vẫn không nói cho La-hình-Lụy rõ sự quan hệ giữa tôi với Đinh-my-Quyền. Sau cuộc



khiêu-vũ, tôi cũng chẳng hề nghĩ tới các việc vừa nói trên đây nữa.

Cách đó chừng ba bốn hôm, lại chơi nhà Đinh-my-Quyền, đột nhiên, tôi trông thấy trên bàn có mấy tấm ảnh trong đó có nàng đứng với La-hình-Lụy. Tôi liền hỏi:

— Á, anh ta đã đến tìm em đi chơi đấy hay sao ?

— Đúng, anh ấy có đánh điện-thoại mời em cùng đi chơi với anh ấy và một lũ bạn của anh ấy, chúng tôi đi chơi với nhau suốt cả một ngày trời.

Chẳng qua, một việc như vậy, xưa nay rất đời là thường, đối với một người vũ-nữ, tôi cũng chẳng đề ý.

Nhưng mấy ngày sau, một hôm, gần tới trưa, bỗng nhiên Đinh-my-Quyền gọi điện-thoại cho tôi biết nàng có việc cần muốn nói chuyện với tôi, nhân tiện, nàng mời tôi đến ăn cơm trưa. Tôi đoán

hoài không ra việc cần đó là việc gì, mà, thời thường, vào lúc trưa, chính là lúc nàng còn ngủ để lấy sức, tôi đi làm. Nghe qua ống điện-thoại, tôi nhận thấy giọng nói của nàng thiếu hẳn bình-tĩnh, tôi liền hốt hoảng đến nhà nàng.

Bước chân qua ngưỡng cửa, quả tình, tôi nhận thấy ngay có cái gì khác thường. Đinh-my-Quyền, đầu chưa gỡ, mặt chưa xoa phấn, đang ngồi sửa móng tay ở ghế sô-pha. Cơ chừng nàng đã nghe rõ tiếng chân tôi bước vào phòng mà nàng cũng chẳng buồn quay đầu lại. Tôi hỏi:

— Thế nào ? Sao hôm nay em dậy sớm thế ?

— Suốt đêm, em có ngủ đâu mà dậy... Nàng vẫn đánh móng tay như thường.

— Mà, việc gì thế hả em ?

— Em nghĩ đi, nghĩ lại mãi, chẳng nào cũng phải nói cho anh rõ... nếu em không nói, anh sẽ giận em, oán em.

— Nhưng việc gì mới được kia chứ ?? Tôi nói xong liền ngồi xuống bên cạnh nàng và nói tiếp:

— Quái, việc gì mà em phải dẫn-đo như vậy kia !

My-Quyền tưởng chừng như tôi sắp sửa ôm lấy nàng, hôn nàng, nên, đột-nhiên, nàng bỗng đứng vọt lên, ném con dao gọt móng tay xuống ghế, rồi quay lưng đi ra xa chỗ tôi ngồi ; nàng vừa đi, vừa nói:

— Tôi biết nói thế nào bây giờ ?

— Không sao đâu, có việc gì em cứ thật tình nói cho anh rõ, anh không trách gì em đâu.

— Thật không ?

Nàng bỗng quay người lại, nhìn tôi, nói tiếp:

— Thật thế không ?

— Thật thế chứ lại.

Và tôi nửa đùa, nửa thật bào nàng rằng:

— Anh nói thật, giả sử, em cứ nói cho anh hay, em không yêu anh nữa và em đã yêu một người khác đi chẳng nữa, anh xin lập tức từ-giã em, anh đi ngay.

— Sao lại đi ngay ? Đi ngay là thế nào ?

— Ờ kia, em không yêu anh nữa thì anh còn ở đây làm gì ?

— Ô, thế chúng ta không thể, cứ là một đôi bằng-hữu hay sao ?

— Nếu anh không làm, em đã yêu một người khác thật rồi hay sao ?

— Thật đấy anh ạ !

Nàng cúi đầu, rồi nói một cách quả-quyết:

— Vâng, em đã yêu một người bạn của anh.

— Bạn của anh ? ai ? người nào ?

— Cái anh La hình-Lụy, ấy.

— Em có nói đùa hay không đấy ? La hình-Lụy là bạn của anh cơ mà !

Tuy tôi nói một cách mát-mẽ như thế, nhưng trong lòng tôi,

đột khởi lên bao nỗi oán-hận, căm-tức.

Nàng nói tiếp:

— Đêm hôm qua anh ấy ở đây.

Lúc ấy tôi đã thấy nóng tiết quá, không còn muốn nói gì nữa. Mắt cả tự chủ, tôi rút chiếc gối tựa ở sau lưng, giờ nó lên, ném thẳng vào mặt nàng, và nói:

— Đồ khốn-kiếp!

Thốt ra xong mấy tiếng đó, tôi muốn xông thẳng ra cửa để đi cho khuất mắt, nhưng quá tình, tâm-cảnh tôi lúc ấy, cực-kỳ là phức-tạp. Một đằng, tôi cảm thấy vừa tức-bực, vừa thất vọng; một đằng khác, tôi tự nhận thấy cái thái-độ của tôi có đôi phần khiếm-nhã. Bởi vậy, tôi vừa mở cửa phòng, vừa nói:

— Tôi vẫn tưởng cái cuộc ái-ân của chúng ta là một cái gì....

Nói tới đó, cổ họng tôi như bị nghẹn-tắc và hai hàng nước mắt của tôi ở đâu cứ trào ra, không sao ngăn lại được.

Đình-mỵ-Quyền thấy vậy, hình như không đành lòng để cho tôi đi thẳng như thế, nàng chạy lại nắm lấy áo tôi để lôi lại và bảo:

— Nhưng mà, em mời anh lại để soi com kia mà, anh hãy ở lại ăn xong hãy về.

Tôi cảm thấy rằng, dẫu sao, nàng cũng chưa bày tỏ với tôi hết cả khúc nôi, tôi cần phải hiểu thêm, biết hơn nữa. Nàng từ từ lấy khăn tay chấm mắt, tỏ vẻ còn

có nhiều điều phải nói với tôi một cách chậm rãi, minh-bạch hơn.

Tôi thấy tôi không thể không ở lại với nàng và tôi hy-vọng tranh-đoạt lại cảm-tình của nàng. Tôi liền bước theo nàng đến chỗ ghé sô-pha và ngồi xuống.

Chúng tôi từ tốn chuyện-văn với nhau. Tôi có ý suy-tưởng rằng, có thể, đêm qua, nàng đã bị La-hình-Lụy mê hoặc trong lúc quá chén. Nếu vậy, bao nhiêu tội lỗi đều do La-hình-Lụy gây nên, nàng đã vì nông nổi mà bị lôi cuốn đi chăng.

Nhưng, trái lại, nàng nhất quyết bào chữa cho La-hình-Lụy. Nàng cũng không chịu thừa nhận rằng nàng đã quá ư hồ-đồ, và nàng không hề bị cưỡng-bách hay mê-hoặc. Nàng nói trắng ra rằng nàng thực tâm yêu anh ta. Nàng lại bào, cái tình-yêu của nàng đối với La-hình-Lụy khác hẳn tình-yêu của nàng đối với tôi. Quả thiệt, đối với tôi, nàng đã kính ái tôi, mà, đối với La-hình-Lụy, đó mới thiệt là một mối chung-tình. Nàng nhận thấy rõ như vậy. Vậy, từ nay nàng xin vẫn cứ chân-thành kính, ái tôi như một vị sư-hữu, và nói cho tôi rõ, nàng không hề kể cho La-hình-Lụy biết sự quan-hệ giữa nàng với tôi, trước đây. Nàng e rằng nếu nàng nói ra thì trê-tất, La-hình-Lụy sẽ khước-nàng. Sau này đi nữa, nàng cũng cứ giữ kín việc đó. Trái lại, nàng sẽ không dám giấu giếm tôi một tý, một ly gì, vì, tôi đối với nàng thiệt không khác gì một vị thần-linh mà nàng

tôn-thờ. Còn nàng với La-hình-Lụy thì khác hẳn, nàng với y thiệt là bình-đẳng. Nói tóm lại, nàng là vật chiếm-hữu của tôi trên tinh-thần thượng, còn La hình-Lụy tức là vật chiếm-hữu của nàng vậy.

Chung quy, Mỵ-Quyền đã yêu La-hình-Lụy và đang tâm dứt mối tình của tôi với nàng. Nàng muốn giải-thích làm sao đi nữa thì đó chỉ là lời nói suông cho qua chuyện và để lấy lòng tôi mà thôi.

Ừ thì nàng khóc-lóc, nàng dùng

rất nhiều nước mắt để an-ủi tôi nhưng ngần ấy nhân-lệ không thể nào xoa dịu được nỗi vết thương của lòng tôi.

Ngồi vào bàn ăn, tôi chỉ húp có một ít nước canh cho đỡ ráo cổ. Tôi cũng chẳng muốn thốt ra một lời nào nữa. Xong bữa, tôi vội vàng cáo-từ nàng. Tuy nàng có ân-cần nhủ tôi thỉnh-thoảng lại thăm nàng, nhưng tôi biết, không đời nào, tôi lui tới nhà nàng nữa!

(Còn tiếp)

* GIỚI NHỎ:

Một anh nọ tỏ ra mình sành chữ nhỏ lắm. Hôm ấy, có người nhờ anh giải nghĩa hộ hai chữ «Thương-Gia». Anh liền nhanh nhẩu trả lời:

— Có khó gì! Này, thương là nhà thương, còn gia là nhà. Thương gia nghĩa là nhà thương, có thể mà cũng chả hiểu!

TÔ-KIỆU-PHƯƠNG

* KHEN LẪN NHAU.

Độc giả khen Thi Sĩ: — Ô Thi sĩ! tôi xin có lời khen bài thơ ông đăng trong báo kỳ rồi! Ông quả thật là nhà Thơ hay nhất của Việt-Nam!

Thi Sĩ: (cảm động): — Tôi cũng xin có lời khen ông. Ông là người độc-giả thông-minh nhất của xứ ta!...

* CON MẮT CỦA GINA LOLLOBRIGIDA.

— Hồi mới phát minh ra lối chiếu phim trên màn ảnh Đại Vĩ Tuyến, tại trước cửa rạp xi-nê Fairy (bên Luân đôn) người ta đã đọc thấy một tấm Quảng cáo giật gân như sau đây: «Bạn hãy mua vé ngay vào xem Gina Lollobrigida trên màn ảnh Đại Vĩ-tuyến: Ngực 6 thước, eo 3 thước rưỡi, mông 6 thước... mỗi khi cười cặp môi dài 1 thước!» Trên tấm quảng cáo không thấy nói đến con mắt nhưng của Gina, nhưng ta cứ tính theo tỷ lệ trên thì mắt nàng phải dài đến 1 thước, và mỗi cái lông mi dài 80 phân! eo ơi! khiếp!

Q. B.

SHAKESPEARE

ĐẠI KỊCH SĨ ANH



TẠ - KÝ

(Tiếp theo và hết)

rõ ràng tư tưởng của tác giả: « Con người sống theo một định mệnh khe-khắc và hết sức cố gắng chống lại sự an bài của con tạo ». Giá trị nhân bản có lẽ ở điểm này.

Macbeth là tác phẩm ngắn nhất của Shakespeare. Chúng ta có thể cho đó là kịch bản hay nhất không? Không có thể, vì đó chỉ là một cái mốc

trên con đường phát triển tài năng của ông. Macbeth chỉ ghi lại những vấn đề nhân sinh đầy bi quan và đau khổ. Sau Macbeth, kịch bản của Shakespeare dần dần tìm lại được nguồn trong sáng cũ: The tempest (giông tố) và The Winter's Tale (câu chuyện mùa Đông).

Như thế, ta thấy Macbeth đánh dấu một khúc quanh trong tư tưởng tác giả: một sự bi quan trầm trọng nhưng chóng qua vì sau Macbeth, tác phẩm của ông bằng bạc một triết lý trong sáng, đầy tin tưởng vào thiên nhiên.

I. - Địa-vị của kịch Macbeth trong tác-phẩm của Shakespeare.

Mọi người đều đồng ý rằng kịch Macbeth trình diễn lần đầu tiên vào năm 1606 nhưng đó chỉ là niên biểu phỏng chừng thôi vì trước 1623 chưa có vở kịch nào của ông được in ra cả.

Lúc Shakespeare 42 tuổi mới viết các vở Julius Ceasar, Hamlet, Othello và Lear và bốn tác phẩm này nói lên nỗi đau đớn của tác giả về việc ông bỏ mắt và về cái chết thảm khốc của Essex, bạn thân của Shakespeare. Trong các tác phẩm kể trên, người đọc thấy

II. - Nhân vật chính: Macbeth và Lady Macbeth.

Sự khủng hoảng tinh thần của hai nhân vật này sau khi phạm tội ác là điểm gặp gỡ chung ủa họ. Nhưng với Macbeth thì ban đầu ông là người mơ mộng và đa cảm rồi sau hóa ra kẻ sát nhân vô liêm sỉ.

Lady Macbeth là người khác danh vọng, xúi chồng phạm tội thí-nghịch.

Việc giết Duncan là kết quả của một lòng tham vô lượng và tình yêu thương của hai vợ chồng (vì thương yêu mà vợ mong cho chồng đạt được tuyệt đích danh vọng và chồng giết vua để làm hài lòng vợ) nhưng chung cục vì đó mà hai người xa nhau dần.

a) Lady Macbeth. — Trước nhất là người đầy Tham Vọng. Chính sự tham vọng này (giàu sang, chức tước) mà Kiêu đã giết Từ Hải:

« Bã nay chịu tiếng Vương thân
Thênh thênh đường cái thanh vân
hẹp gi ».

Nhưng Kiêu vô tình mà giết chồng và Kiêu hơn Lady Macbeth ở điểm: khuyên Từ cải tà quy chánh, còn Lady Macbeth khuyên chồng bỏ nghĩa vua tối!

Lady Macbeth còn là người không biết xúc động. Sau khi giết vua, bà ta còn sáng suốt, bình tĩnh bày mưu cho chồng bôi máu

vào hai tên lính hầu đang ngủ để đánh lạc dư luận! Rồi thân nhiên bảo chồng.

« Retire we to our chamber
A little water clears us of this deed »

(Chúng mình hãy đi về phòng, một tí nước đủ rửa sạch hành vi này).

b) Macbeth. Một số người cho rằng Macbeth là nạn nhân của một ĐỊNH MỆNH khe-khắc; những lời tiên đoán của ba phù thủy (xin xem Phở Thông số 1) và một số khác bảo Macbeth là một người điên hoặc bị Ảo-giác ám ảnh. Thực ra Macbeth chỉ là con người có nhiều đức tính và khuyết điểm của một con người. Macbeth Can Đảm và có ý thức về Danh Dự. Duncan đã khen ngợi Macbeth về điểm đó:

« O worthiest Cousin
My peerless kindman »

(A người anh em họ dũng cảm của ta, người bà con không ai sánh kịp).

Khi những tư tưởng hắc ám xuất-hiện, ông đã sợ tội-lỗi: « My thought, whose murder yet is but Jantastical, whose horrid image doth unfix my hair ». (Sự sát nhân chỉ mới là một thoáng hiện trong tư tưởng tôi mà hình ảnh gớm ghiếc đã làm dựng tóc gáy).

Chẳng qua Macbeth bị vợ xúi giục và tin quyết vào lời tiên tri của mấy ả phù thủy mà phạm tội giết vua.

III. — Giá trị luân lý.

a) *Thiện*: Cả vở kịch chỉ là sự tranh chấp gay go giữa tính thiện và ác.

Banco thẳng thắn gạt bỏ những ý tưởng tội lỗi :

... « but still keep, My bosom franchised and allegiance clear » (nhưng ta sẽ luôn giữ một tâm hồn ngay thẳng và lòng trung chính không suy-suyền).

Macduff giết Macbeth không phải vì cố trả thù cho vợ và con mà vì một bổn phận thiêng liêng : giết một đấng hung bạo, vô đạo :

« Front to front,
« Bring thou this friend of
Scotland and myself,

« Within my sword's length
set him, if he's scape

« Heaven forgive him too ! »
(Chạm trán với con quỷ xứ Tô Cách Lan này, nó đứng trước gươm ta đây ; nếu nó trốn được tức trời tha tội nó đây).

Cuối cùng, Lành thắng Dữ : Macbeth bị phanh thây, con vua lại về làm vua.

b) *Mầm ác*. — Hiện thân của tội-lỗi là Lady Macbeth. Bà ta chỉ biết đạt được mục-tiêu đã đặt bất kỳ phải dùng phương tiện gì. Bà ta không biết gì đến luân-lý cả. Những điều mà chồng bà do dự, thắc mắc bà đều coi như không.

c) *Sự tranh chấp giữa thiện và ác*. — Cuộc tranh chấp có vẻ gay go, kịch liệt và tập trung vào một nhân vật : Macbeth ông

ta cảm thấy phạm vào hai điều tặc luân lý khi giết vua :

— Vua thay trời trị dân. Giết vua tức nghịch lại mệnh trời và như thế chắc chắn trời sẽ không dung tha « Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong ». Chính Malcome, con vua Duncan, khi về lại ngôi báu cũng từng nói một câu đầy vẻ thiên-mệnh :

« In the great hand of God
Island »

(Ta đứng vững dưới sự che chở của Thượng đế).

— Sinh mạng con người là vô giá. Mọi vật đều có quyền sống, đó là luật tự nhiên. Giết người tức là phạm vào luật tự nhiên ấy. Người xứng đáng là người không bao giờ đi ngược lại thiên nhiên.

Macbeth đứng giữa hai lực lượng lời cuốn mình. Lực lượng thiện cuối cùng phải thua kém nhưng tất cả giá trị luân lý của vở kịch là : Macbeth có đủ tự do để lựa chọn. Ông ta đã theo con đường tội lỗi vậy chỉ có Chết mới chuộc được việc đã làm.

Ta có thể kết luận rằng Macbeth là bài học rất quý cho ai ham sự giàu sang, danh vọng bằng con đường bất chính và cũng đề cho ta biết dục vọng con người vô bờ bến khiến cho một cá nhân nhúng tay vào máu một cách dễ dàng nhất là dục vọng của Lady Macbeth, của đàn bà !

THANH NHUNG

của

LÂM VỊ THUY

*



THANH NHUNG là bút hiệu của Công-Huyền Tôn Nữ Nha-Trang, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1.941.

Thuở nhỏ, hồi còn kéo dài chuỗi ngày thơ mộng dưới những mái trường tiểu học, Nha-Trang đã sớm tỏ ra một cô bé thông minh, chăm chỉ : năm nào cũng đứng đầu bảng danh dự trong lớp.

Bây giờ THANH NHUNG học Đệ Tam C. trường Trung học Võ-Tánh Nha-Trang ; Khá nhất về hai môn Anh, Việt, các môn kia trên trung bình, duy có Toán hơi sút, chỉ đủ trung bình thôi.

Vốn thuộc giòng Hoàng-phái,

các đấng sinh thành lại là những người ưa văn chương và thường có làm thơ, cô bé của sông Hương, núi Ngự, trưởng thành trên những bãi cát vàng miền biển mặn, dĩ nhiên phải chọn cho mình một thú vui thanh khiết, THANH NHUNG làm thơ.

Đời còn năm dưới bóng rợp bàn tay cha mẹ ; cuộc sống chưa đến lúc phải bưng mắt cúi đầu, nên thơ THANH NHUNG còn mang nhiều dấu hiệu tình cảm hết sức thuần hậu :

*Thơ mình sáng & ngắm sương
Già ta tìm thấy sắc đường mờ xa
Hỏi ấy mây nước bao la
Ngỡ sao nắng thấm nhớ Ba muôn
vân.*

*Đưa bao hoa lệ giấu sang
Người ta xây giấc mộng vàng cho
xinh,*

*Hai bàn tay trắng thư sinh
Sống đời thanh bạch, Ba kính nhọc
nhân*

*Thương đầu con dại hoa măng
Ba che chở áo, nọ nần cũng cam.
Giữa bao ích kỷ thay lam
Chẳng bao giờ thấy Ba làm khổ ai.
Thương con không những đề Tài
Ba còn đi một mai con nhớ.*

Tinh thương Ba rộng vô bờ
Như trăng dương chẳng bao giờ
ngừng trôi
Lòng Ba cao ngút lòng trời
Như non bồng vĩ vạn đời nắng mưa.

Sớm nay con tập làm thơ
Nhờ cơn gió núi dầy đưa về nhà
Qây bên khung cửa dăng Ba,
Rằng : « Lời con gái từ xa gửi về »
Mặt trời chói sáng đồng quê
Trông Ba nhìn nắng là thế, nhẹ

(*Thơ dăng Ba*)

Những hình ảnh, màu sắc, gần
gũi, quen thuộc :

Một chiều xuân lộng gió muôn
phương
Ánh nắng tươi vui trải phố phường
Lặng lẽ, trên đường Thơ đếm bước
Có người theo dõi gót thiên hương.

Tà áo giai nhân tha thướt bay
Ngập ngừng nắng dịu dầm hồn say
Và hoa và lá xôn xao đón
Ý mộng chan hòa cao vút mây.

Khách Mộng Trần-gian lặng ngắm
nàng
Thần thơ theo cánh gió lang thang
Thả vãn thơ thắm như màu áo
Và đẹp như tia nắng óng vàng.

Nắng vẫn diễm nhiên không ngại
ngừng
Tóc thề là lướt sóng to nhưng
Lòng nghe nhẹ nhẹ và xao xuyến
Những cánh hoa thơ vương gót
hồng.

Mây trắng trôi nhanh, nắng ngà chiều
Hoa lòng bừng nở ngát hương yêu
Chiều xuân có những linh hồn đẹp
Say thả hồn thơ mộng diễm hiền.

(*Trên đường thơ*)

Càng lớn, người ta càng dễ có
những nghĩ ngợi, những nỗi buồn
riêng. Song ở hoàn cảnh THANH
NHUNG, mỗi u hoài ấy làm sao mà
rõ rệt, mà phân tích cho được :

Bằng khung mây trắng lướt bay về
Nơi đây xóm vắng nghèo xơ xác
Đọt nắng vàng rơi rụng tóc thề.

Rủ bụi thành kinh giữa một chiều,
Lòng nghe tan biến vung cô liêu ;
Hồn Thơ lạc giữa vùng duyên thăm,
Mộng đẹp về trong xứ lệ kiều.

Nhưng bóng chiều nay thơ cuốn đi.
Mênh mang không biết nhớ thương
gi.

Đem hồn mộng ném trong xao
xuyến.

Nghe tiếng lòng đang khóc biệt ly.
Trên lối đi mòn nắng tái rơi.

Nghe hoa nghe lá khẽ van lời
Bao nhiêu cay đắng và hoang lạnh
Hồn vọng về bên một hướng trời

Thời đã xa rồi ngộ ngầm sương
Áo xanh không ướp ngát muôn
hương

Chiều nay gió trở chiều sao lạnh ?
Thương nhớ theo về với nhớ
thương.

(*Thương nhớ*)

Tuổi mười bảy, đối với người
con gái, cánh cửa đời vừa tầm
tay; hoài nghi, thắc mắc, lo sợ
là dĩ nhiên :

Có những buổi trời nghiêng màu
nắng dịu
Chân ngại ngừng không biết bước
về đâu

Tôi đi qua những lối ngập u sầu
Mà tự hỏi: Đời tươi hay chán nhỉ?
Đi mơ mãi cảnh thần tiên huyền bí
Mộng cho nhiều rồi... mộng ảnh
tan đi

Vấn biết ai khi chớm tuổi dậy thì
Cúng mơ mộng -- nhưng mình mơ
hảo quá !

Đem gởi cả hồn thơ vào xứ lạ
Hái cho lòng hàng vạn cánh hoa say
Không hề ghi những số kiếp dọa đầy
Lòng ngây dại : trần gian bừng
nhạc sống.

Chạm thực tế rồi thôi... Đành vỗ
mộng !
Ngần ngờ lòng nghe gợn sóng nao
nao

Đường trong lai không phải ngộ
hoa đào

Trời thẳng tắp dưới khung trời
xanh nhạt

Mà đá trái bằng chông gai bén sắc
Lối một mờ và chia cách ngàn nơi.
Bước chân ai còn bỡ ngỡ trên đời
Thật lạc bước... khó tìm ra lối thoát.

*

Thế cho nên những chiều êm lặng
ngát

Mắt ngó ngang nhia mấy nẻo
đường đi,
Lòng bàng khuâng không biết nghĩ
suy gì

Chân cứ bước ngập ngừng trên
mọi lối.

Bản khoăn mãi rồi âm thầm tự hỏi :
« Trăm ngã đường ta biết phải về
đâu ? »

(*Về đâu*)

*

Những ngày giao mùa :

Phượng nó thu về em có say
Có vui nhìn mái cánh chim bay
Mà đây, heo hút từng cơn gió
Sương trắng buồm rơi kiếp đóa đầy.

(*Hai hương trời*)

Một đêm trăng ngồi bên gốc
cây đọc thư mẹ, nhớ công ơn
dưỡng dục, sinh thành, những
lời giáo huấn :

Nao nao tóc là trăng thề
Hằng nga mỉm miệng hay mẹ đang
cười

(*Thư về mẹ*)

Một buổi chiều tiễn chị :
Xe đi và chỉ một em về

Mây trắng phương nào trời là thế
Đường im không nắng, hồn hoang
lạnh

Một tấm lòng đau lúc biệt ly.
(*Tiền đưa*)

Sự hôn giãn bạn bè;
Nhưng có ngộ đâu năm tháng qua
Ngõ ngang nghe vỗ cả ngày hoa
Chao ôi ! Bạn hữu ! Người ta chỉ
Cớp của mình bao ý đậm đà

(*Ngỡ ngỡ*)

Tất cả đều là những đề tài
đậm đà, ý-nghị cho nguồn cảm
hứng phong phú của THANH
NHUNG.

Đù THANH-NHUNG hãy còn :
... ngày đại vô tư lắm.

Nhưng THANH-NHUNG cũng
đã có được những vần thơ đẹp
và xuất sắc, tôi tưởng ngay một
số các nhà thơ tên tuổi đi trước
cũng khó mà hơn được :

Người đã đi và tôi ngỡ ngỡ
Chiều lên tề tái nhớ xa mờ
Nhớ nhưng xăm chiêm hồn thơ đại
Mắt mới mòn trông ngắm, vọng chờ.

Ngắm mái u sầu không dám than
Sợ cơn gió nói mách máy ngàn
Mây ngàn khe nhủ người ta biết :
« Có gái kia thương nhớ mộng vàng ».

(*Nén ngắm người*)

Thơ THANH-NHUNG giàu âm
điệu, niêm luật vững, ý thành thực
nhẹ nhàng, lời giản dị, dễ khiến
độc giả có cảm tình, tuy thơ
THANH-NHUNG cũng chẳng có gì
mới lạ, nếu không muốn nói
rằng cũ.

Song THANH-NHUNG còn trẻ.
Sự nghiệp bây giờ chỉ mới là
những bước chân đầu tiên của
người thám hiểm. Sẽ còn nhiều
khám phá, khai thác hay rồi cũng
đến đi vào thờ ơ quên lãng? Có
điều tôi tin chắc là THANH-
NHUNG có tâm hồn, có tài, nhưng
cô nữ Thi-sĩ trẻ tuổi này tiến tới
nữa hay không là còn tùy thuộc
ở khả năng và ý chí của cô.

Gia đình đông em, hoài vọng
của THANH-NHUNG là trở thành
một nữ giáo-sư hay nữ giáo-viên.
làm việc giúp cha mẹ, nuôi 9
em còn dại.

KIÊN TRINH

CỔ VĂN-NGA

BA N đọc thân mến, trong chương II này, tác-giả không ngần-ngại diễn tả những thực-tế xảy ra ở Thôn-quê. Dù rằng những thực-tế ấy biểu lộ tinh thần « mê-tin dị-đoan » của số đông Dân ta, nó vẫn là thực-tế không chối cãi được, nhất là ở các miền thôn-dã.

Quyển truyện này gần như là một tiểu-thuyết sống, và đôi khi bạn đọc sẽ thấy thực-tế còn vượt lên quá tưởng-tượng nữa. Đồng-ý với cô Văn-Nga, tôi xin có mấy lời thưa trước bạn đọc như thế, để riêng trong chương này bạn khỏi cho là lỗi thời một vài nhân-vật và một vài hành-dộng của họ. Sự thực, nó không lỗi thời, vì nó là những chuyện có thật, đã xảy ra trong một dĩ-vãng rất còn gần-gũi với chúng ta. Cô Văn-Nga chỉ viết những điều cô đã thấy và cô đã sống.

— NGUYỄN-VỸ —

(Xem P. T. số 1)

BA tôi mất trong đêm ấy, gia-đình tôi đã sụp đổ cây cột cái, và chúng tôi như một bầy gà con chịu chít bầu vào cánh mẹ, nơm nớp những run sợ trước từng bóng lá chuối lay động mà ngỡ là cánh ó lượn lưng trời.

Anh Khanh năm ấy vừa mười chín, hơn tôi những hai tuổi, nhưng cũng vẫn là một cậu bé con vừa rời khỏi ghế nhà trường, không sành lắm những việc mùa màng, thóc lúa. Anh thường hay ra tỉnh mua các thứ dụng cụ, và mỗi lần vắng anh, không khí buồn thảm trong nhà càng thêm nặng nề hơn.

Một bữa nọ, sau khi đi chợ Rạch giá về, anh Khanh có nhiều

phần tư lự, hay tránh chuyện cùng tôi để ngồi bên góc hè mà tư tưởng đến một cái gì lung lăm vậy. Tôi cố gắng hỏi:

— Bấy lâu nay tôi không thấy anh vui vẻ nữa là tại sao vậy?

— Đâu có gì đâu?

— Có, tôi biết. Sao anh lại giấu tôi?

Tôi phụng phiếu sắp khóc. Anh tôi vội nói:

— Thôi đừng những nhẽo nữa, con gái không nên biết việc này.

— Việc gì dữ vậy. Anh giấu ai chờ giấu em của anh sao?

— Nhưng má nghe má chửi tao.

— Tôi không nói hớ đâu.

Khanh chống cằm suy nghĩ một lát rồi nghiêm giọng khác thường:

— Việc tao nói với mày đây kín lắm, lẽ ra tao không cho mày biết. Nhưng tao không có gan để mày phải khóc tằm tức, bực lòng tao lắm. Tao nói rồi thì mày quên đi nha.

— Ừ, quên liền!

— Mấy kỳ đi chợ vừa rồi tao ra Rạch-giá để mà gặp bạn...

— ...bạn gái?

— Không, mày lại nghĩ bậy nữa, bạn đó là bạn trai.

— Vậy thì làm gì phải giữ kín?

— Thế mà phải kín, hở ra ở tù.

Tôi giật mình, ngờ ngác nhìn anh:

— Mèn ơi, gì mà dữ vậy hen?

— Vì là người ta có chân trong đảng kín.

Thuở nay, ở trong đồng quê, đến những người lớn tuổi hơn tôi nữa cũng không từng nghe nói đến đảng kín bao giờ. Anh ỏi phải cất nghĩa cho tôi:

— Nghĩa là một đảng cách mạng đang ngầm ngầm hoạt động để lật đổ người Pháp cai trị xứ mình. Đảng ấy là Việt-Nam Thanh Niên Ái Quốc, có người vận động ở khắp Nam-Trung-Bắc.

— Thế mình đánh lại Tây không?

— Lại chứ, nước mình mình phải cai trị, sao lại cam tâm làm đầy tớ người. Khắp các nơi, đảng đã có tổ chức người

len lỏi vào nội bộ của chúng rồi. Tao đã nhập đảng và sẽ hoạt động ở quận Giồng Riềng này...

— Chết, ông quận bắt đa. Ông ta lại đang ác cảm với gia đình mình.

Anh Khanh ngồi chống tay vào cằm, lặng nhĩn những vì sao sáng li ti trên nền trời đen thẫm và sau cùng buông lời bảo rằng:

— Tao đã được anh em cất nghĩa cho nhiều việc hay và tao cảm thấy đời tao cũng như tất cả thanh niên trong nước, trong một ngày gần đây, sẽ có nhiều thay đổi.

— Gì giờ cũng không thay thế được hình bóng của ba...

— Đành vậy, nhưng tre tàn măng mọc, không lẽ ngồi khóc mãi để yếu mềm tinh thần bất khuất của thanh niên sao?

Anh em tôi chia tay vào trong nhà ngủ. Đêm ấy tôi trằn trọc mãi vì những lời nói của anh Khanh. Tuy tôi không thể hiểu hết ý nghĩa của nó, nhưng tôi thấy anh Khanh nói phải. Bấy lâu nay, vì tình thương ích kỷ trong gia đình, chúng tôi không thấy rộng hơn ranh đất của mình.

Nhưng việc làm của anh Khanh không phải là không nguy hiểm mà phần đông dân cư ở đồng ruộng hay kinh sợ việc có bót, làng xã, v. v... Biết anh Khanh có giữ được kín không? Rủi re anh bị ở tù thì gia đình

tôi đã tan vỡ rồi lại còn sụp đổ đến đâu nữa?...

Tối lẫn trở mãi không thể nhắm mắt được cho đến đồng hồ trên vách gỗ ba giờ. Tối bỗng nghe có tiếng sột động bên hè. Ngờ ngay là sự bất trắc, tôi vội đánh tiếng hỏi:

— Ai đi đó?

Có tiếng nói khẽ lọt vào bên cửa phòng tôi:

— Tao đây, tao là Ba Chắc ở ngoài chợ Giồng Riềng. Thăng Khanh đâu rồi? Nó đâu kêu dậy mau lên!

Tôi nén ngực, pháp phòng hỏi:

— Việc gì vậy chú Ba?

— Có một xe lính kia tới Giồng Riềng để bắt thăng Khanh. Tụi nó còn kiếm đồ để đi đây, tao hay được nên tức tốc lên đến cho hay trước để mà liệu...

Cả nhà đều thức dậy, tào tác lên như bầy chim vỡ tổ. Khi má tôi biết rõ chuyện, người đứng sững một hồi rồi mếu máo:

— Khanh ơi, mày không thương mồ cha mày, không nghĩ đến anh em mày nên mới gây tai họa tày đình, bây giờ biết liệu làm sao?

Anh tôi nghẹn ngào đứng chúi nước mắt và từ từ đưa tay vuốt đầu đứa em trai út:

— Dù sao nữa, má ơi, tôi cũng đã làm phận sự một thanh niên mất nước.

Tôi liền bảo má tôi:

— Việc gấp một nơi, than thở mãi cũng vô ích. Bây giờ anh Ba phải trốn lên trại ruộng ẩn mặt đi rồi sau sẽ tính.

Má tôi vội kêu người Thổ già thân tín là Tà Mốc chống xuống đưa anh tôi đi. Nửa giờ sau, đồ linh kín mới cặp bến. Người ta đập cửa kêu chúng tôi dậy, hạch hỏi, hăm dọa khám xét lung tung khắp nhà đến hừng sáng mới trở về, công cốc!

Chúng tôi mới vừa qua con sông gió tưởng đã là tạm yên, nhưng sáng hôm ấy bác Ba tôi là ống cả Mến ghé ghe hầu vào bến và bề vệ chống ba-tơng vào ngôi nơi nhà giữa, nghiêm giọng hỏi má tôi:

— Thăng Khanh đâu hả, thím?

Nép tránh cặp mắt oai quyền của ông, má tôi đáp lại:

—... Thưa « hía » ... nó ở trên... trại ruộng!... « Hía » cứu lấy nó?

— Chớ sao? Tôi là bác nó, cha nó mất rồi, tôi phải lo cho nó. Nó đừng trốn tránh như vậy không nên, mà liên lụy đến cả nhà và thân tộc nữa.

— Nó có... hề gì không, « hía »?

— Chắc không sao đâu. Quan chủ quận bằng lòng cho đứng bảo lãnh cho nó. Ông biểu tôi phải gọi thăng Khanh ra Ông răn dạy mà thôi rồi sẽ thả về.

Lúc ấy có một người chú họ tôi tên là Chin Miên, cũng trạc tuổi anh Ba tôi, đã có mặt nơi nhà từ ban sáng, liền vọt miệng nói:

— Rủi thăng Khanh ra trình diện, rồi người ta bắt luôn thì sao?

— É, nói bậy. Quan quyền chớ phải con nít nói chuyện giỡn như mày à?

— Nó trốn được thì để trốn luôn đi. « Hía » làm chức việc, đã không binh vực cho con cháu lại nổ hại nó sao?

Bác tôi sấm mặt lại, vỗ bẹn la lên:

— Chèn đét ời, thăng Chin Miên nói ngược ngạo vậy mà nghe được sao chớ, quý thần đâu không cất lưỡi nó đi cho rồi. Thăng Khanh là gì của tao mà tao nổ hại nó? Nếu không có tao cam kết với quan chủ quận thì người ta đã bắt luôn đến thím Năm và làm khổ luôn cả mấy đứa nhỏ nữa, biết không? Mà tới tao nữa, quan chủ quận còn coi tao ra gì? Tao có trách nhiệm trong làng, con cháu tao, tao không sửa trị được, còn nói gì ai nghe nữa chớ?

Lúc ấy, bà con trong họ nghe nhà tôi có chuyện biến cũng tụ họp đến, người bàn vầy, kẻ tính khác, cãi lầy om sòm lên. Sau rốt, má tôi đành liêu gọi anh Ba tôi về để theo bác Cả ra trình diện.

Liên đó, ông quận Giồng Riềng cho nhốt anh tôi vào khám giam riêng cho những tội phạm tối ư nguy hiểm!



NHỊ VÀNG BÔNG TRẮNG...

Người ta nói « Bị một cái tang làm ăn ba năm chưa khá ». Gia đình tôi phải gánh liên tiếp luôn ba cái tang một lượt!

Đầu tiên là ông nội tôi, kế đó tới ba tôi, rồi sau cùng đến bác Hai tôi, đều mất đi trong năm ấy. Ba cái chết nối liền nhau như thế cũng có một nguyên do và nhiều triệu chứng quái lạ mà gia đình tôi tin tưởng, như phần đông những người đã tận dụng sinh lực yếu đuối của loài người để chống chọi lại với thiên nhiên và thú dữ, đều phải núp bóng ít nhiều dưới sự thần quyền, mê tín.

Trước một tháng khi xảy ra vụ mất vàng của ông tôi như tôi đã kể khoảng trên, chiếc áo lá bằng vải sần-đam đen thường mặc trong nhà của ông bỗng dựng phát cháy bứt mất một túi trong khi ông tôi mắng trên vách. Ông tôi có vẻ buồn lắm và ngờ cùng ba tôi:

— Có lẽ tao gần chết rồi mới sanh điềm quái gở như vậy đó.

Cách ba đêm trước vụ mất trộm, một con chim cú, không biết thuở giờ ở đâu, tự nhiên bay đến đậu trên nóc nhà tôi và cất mỏ quái ác kêu lên ba tiếng thảm đạm rồi bay mất.

Sau khi mất vàng, trong cảnh họ tôi lại nảy sanh ra một sự hiểm khịch mà nguyên nhân sâu

xa là do niềm bất hòa giữa anh chồng và em dâu. Bác Hai cùng bác Ba tôi nghi ngờ mà tôi có những tay vào vụ trộm vàng liền rước xác cô Bầy, nhập đồng vào, để hỏi thủ phạm. Sau khi ợngáp theo thường lệ, xác cô Bầy liền nói :

— Cửa mắt do người quen lấy chứ không phải người nào lạ. Nó đem đi mất rồi. Nó là một người đàn ông còn trẻ, hay đội bê-rê đen, thường bơi xuống qua lại trước nhà. Nó lên cái «hù-hù» (ô-tô) mà đi xa rồi.

Người đàn ông trẻ tuổi, đội bê-rê đen, hay qua lại trước nhà tôi thì không thiếu gì, nhưng đặc biệt nhất có chú tư Trọc là con của một ông bạn rượu với nội tôi, và cậu Bầy em ruột của má tôi.

«Côn» (ông nội) tôi và Bác Hai với bác Ba vỗ bàn vỗ ghế khen hay hết sức, vì ai cũng ngờ cho cậu Bầy tôi a-tùng với má tôi. Người ta còn rượt đến một ông thầy bùa kêu là chú Cai— vì trước va có từng làm cai lính tập— để dùng bùa linh giáo nghiệm kẻ gian cùng người ngay. Thầy bùa đun sôi ừn-ực một chảo dầu trong rồi bảo :

— Kể nào ăn cắp, khi nhúng tay vào dầu sôi, phải bị phỏng.

Thầy bùa cầm vuốt lấy ngón tay trở của một người bàn quan, đọc lâm dâm vài câu thần chú rồi nhúng ngón tay vào

chảo dầu sôi và kéo ngay ra : ngón tay vẫn vô sự. Thầy bùa thử phép tới bác Hai tôi cũng một kết quả như thế. Đến phiên ba, má tôi, thầy ta cầm lấy ngón tay mà nhúng vào dầu sôi lâu hơn những người khác. Khi kéo tay lên, ngón trở của ba và má tôi tái nhợt hẳn ra và héo da lại như bị ngâm lâu vào dấm !

Nội tôi và hai bác tôi đã ngờ vực, lại được thêm phần ắc chắc. Chiều đến, bà nội và cô Tư mới lên đến nhà tôi, liền rầy ba má tôi :

— Tại sao tụi bây ngu dũ vậy, dám để cho thằng cha thầy bùa bả láp những tay vào chảo dầu sôi ? Rủi cụt tay mà chết thì bây còn bầy tám dứa đó bỏ lại ai nuôi? Nếu gặp tao, tao nhúng đầu thằng cha thầy bùa đó vào chảo dầu cho nó biết ! Nhà mắt của, đã không chung sức kiếm trộm, lại nghi kỵ nhau là nghĩa gì ?

Cách tuần, nơi mục tin tức của tờ báo Công-Luận xuất bản tại Sài-Gòn có vẽ cái hình ông nội tôi ngã xiêu bên lỗ chôn vàng với cái tựa to : « Trong vụ ông Trương-Quang-Từ, nghiệp chủ ở Cái đước nhỏ, bị mất trộm 40 lượng vàng, người con trai út có liên can gì không ? » Cô Tư tôi vẫn hay đọc báo thấy vậy liền hỏi dò xem và được biết chính bác Ba tôi là tác giả bài báo xuyên tạc nọ.

(Còn nữa)

➤ Hãy giải thích cho tôi hiểu về một hạt cát, Tôi sẽ giải thích cho hiểu về ông Trời.
LAMENNAIS



NHỜ CÁC BẠN TRẢ LỜI GIÙM

*

★ 1.— Hiện nay có HAI LÃNH-TỰ của hai cường quốc bằng tuổi nhau. Hai vị đó là ai? Làm chức gì? Ở nước nào? Sinh năm mấy? Tại đâu?

LÂM-BÌNH-LỄ (Tuy-Hòa)

★ 2 — Tỉnh nào ở Nam Việt là nơi sanh-trưởng của bà Từ-Dũ, MẸ VUA TỰ-ĐỨC?
Tỉnh nào ở Nam-Việt, là quê - quán của MẸ VUA THIỆU-TRỊ?

★ 3.— Bạn thử kể tên vài nhà THI-SĨ MŨ từ xưa đến nay, trên Thế giới? Trong trường-hợp nào các bậc nhân-tài ấy bị mù?

★ 4.— Một NHẠC-SĨ đại-tài, của Thế kỷ XIX, danh-tiếng lẫy-lừng thế-giới, có nuôi một con chó mà ông thương lắm. Nhưng khi ông nghèo xơ-xác, đi lang-thang nơi này nơi nọ, nợ nần lung-tung, bị đói, bị khổ, thì con chó phản-bội luôn cả ông, và bỏ đi không theo ông nữa. Đại Nhạc-Sĩ ấy là ai? Và CON CHÓ BẤT-NGHĨA tên gì?

★ 5.— Tên đường phố Sài Gòn :
Cao-Thắng là ai ?
Bùi-thị-Xuân là ai ?
Sương-nguyệt-Ánh là ai ?

★ 6.— Người Pháp nào đã dịch hết quyền truyện Kiều ra thành thơ Pháp? Người ấy làm nghề gì, ở đâu?

★ 7.— Ai đã kêu lên câu nói bất hủ này: « O Liberté ! Que de crimes on commet en ton nom ! » — (Ô Tự do ! Người ta đã phạm biết bao nhiêu tội-lỗi vì danh-nghĩa của mi !)
Trong trường-hợp nào người ấy kêu lên câu ấy?

(Ba-Tèo sẽ trả lời trong Phở-Thông số 3)



★ **VĂN-NGHỆ TINH HOA**

(Kim Khánh xuất bản)

Một tập hợp-tuyển độ một trăm bài thơ theo các loại Bát cú, lục-bát, tứ-khúc, ca-trù, v. v. của các ông Ngọc-Cầm, Thanh-Son, Bạch-Lĩnh, Phạm-ngọc-Khuê, Hoa-Lư, Đỗ-văn-Việt, v. v... Trên hai-mươi tác-giả. Phần nhiều Thi-tứ đượm màu quốc-gia, hoặc tả cảnh, tả tình. In trên giấy láng, dày 85 trang. Giá bán 32 \$.

★ **TỰ-DO BÁO-CHÍ, của Nguyễn-vạn-An.**

(Tác-giả xuất bản)

Một tập khảo-luận khá đầy-đủ về tất cả các vấn-đề liên quan đến Tự-do ngôn-luận và Báo chí, Tài-liệu lịch-sử xác-đáng, biên soạn rất công-phu. Dày 98 trang. Giá bán 20 \$.

★ **HỎI NGÁ TỰ-VỊ, của Từ-Phát, giáo-sư.**

(Nhà xuất bản Thanh-Quang, Sài-gòn)

Một quyển sách thuộc về loại giáo-khoa. giải nghĩa đầy đủ các quy-tắc về hỏi ngã, không những rất cần cho các học sinh mà cho cả những người viết sai chính-tả Việt-Nam, nhất là về dấu ? và dấu ~. Trình bày rành mạch. Dày 333 trang. Giá bán 33 \$.

✱ Còn nhiều sách và bản-nhạc, chúng tôi vừa nhận được, sẽ xin giới thiệu trong số 3.

MỘT TANG CHUNG CỦA GIỚI
VĂN-NGHỆ VIỆT-NAM

CỤ HỒ - BIỂU - CHÁNH

ĐÃ TỪ TRẦN

TIN nhà văn lão thành, cụ Hồ Biểu Chánh, từ trần ngày 4-11-1958 tại Sài-gòn, đã gây xúc động cho toàn thể giới Văn Nghệ và các giới Đồng-bào mến chuộng tiểu-thuyết của Cụ, ở khắp nơi trên giải đất Việt Nam tự do. Tất cả báo chí nước nhà đã loan tin buồn với những lời lẽ layn tiếc, thương mến. Nhiều tờ báo



ngoại quốc (Anh, Mỹ, Pháp...) cũng đã bắt được ai tin trên và đồng thời ngỏ lời chia buồn với giới Văn Nghệ Việt-Nam.

Chúng tôi xin thành tâm cầu chúc Hương hồn Cụ sớm tiêu điều nơi cõi phúc.

PHỒ - THÔNG TẠP - CHÍ

BONJOUR TRISTESSE, CỦA F. SAGAN



Buồn ơi, Chào Mi!

(Xem từ P. T số 1)

DIỆU-HUYỀN dịch

CHƯƠNG II

MỘT tuần nữa Anh-Lệ mời đến. Tôi phải lợi-dụng ngay bây giờ ngày ấy là những ngày chót tôi được nghỉ hè thật sự. Chúng tôi đã thuê biệt thự này hai tháng, nhưng tôi biết rằng hè Anh-Lệ đến là đờng hồng nghỉ ngơi hoàn toàn được nữa. Anh-Lệ hay chú ý đến những khía-cạnh của sự vật, những ý-nghĩa của lời nói mà Ba tôi và tôi thì ít hay quan-tâm tới. Nàng ưa đặt ra những cách điệu phong-nhã, tế-nhị, mà người ta cảm thấy lộ ra trên nét mặt của nàng, trong những lúc nàng im-lặng giận hờn, hoặc thối-thoát đột-ngột. Thật là vừa bực mình, vừa chán-nản đề rồi rồi rồi cả. Tôi bị đóng đinh vào bãi cát

minh vì mình cũng phải nhận là nàng có lý.

Hôm nàng sắp đến, Ba tôi quyết định đi với Yến-Hoa đón nàng ở ga Fréjus. Tôi thì cương quyết không dự cuộc hành-trình. Thất vọng vì thái-độ của tôi, ông ra vườn bẻ hết tất cả những cành hoa lê-dơn để đem đi tặng Anh-Lệ lúc nàng ở trên tàu hỏa xuống. Tôi chỉ khuyên ông đừng bắt Yến Hoa phải ôm bó hoa ấy.

Ba giờ, khi hai người đã ra đi rồi, tôi xuống bãi biển. Nắng chan-chan. Tôi nằm dài xuống cát, lim-dim ngủ, thì có tiếng Tuấn-Sinh gọi tôi dậy. Tôi mở mắt, thấy nền trời trắng-toát, chói cả nắng. Tôi không trả lời Tuấn-Sinh; tôi chẳng thiết nói chuyện gì với chàng, hay với ai cả. Tôi bị đóng đinh vào bãi cát

đôi tất cả sức-mạnh của nắng hè, hai tay tôi nặng trĩu, miệng tôi khô-rúm.

Chàng bảo :

— Cô chết hả? Ở xa, trông thấy cô như một cái xác hoang, trôi dạt vào bờ...

Tôi mỉm cười, chàng ngồi cạnh tôi và tự-nhiên tim tôi đập đờm-độp, âm-ĩ, chỉ vì trong lúc chàng mới ngồi bàn tay chàng khẽ chạm vào vai tôi. Trong tuần trước, tôi tập bơi thuyền giỏi quá đến nỗi chàng với tôi bị té xuống nước mười lần, hai đứa dính xà-ney với nhau, nhưng tôi không hề thấy rạo-rực chút nào. Thế mà hôm nay, chỉ tại cái nắng đó, tại cơn ngủ lim-dim đó, tại cử-chỉ vụng-về của chàng đó, mà trong người tôi bỗng có cái gì như muốn êm-dềm tan vỡ. Tôi xây mặt lại ngó chàng. Chàng ngó tôi. Tôi mới bắt đầu hiểu chàng : chàng vững tinh-thần, đối với tuổi của chàng như thế là người có đạo-đức lắm đấy. Hoàn cảnh của gia-đình tôi, — gia-đình bộ ba kỳ-cục đó — đã làm cho chàng khó chịu. Chàng không hề nói ra, vì quá tử-tế, hay quá nhút-nhát, nhưng tôi cảm thấy rõ trong đôi mắt của chàng thường ngó Ba tôi, nghiêng một bên, ra vẻ oán-thù. Có lẽ Chàng thầm mong rằng hoàn cảnh gia-đình làm cho tôi bị dày-vò đau khổ? Nhưng tôi chẳng bị đau khổ gì cả, chỉ có hiện bây giờ đây tôi đang bị dày-vò bởi cặp mắt Chàng nhìn tôi, bởi trái tim tôi lão-đảo.

Chàng nghiêng mình bên tôi. Tôi nhớ lại những ngày chót trong tuần này, lòng tôi tin tưởng nơi chàng, yên-vui cạnh chàng, và tôi nhớ tiếc cái miệng ấy kẻ vào miệng tôi, đề lên môi tôi, hơi nặng-nặng và lâu...

Tôi bảo :

— Tuấn-Sinh ạ, mấy hôm rồi chúng mình vui sướng quá nhỉ...

Chàng mon-tròn tôi dịu-dàng. Tôi nhìn lên nền trời; nhưng rồi tôi chỉ còn thấy những tia sáng đỏ rực này ra dưới mí mắt mà tôi nhắm riết lại. Ánh nắng và mùi vị của những nụ hôn đầu tiên, những hơi rên-rỉ, làm đầu tôi choáng-váng thật lâu.

Một tiếng còi xe-hơi khiến chúng tôi phải rời nhau ra như hai đứa ăn trộm. Tôi từ giả Tuấn-Sinh chẳng một lời nói và trở lên nhà. Tôi ngạc nhiên, lẽ nào Ba tôi với Yến-Hoa về mau-lẹ như thế? Chuyến xe lửa chở Anh-Lệ không thể đến sớm được. Nhưng tôi lại trông thấy chính Anh-Lệ đứng trước hè, nàng đi xe riêng của nàng vừa mới trong xe bước ra.

Nàng bảo :

— Mai nhà của Nàng-Tiên đang ngủ trong Rừng! Mộng-Linh! Đa cô xạm nắng dữ ha! Gặp cô, tôi vui mừng lắm!

Tôi bảo :

— Tôi cũng thế. Bà ở Paris đến đấy chứ?

— Tôi thích đến bằng xe hơi hơn. Vả lại, tôi mệt đừ!

Tôi đưa nàng vào căn phòng để dành riêng cho nàng. Tôi mở cửa sổ, mong được thấy chiếc thuyền của Tuấn-Sinh, nhưng nó đã biến mất rồi. Anh-Lệ ngồi xuống giường. Tôi thấy những bóng mờ trên vành mắt nàng.

Nàng nói phều phào:

— Biệt-thự này xinh quá! Chủ đâu?

— Ông đi lên ga với Yến-Hoa để đón bà.

Tôi vừa đặt va-li của nàng trên một chiếc ghế, quay lại vừa thấy nàng bỗng đứng xịu mặt, miệng làm-bầm:

— Yến-Hoa Mạc-Thanh-Tú? Ông đem Yến-Hoa Mạc-Thanh-Tú về ở đây?

Tôi chẳng trả lời thế nào cả. Tôi nhìn nàng, sững sốt. Gương mặt của nàng, tôi thường thấy đằm tĩnh lắm, tự-chủ lắm, thế mà hôm nay như biến hẳn vào các hình-ảnh mà câu nói của tôi đã gợi ra cho nàng. Một hồi lâu nàng mới nhìn tôi rồi ngoảnh mặt, bảo:

— Đáng lẽ tôi phải báo trước cho các người biết, nhưng vì tôi vội đi quá, vì tôi mệt quá...

— Rồi bây giờ...

— Bây giờ thì sao?

Bà hỏi tôi với giọng khinh-khinh, coi như không có chuyện gì xảy ra.

Tôi xoa hai tay, trả lời một cách khờ-khếch:

— Bây giờ thì bà đã tới đây rồi. Tôi rất vui mừng được có bà ở đây, bà biết không. Tôi xuống dưới sân đợi bà; nếu bà thích uống thứ gì, xin mời bà xuống, có đủ thứ giải khát.

Tôi đi ra, miệng còn ấp - ứng, và bước xuống mấy bậc sân, đầu-óc ngồn-ngang bao nhiêu ý-nghĩ. Tại sao mặt nàng quau-quọ như thế, giọng nói bối-rối như thế, như người mất tinh-thần vậy? Tôi ngồi xuống ghế dài, tôi nhắm mắt. Tôi rần hồi tĩnh lại những nét mặt của Anh-Lệ: mĩa - mai, hoạt bác, oai-nghiêm. Khám-phá được bộ mặt hay biến đổi ấy, tôi vừa cảm-động, vừa bực mình. Nàng có yêu Ba tôi không? Có thể nào nàng yêu ông không? Ông chả có gì là thích - hợp với nàng cả. Người ông yếu đuối, nhẹ dạ, đôi khi ngó-ngần, nàng thích được chàng?

Hay là tại nàng đi đường mệt nhọc nên đâm ra khó chịu, hay tại tinh-thần bất mãn? Tôi ngồi hàng giờ để giải-quyết những thắc-mắc ấy.

Năm giờ thì Ba tôi với Yến-Hoa về. Tôi ngồi xuống xe. Tôi thử ngấm ông coi Anh-Lệ có thể yêu ông không, Ông bước nhanh đến tôi, đầu ông hơi nghiêng về phía sau. Ông tùm - tùm cười. Thấy điệu-bộ ông như thế, tôi

nghĩ rằng rất có thể Anh-Lệ yêu ông, mà ai cũng có thể yêu ông.

Ông nói to lên:

— Không thấy Anh-Lệ đâu cả! Mong rằng không phải bỏ té xe lửa!

Tôi bảo:

— Bà ở trong phòng. Bà đã tới bằng xe hơi.

— Thiệt hả? Ồ hay quá! Con hãy cầm bó hoa này lên mừng Bà đi thôi!

Vừa có tiếng Anh-Lệ réo lên:

— Anh có mua hoa cho em đây r?

Anh từ-tế quá nhỉ!

Nàng xuống mấy bậc hè để gặp Ba tôi, coi bộ nàng thanh-thơi, tươi-cười, trong chiếc áo không có vẻ mệt nhọc như đã đi đường xa. Tôi buồn lòng nghĩ rằng nàng nghe tiếng xe Ba tôi về nàng mới xuống, và đáng lẽ nàng nên xuống sớm hơn một chút để nói chuyện với tôi chứ, như chuyện tôi vừa thì rớt chẳng hạn. Nhưng thôi, nói đến chuyện tôi trượt võ chuối nào có vui gì!

Ba tôi chạy tới nàng, hôn bàn tay nàng:

— Tôi đợi Anh-Lệ mười lăm phút đồng hồ, cứ đứng chực mãi ở hè ga với bó hoa này ôm trong tay và một nụ cười trên môi như người ngó ngần. Té ra em đã đến đây rồi, thật cảm ơn Chúa! Em có biết Yến-Hoa Mạc-Thanh-Tú không?

Tôi quay mặt nơi khác. Anh-Lệ rất nhã-nhận nói:

— Có lẽ chúng em đã gặp nhau ở đâu rồi. Anh để dành cho em một căn phòng đẹp quá,

anh Lê-Môn à. (1) Đang lúc em mệt nhọc mà được anh mời đến ở đây, thật là anh có bụng tốt với em.

Ba tôi nở môi. Đối với ông, mọi

việc đều được tốt đẹp cả. Ông thao-thao bất tuyệt, rồi mở rượu ra đãi khách. Riêng tôi, lúc thì tôi nhớ lại khuôn mặt đê mê của Tuấn-Sinh, lúc thì tôi nhìn gương mặt của Anh-Lệ, cả hai đều ghi đậm nét mãnh-liệt, và tôi tự hỏi kỳ nghỉ-hè này sẽ còn giản-dị như Ba tôi đã nói hay không?

Bữa ăn tối đầu-tiên thật là vui. Ba tôi và Anh-Lệ nhắc lại

(1) Raymond.



chuyện trước kia hai người tuy ít khi gặp nhau nhưng cuộc giao-hảo có màu sắc cao-thượng. Tôi cười nhiều lắm mãi đến lúc Anh Lệ bảo rằng người bạn hùn-vốn với Ba tôi có cái đầu nhỏ-xiu. Ông ta có tính ưa nhậu-nhết, nhưng rất tử-tê, và Ba tôi với tôi còn nhớ những bữa ăn rất vui vẻ với ông, cho nên tôi phản-đối Anh-Lệ:

— Ông Long-Bá (Lombard) vui tính lắm chứ, cô Anh-Lệ. Tôi thấy ông ấy rất vui.

— Nhưng mà cô cũng nên công nhận rằng hần ta còn kém lắm, và hần nói khôi hài có vẻ...

— Ông ta có lẽ không được những hình thức thông-minh thông-thường, nhưng mà....

Nàng cắt ngang lời nói của tôi, với cái giọng người lớn khoan-hồng với con-nít:

— Cái mà cô gọi là những hình thức của thông-minh, chỉ là tuổi-tác của nó thôi.

Tôi khoái nghe câu nói gọn-gàng quyết-liệt như thế lắm. Nhiều câu nói của Anh-Lệ toát ra, theo nhận-xét của tôi, một phong-độ tri-thức, siêu-nhã, rất hấp-dẫn mặc dầu tôi chẳng hiểu thấu-suốt được chẳng nữa. Như câu vừa rồi, tôi chỉ ước-ao được có ngay khúc bút chì và quyển sổ con để ghi-chép. Tôi thờ-lộ ý ấy cho Anh-Lệ nghe. Ba tôi phì cười:

— Như thế là con-biết: phục thiện đa!

Tôi không hờn giận Anh-Lệ bởi vì nàng không có ác-ý. Tôi biết nàng hoàn-toàn vô-tâm, những nhận-xét của nàng không có cái khía-cạnh sắc bén của tàn-nhân.

Buổi tối đầu tiên hôm nay, Anh Lệ hình như không để ý đến Yến-Hoa đã vô-tình hay cố-ý đi vào thặng trong buồng ngủ của Ba tôi. Anh-Lệ có đem cho tôi một chiếc áo sần-day, nhưng không để cho tôi nói cảm ơn. Nàng không thích nghe lời cảm ơn, còn tôi tuy vui mừng nhưng không háng hái cảm ơn lắm, nên cũng không nhọc-công nói làm gì.

Trước khi tôi đi ra, nàng bảo tôi:

— Tôi thấy cái cô Yến-Hoa đó cũng ngoan lắm đấy.

Nàng nhìn ngay vô mắt tôi, không cười, nàng đang tìm trong trí-óc tôi một ý-nghĩ mà nàng muốn phá tan. Tôi cũng tỏ vẻ không nghi-ngờ gì:

— Vàng, vàng, nàng là một... một thiếu nữ... duyên-dáng... rất khả-ái.

Thấy tôi nói ắp-ứng, nàng phì cười. Rồi tôi đi ngủ. Lòng tôi bức-rức lắm. Tôi nhắm mắt lìm dim mà nhớ đến Tuấn-Sinh, có lẽ giờ này chàng khiêu-vũ ở Cannes với mấy cô ả.

Tôi lại nhớ rằng tôi đã quên, và tôi bắt buộc phải quên cái quan trọng hơn hết: là mặt biển, nhạc điệu không ngọt của nó, và mặt trời. Tôi cũng quên

luôn bốn cây ti-dơn cao trong sân một nhà nội trú ở tỉnh với mùi thơm ngào-ngạt của nó; và nụ cười của Ba tôi đón tôi ở trên hè nhà ga hôm tôi ở trong nhà nội trú ra về ba năm trước đây, ông cười gượng bởi vì tôi lúc ấy hãy còn kẹp tóc và mặc một áo đen xấu inh. Và ngồi trong xe, Ba tôi bỗng đứng hân-hoan hành-diện vì mắt tôi giống mắt ông, miệng tôi giống miệng ông và ông coi tôi như một con búp-bê đẹp nhất và quý nhất của ông. Hồi đó tôi chưa biết gì cả; ông sắp đưa tôi lên Paris để chỉ cho tôi thấy cuộc đời hoa-lệ, dễ-dàng. Tôi cho rằng phần nhiều những thú vui của tôi lúc bấy giờ đều do tiền bạc mà có: thú vui đi xe hơi thật nhanh, thú vui có một áo mới, thú vui mua các đĩa hát, các quyển sách, các bó hoa. Được những thú vui dễ-dãi như thế, hồi đó tôi chưa cho là nhục-nhã, và lại tôi gọi đó là những thú-vui dễ-dãi chỉ vì tôi nghe người ta gọi thế. Đáng lẽ tôi tiếc những cơn buồn-não của tôi lắm, cũng muốn phủ-nhận những khủng-hoảng huyền-bí trong tâm hồn tôi. Sự ham vui, ham sung-sướng, đó mới là khía-cạnh bền-chắc của tính tôi. Có lẽ tại tôi ít đọc sách chẳng?

Nhưng ở nội-trú, có ai đọc sách đâu! Có chăng cũng chỉ đọc những sách giáo-huấn thôi. Ở Paris, tôi không có thì-giờ đọc sách: Mãn giờ học, bạn bè

lôi kéo tôi vào các rạp chớp-bóng, tôi, không biết tên các nhà tài-tử và các cô đào hát; sự ấy khiến bạn bè tôi ngạc-nhiên lắm. Hoặc họ rủ tôi đến các tiệm nước, ngồi uống cà-phê dưới nắng; tôi nếm lạc khoái được lẫn-lộn trong đám đông người, được uống, được ngồi với một người, người ấy nhìn vào trong mắt mình, nắm tay mình rồi rút cuộc là dẫn mình đi xa khỏi đám đông ấy. Chúng tôi cuốc bộ quanh các đường phố về đến nhà. Đến đây chàng kéo tôi vào sau một cánh cửa và hôn tôi: vì vậy tôi đã khám-phá được thú vui của những nụ hôn yêu. Tôi không cần kể tên những cái kỷ-niệm ấy: anh Xoài, anh Ôi, anh Mit... những cái tên rất tâm-thường của đàn ông mà cô thiếu nữ nào cũng biết. Đền tối, người tôi lại già đi một tí, tôi đi theo Ba tôi đến những nơi ăn uống, nơi đây tôi chẳng biết làm gì cả, những nơi có đủ các hạng người, tôi chỉ cười đùa hoặc họ cười đùa với tôi vì thấy tôi còn trẻ. Đến lúc ra về Ba tôi đỗ xe cho tôi xuống trước cổng, để ông tiên đưa một cô bạn gái của ông. Thường thường những đêm ấy tôi không nghe tiếng Ông trở về nhà.

Tôi không muốn để các bạn tưởng rằng Ba tôi thích phô bày trước mắt tôi những cuộc phiêu lưu như thế. Có lẽ ông thấy không cần phải giấu giếm tôi làm gì, hoặc ông cũng chả cần nói với tôi những lời đứng đắn

hoặc giả dối để bảo chữa cho sự ông hay đi ăn uống với một cô bạn gái nào của ông, hoặc thuê nhà riêng cho cô ấy ở. Cũng may là ông chỉ thuê tạm thời thôi. Và lại trước sau gì, tôi cũng không thể không biết cái tính-cách giao thiệp của ông với các cô « qui khách » ấy, và thà rằng như thế ông còn được lòng tin của tôi hơn là ông phải khó nhọc tưởng tượng chuyện này chuyện nọ để giấu tôi. Kể ra, ông tính-toán như thế cũng hay đấy. Nhưng có điều không hay là đôi khi hành động của ông gợi cho tôi một niềm ô-nhục chán chường về những chuyện ái-tình mà đối với tuổi

tôi và kinh nghiệm của tôi đáng lẽ phải thú vị thanh tao hơn. Tôi ra lập đi lập lại những câu danh ngôn, như câu sau đây của Oscar Wilde : « Trong thế-giới loài người hiện tại, chỉ có tội lỗi là màu sắc thẩm tươi chói lọi hơn cả ». Tôi tin tưởng câu danh ngôn này lắm. Tôi tin rằng cuộc đời của tôi có thể rập trong khuôn-mẫu của câu ấy. Tôi quên những thi-giờ đã tàn-tạ, thiếu liên-lục, tôi quên cả những tình-cảm tốt đẹp hằng ngày. Lý-tưởng của tôi lúc bấy giờ là sống cuộc đời đê-tiện và xấu-xa, ô-nhục.

HẾT CHƯƠNG II
(Còn nữa)

★ Việc làm hôm nay, đừng để ngày mai!

Một ông chủ hãng buôn dặn người thư ký :

— Tôi nhận thấy hồi này anh làm biếng quá ! Từ nay tôi muốn anh phải nhớ lấy câu phương ngôn : « Cái gì có thể làm được hôm nay, chớ để đến ngày mai ».

Hôm sau, người thư ký không đến làm việc nữa và trong kết bực ông chủ bị mất 20 vạn đồng !

★ Ngẩn... ngờ !

Ngân : Trời ! Lâu lắm nay mới gặp anh ! Sao hồi này anh thay đổi nhiều quá ? Má hóp, mắt sâu, trán sói, tóc bạc... Sao thế hả anh Ất ?

Ngơ : Không phải tên tôi là Ất, đâu anh Giáp à anh lộn rồi, tôi là Ngơ chứ !

Ngân : Thế ra anh lại thay đổi luôn cả tên nữa sao ? Tôi cũng không phải tên Giáp nữa đâu. Tôi là Ngân mà !
Q. B.



(Xem bài trang 82)

VIỆT-NAM, QUA 4.000 NĂM CA-ĐAO



● * * ☆ BA TÈO * * ●

(Xem Phở Thông từ bộ mới số 1)

★ của Lâm-Bình Lê (Tuy-Hòa)

- 2128.— Ai về Bình-Dịnh mà coi
Con gái Bình-Dịnh cầm roi đi
quyền.
- 2129.— Đêm nằm nghe vạc kêu
cạnh
Nghe chuông động sáng nghe
anh dô nằng.
- 2130.— Anh xa em ra
Chưa đầy một tháng
Nước mắt em lai láng
Hai tâm đêm ngày
Bao giờ nước rão đồng Mây
Sông Gianh bớt chảy dạ này thôi
thương !
- 2131.— Đi bộ thì khiếp Hắt-Vân
Đi thủy thì khiếp sóng-thần hang
Đoi.
- 2132.— Đã sinh ra kiếp đàn ông
Đèo cao núi thẳm sống cùng quẩn
chí.

- 2133.— Lụa này là lụa Cổ đô
Chính tông lụa Cống các cô ra
dùng.
- 2134.— Có ăn có chọi mới gọi là
trầu.
- 2135.— Trò Ba đi học đàng xa
Cơm canh ai nấu cửa nhà ai coi ?
Cửa nhà thì có con Ba
Trầu cau con Bốn rượu trà con
Năm
Một xâu chia khóa con Sáu cầm
Giang sơn con Bảy giữ, lão tần
con Tám lo.
- 2136.— Chiều chiều quạ nói với
điều
Ở trong đám bấp thiết nhiều gà
con
Gà con bươi rác bươi rơm
Còn anh chèo-chèo (1) đòi cơm
tối ngày

(1) Giống chim mình đen, nhỏ nhưng đánh lộn hơn quạ và diều.

★ của Tô-khieu-Phuong (Sàigòn)

2137.— Anh đi dăng ấy xa xa
Đẽ em óm bóng trăng là năm
canh.

2138.— Ước gì sông hẹp bằng gang
Bắc cầu giắt yếm cho chàng sang
chơi.

2139.— Người ta yêu đẽ trên cõi
Nấp vàng đây lại ở nơi giường
thờ.

Đêm qua ba bốn lần mơ
Chiêm bao thò thấy, dậy rờ thì
không!

2140.— Sông bao nhiêu nước cũng
vừa
Trai bao nhiêu vợ cũng chưa
bằng lòng.

2141.— Đàn ông sâu sắc nước đời
Đàn bà cạn sỏi như coi ăn trâu.

2142.— Đường xa xa thật là xa
Mượn người làm mối cho ta một
người
Một người mười tám đôi mươi
Một người vừa đẹp, vừa tươi hơn
mình.

2143.— Đêm qua đốt đỉnh hương
trầm
Khỏi lên nghi ngút âm thầm lòng
ai.

2144.— Vẽ rồng ai vẽ được vì
Biết người biết mặt biết chi tâm
lòng.

2145.— Ngựa nào gác được hai
yến
Vợ nào chịu đẽ đánh ghen hai
chồng.

2146.— Giàu thì thịt, cá, com,
canh
Khó thì lưng rau dĩa muối cùng
anh, tôi đi lấy chồng.
Hỡi anh chồng cũ tôi ơi
Anh có khôn thiêng xin Anh giữ
đây ăn xôi nghe kèn

Thối! Đã về nghiệp ấy xin anh
đừng ghen
Đẽ cho người khác cầm quyền
thê nhi
Miệng em khóc, tay bẽ ảm cái ống
thần-vi
Tay em gạt nước mắt tay em
thì thấp nển nhang
Bởi vì đau mà nên xót nỗi vô
vân!

2147.— Đói ta là nợ là tình
Là duyên là kiếp đời mình kết
giao
Em như hoa mận hoa đào
Cái gì là ngãi tương giao hỡi
nàng?

2148.— Chồng giận thì vợ làm
lành
Miệng cười hơn hở răng anh giận
gì?

Thưa anh, anh giận em chi
Muốn lấy vợ bé, em thì lấy cho.

2149.— Làm thơ mà dân cây
chanh
Trai bỏ học hành gái bỏ bán
buôn.

2150.— Cành đào lá liễu phất phơ
Lấy ai thì lấy còn chờ em chi.

2151.— Công ai chọn ngọc thử
vàng
Chọn càng ra sỏi, thử càng ra
thau.

2152.— Ăn sao cho được mà mời
Thương sao cho được vợ người
mà thương.

2153.— Hoa sen mọc bãi cát lằm
Tuy rằng lằm lạp vẫn mầm hoa
sen.

2154.— Nước mắm ngon dằm con
cá đối
Nhấn với nằng dợi tối anh qua

2155.— Cửa chùa ai thấy cũng
thèm
Em cho chị mượn chồng em vài
ngày.

— Chồng em nào phải trâu cày
Mở cho chị mượn cả ngày lẫn
đêm?

2156.— Đàn bà yếu chân mềm tay
Làm ăn chẳng được mà hay nõ mồm.

2157.— Có ấy mà lấy anh này
Chẳng phải đi cấy đi cày nữa
đâu.

2158.— Vì chưng cho núi lên trời
Vì chưng gió thổi hoa cười với
trăng.

2159.— Em đây chỉ mến người tài
Đánh đồng đồng thẳng, đẹp đôi
đôi tan.

2160.— Anh nhất thì tôi thứ nhì
Ai mà hơn nữa tôi thì thứ ba.

2161.— Ông ai một chút chẳng quên
Phiền ai một chút đẽ bên cạnh
lòng.

2162.— Người khôn chưa đặng đã
đo
Chưa đi đến bể đã dò sông sâu.

2163.— Một đời phú quý, vinh hoa
Một đời đói rách cũng qua một
đời.

★ của cô Tôn-thị Bích, buôn-bán
chợ Đông-Ba (Huế)

2164.— Đấy vàng-đấy cũng đồng
đen
Đấy hoa sỏi trắng, đấy sen Tây Hồ
Đấy em như tượng mới tó.
Đấy anh như người ngọc họa đồ
trong tranh.

2165.— Cỏ tay em trắng như ngà
Con mắt em liếc như là dao cau

Miệng cười như thề hoa ngà,
Cái khần đội đầu như thề hoa sen.

2166.— Người ta con trước con
sau,
Thân anh không vợ như cau
không buồng.
Cau không buồng ra tuồng cau
đực,
Trai không vợ cực lắm em ôi,
Người ta đi đón về đôi
Thân anh đi lẻ về loi một mình!

2167.— Gái đâu có gái lạ đời,
Chỉ còn thiếu một ông trời không
chìm.

2168.— Học trò trong Quảng ra 'hi
Thấy cô gái Huế bỏ đi không đành.

2169.— Sao Rua đã mọc ngang đầu
Sao em ở mãi làm-giàu cho cha?
Giàu thì chia bầy chia ba,
Thân em phận gái được là bao
nhiều?

2170.— Áo em đang khố không
ngờ áo em ướt
Bởi hiềm vì anh chậm bước
Nên thầy mẹ bán gả em đi.

2171.— Thiếp với chàng vô can
vô cơ
Vương lấy chữ tình thêm nhớ
thêm thương!

2172.— Chàng về thiếp một theo
mày
Con thơ ở lại giữa chốn này ai
nổi!
(Còn nữa)

★ Thiếu nợ

Át: Bạn làm ơn cho tôi vay 1000 \$ tôi có việc tiêu gấp quá.
Giáp: Tôi không có sẵn 1000 \$ ở đây, hiện giờ chỉ có 500 \$ thôi,
bạn lấy xài đở.
Át: Cũng được. Như thế là anh còn thiếu tôi 500 \$ nữa nhé.
Q. B.

XIN LƯU Ý : Vì nhiều vấn - đề kỹ - thuật, trong ba bốn số đầu
tạp - chí có thể ra trễ 4 hay 5 hôm, nhưng vẫn ra đều
mỗi tháng 2 kỳ. Xin bạn đọc thông cảm cho.

ĐA TẠ

★
**ĐÍNH CHÁNH NHỮNG CHỖ SAI LẦM
TRONG PHỔ THÔNG SỐ 1**

Trang	cột	gìong		xin đọc	Đồn Đất
36	1	9	Nhà thương Đầm Đất	-nt-	ở Nam Kỳ
40	2	9	như Phạm Quỳnh		

116 mục Ba Tèo trả lời :

Câu trả lời	}	năm 1939	xin đọc	năm 1945 trên
thứ hai				
Câu trả lời	}	năm 1943 trên	xin đọc	năm 1945 trên
thứ ba				

Các lỗi này trong 10.000 cuốn số 1 in thêm lần thứ hai đã
sửa lại rồi.

PHỔ THÔNG SỐ 2

Trang	cột	hàng		xin đọc	Nhà bác học Dalton
58	2	16	Nhà bác học Noir	-nt-	Eisenhower
71	2	21	Eishenower	-n-	Chlorophylle
59	2	33	Chloropylle		

Những lỗi về ấn loát như vậy, chắc bạn đọc đã tự sửa giùm cho.
Xin bạn miễn thứ.

Đa Tạ.

★
Tất cả thư-từ đều gửi :

Ô NGUYỄN-VỸ

Giám-đốc Chủ Bút tạp-chí PHỔ-THÔNG
297. Phạm ngũ-Lão - SAIGON

Tổng phát hành : Nam-Cường 185, Nguyễn-thái Học - Saigon

Kiểm-duyệt số 63 ngày 18-11-58



Dân-Ta

ĐÃ PHÁT-HÀNH
NĂM 1957

★ Một địa-chỉ tin nhiệm mà quý vị muốn có những
tấm chân-dung nghệ-thuật



DÔNG ĐÀ

Quán 22 - 24

NGUYỄN-HUỆ

SAIGON

- ★ Một nơi đáng tin-cậy của
quý bạn nhiếp ảnh tài-tử
muốn tráng phim, in, rọi
hình đủ loại.
- ★ Một địa điểm triền-lãm
thường trực những tác-
phẩm nhiếp ảnh chọn lọc.
- ★ Một nơi đầy đủ chuyên viên
lành nghề để quay phim
và chụp hình tại nhà.



CÓ MẤY LOẠI THUỐC BỔ?

BỔ TRẺ CON

Cam tích, bụng lớn nổi gân xanh đồ mồ hôi
đầu, ăn uống chậm tiêu, hãy uống NHI KHOA
BÁ BỔ HOÀN, trẻ em sẽ được mập mạnh
mạnh lớn.

Giá 30 \$ 00.

BỔ THANH-NIÊN

Thận suy, đau lưng nhức mỏi, mộng mị
đi tinh, sức lực suy nhược, hãy uống TAM
TINH HẢI CẦU BỔ THẬN HOÀN hăng hái
yêu đời.

Giá 32 \$ 50.

BỔ TRUNG-NIÊN

Vì quá lao tâm lao lực, đau lưng, ngực
rang, đầu vầng, bần thần mệt nhọc, ít ngủ,
đồi đêm, phòng sự yếu, hãy uống SÂM
NHUNG DƯƠNG TÂM BỔ THẬN HOÀN
sẽ được như ý.

Giá 39 \$ 00.

BỔ LÃO

Các cụ lưng mỏi, gối dòn, khí huyết
suy kém, tỳ vị hư nhược, ít ăn ít ngủ,
uống thuốc DIÊN LINH ÍCH THỌ HOÀN, sẽ
được tỏ tai sáng mắt, sống lâu thêm tuổi.

Giá 39 \$ 00

NHÀ THUỐC VÕ-VĂN-VĂN
201-211, Đại-lộ Nguyễn-thái-Học
SAIGON



ĐỀ BỔ PHỔI, TRỊ HO

DÙNG THUỐC CAO HO:

QUẢNG-AN-TIÊN

Lành ho, mát phổi, thông đàm. Cực kỳ
công hiệu với bệnh: Ho lao. Ho sút huyết.
Ho sản hậu. (Có bán khắp nơi) và tại nhà
thuốc:

QUẢNG-AN-HÒA

169, Lê-văn-Duyệt (Chợ Đút) — SAIGON

Tại đây, Đông-y-Sĩ LÝ-TRÁC xem mạch mỗi ngày.

Chuyên trị các bệnh của Nam phụ lão ấu.

Đề trị tất cả các chứng lao lực, lao tâm,
thiếu máu, kém ăn, ít ngủ chỉ có:

ĐẠI BỔ NGŨ TẠNG-TINH LA-VẠN-LINH

Dùng vài ngày đủ thấy dứt mệt, hết nhức mỏi
đau lưng, được ăn ngon ngủ yên. Một hiệu thuốc
trị lành bệnh di-tinh của thanh niên, bổ huyết điều
kinh cho phụ nữ, bảo vệ sức khỏe cho trẻ em học
sinh có hiệu quả lạ. Ai dùng qua cũng đều vừa
ý — (có để bán khắp nơi).

Dùng Dầu LA-VẠN-LINH để ngừa và trị:
nhức đầu, đau bụng, cảm, sổ mũi, Mùi thơm
địu — (có bán khắp nơi).